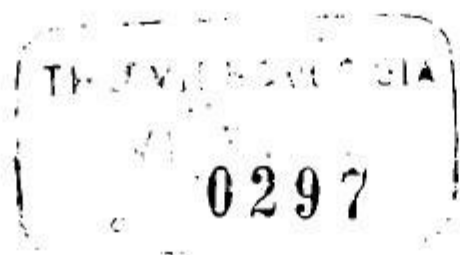


HQC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH

NIÊN KHÓA 1968 - 1970

**NỀN HÀNH-CHÍNH
ĐÔ-THÀNH SAIGON**



GIÁO-SƯ HƯỚNG-DẪN :

Ô. NGUYỄN-VĂN-VÀNG

Tổng-Trưởng Phụ Thủ-Tướng

SINH-VIÊN ĐỀ-TRÌNH

VŨ - VĂN - AN

1970

LVHC

297

LUẬN - VĂN TỐT - NGHIỆP BAN CAO - HỌC

THÀNH KÍNH TRI ÂN:

- Giáo-sư NGUYỄN-VAN-VÀNG,
Bộ-trưởng
Phủ Thủ-Tướng,

đã tận-tình hướng-dẫn và
khích-lệ chúng-tôi hoàn
thành luận-văn này.

- Toàn thể Quý-vị trong

BAN GIÁM-ĐỐC và

BAN GIÁO-SƯ tại

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-

CHÁNH, SÀI-GÒN,

đã đào-luyện chúng-tôi qua
suốt học-trình cao-học

1968-1970

M U C L U C

◆◆◆◆

D Ẫ N N H ẬP

Trang

Vị-trí Đô-thành Sài-gòn trong sinh-hoạt Quốc-gia	1 - 5
I. Thủ-đô chánh-trị hành-chánh	1 - 2
II. Thủ-đô văn-hóa kinh-tế	3 - 4
III. Xúc-dịnh đê-tài	4 - 5

PH Ầ N N H ẤT

Cơ-cấu nền hèn hành-chánh Đô-thành	6 -44
<u>Chương nhất</u> : Lịch-sử nền hành-chánh Đô-thành	6 -20
- Đoạn nhất: Nền hành chánh Đô-thành thời Pháp thuộc	7-10
- Đoạn hai : Nền hành chánh Đô-thành sau 1945	10-13
- Đoạn ba : Nền hành-chánh Đô-thành thời đệ nhất Cộng-Hòa	14-16
- Đoạn bốn : nền hành-chánh Đô-thành sau Cách mạng cho đến nay	17-20
<u>Chương hai</u> : Phân tách nền hành-chánh Đô-thành...	20-44
-- Đoạn nhất: Cơ quan chấp hành: Ông Đô-trưởng	21-25
-- Đoạn hai : Cơ quan chấp hành: Tổchức tòa Đô-chánh	26-31
- Đoạn ba : Cơ quan chấp-hành: các quận và Phường	31-37
- Đoạn bốn : Cơ quan quyết nghị: Hội-đồng Đ.th.	38-44

PH Ầ N H Ạ I

Nhận-xét, đề-nghị, một vài vấn-đề thực-tế của nền hành-chánh Đô-thành	45-98
<u>Chương ba</u> : Nền hành-chánh Đô-thành: nhận-xét và đề-nghị	45-78

	<u>Trang</u>
- Đoạn nhất: Một vài kiểu mẫu tổ-chức hành-chánh Đô-thị	46-52
- Đoạn hai : Nhận-xét và đề-nghị về cơ-quan chấp-hành Đô-thành Sài-gòn	52-63
- Đoạn ba : Nhận xét và đề-nghị về các phân-hệ hành-chánh Đô-thành	63-72
- Đoạn bốn : Nhận xét và đề-nghị về Hội-đồng Đô-thành	73-78
<u>Chương Bốn:</u> Một số vấn-đề thực-tế của Đô-thành Sài-gòn	78-98
- Đoạn nhất: Vấn-đề giải-toả Đô-thành Sài-gòn	79-85
- Đoạn hai : các công-tác liên-quan đến tiện-ích công-cộng	85-90
- Đoạn ba : Những công-tác liên quan đến Công-chánh và kiến-thiết	90-94
- Đoạn bốn : Vấn đề tài-chánh của Đô-thành Sài-gòn	94-98
<u>PHẦN KẾT-LUẬN</u>	99-104
I. Một quy-chế cho Đô-thành	99-101
II. Cung cấp phương tiện thực-thi nguyên-tắc phân-quyền	101-104

D Ặ N N H Ậ P

THU-ĐÔ QUỐC-GIA

**VỊ-TRÍ ĐÔ-THÀNH SÀI-GÒN
TRONG SINH-HOẠT QUỐC-GIA**

Dù được ca-tụng là Hòn Ngọc Viễn-Đông, dù bị kết tội là Đô-thị xấu nhất Thế-Giới (tuần báo Newsweek), Sài-Gòn luôn luôn là tiêu-điểm của sự chú-ý quốc-nội và quốc-Tế. Điều đó không một ai phủ-nhận, vì Sài-Gòn là một trong những thủ-đô đặc-biệt, nơi hội-tụ hầu-hết mọi ngành sinh-hoạt Quốc-Gia. Là thủ-đô hành-Chánh chánh-trị, Sài-Gòn cũng còn là thủ-đô văn-hóa và kinh-tế nữa.

I. Thủ-Đô chánh-trị hành-chánh

Là Thủ-đô của Việt-Nam Cộng-Hòa, Sài-Gòn quy-tụ hầu hết mọi sinh-hoạt chánh-trị của miền Nam. Các cơ-quan thượng tầng của Quốc-Gia đều có mặt trong lòng thành-phố Sài Gòn: cơ-quan hành-pháp, đứng đầu là Phủ Tổng-Thống, bên cạnh có chánh-phủ trung-ương với một phủ-Thủ-tướng, ba phủ quốc-vụ-khanh và 18 bộ với rất nhiều cơ quan trực thuộc quy tụ chừng 85.974 nhân-viên so với 123.961 nhân-viên tại tỉnh(1). Cùng với cơ-quan hành-pháp, trụ sở của hai viện quốc-hội cũng đặt tại Sài Gòn, làm cho những b i ế n đông gần đây (vụ hai dân biểu Châu Hồ) được mọi quan sát viên đặc biệt chú-ý. Cơ-quan đại-diên quyền thứ ba tức Tối-Cao Pháp-viện cũng đặt trụ sở tại đây, càng làm cho sinh-hoạt chánh-trị của thủ-đô Sài Gòn thêm phần sôi-động với những vụ giải-thích Hiến-Pháp, kiên tụng, xử phân giữa Hành-pháp và lập-pháp...

Ngoài ba cơ quan tối cao đó, ta còn thấy sự hiện diện đông - đảo, tại Sài Gòn, của tất cả các cơ-quan hiến-định mà Hiến-Pháp gọi chung dưới danh-hiệu: Các Định-chế đặc-biệt. Đó là Đặc-Biệt Pháp Viên, Giám-sát-Viên, Hội-Đồng Quân-lực, Hội-Đồng Văn-hóa Giáo-dục, Hội đồng Kinh-tế Xã-hội và Hội-đồng các Sắc-tộc. Với ngàn ấy cơ-quan, không chỉ Sài Gòn quả đã bao-trùm mọi sinh-hoạt quốc-gia và ngược lại bất cứ một biến-động nào xảy ra ở khắp nơi trong nước, đều vang dội âm-hưởng tới Sài Gòn.

Sài Gòn còn là nơi đặt các toà đại-diên của các quốc-gia có liên-lạc ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa. Theo thống kê của Bộ-Ngoại-Giao, thì hiện nay còn số các Tòa đại-diên đó lên tới 43.

(1) Thống kê 1967. theo Nguyễn-Văn.Chánh-Luân ngày 24-2-1970.

Với cuộc chiến khốc-liệt đang đi vào lúc kết-thúc này và với viễn-trạng xây-dựng quy-mô thời hậu-chiến, ta thấy hoạt-động ngoa giao của ngân ấy toà đại-diện hiên-nhiên đã làm cho bộ mặt Sài-gòn trở thành lõi cuốn dư-luân quốc-témột cách mạnh-mẽ.

Tuy nhiên, sinh-hoạt chánh-trị của Sài-gòn còn khởi-sắc nhờ sự hiên diện của tất cả các khuynh-hướng chánh-trị quốc-gia được cụ-thể-hóa qua các chánh-đảng. Có thể nói được rằng trọng-tâm của mọi chánh-đảng đều nằm ở đây: do đó, chánh-đảng nào cũng đặt trụ-sở trung-ương tại Sài-gòn, hoặc ít ra, cũng mặc cho Đô-thành-Bộ một tầm quan-trọng đặc-biệt. Sở dĩ như thế, một phần vì các chánh-đảng chưa thực-sự đâm rễ sâu vào dân-chúng nông-thôn, phần khác vì Sài Gòn là "nơi nhĩ mục quan chiêm" rất dễ có những biến-động hợp thời, hợp cảnh làm cho chánh-đảng được thiên-hạ biết đến... Bên cạnh các chánh-đảng, còn có các đoàn thể nghề-nghiệp, các tôn-giáo, các hiệp-hội (1)...sẵn-đang tham-dự tích-cực vào sinh-hoạt của thành-phố vốn rất phong-phú về sinh-hoạt này.

Tóm lại, Sài-gòn dùng làm một Thủ-đô chánh-trị hiệu như là trọng trung của quyền-lực quốc-gia cũng như nơi hội-tụ các sinh-hoạt chánh trị cả nước. Chính vì vậy, đối với nhiều người, Sài-gòn đã bị đồng-hóa với chế-độ: Vinh-dự ô-nhục của Sài-gòn cũng chính là vinh-nhục của cả chế-độ này. Nó được coi là điểm sáng cuối hết, chiến tuyến cuối cùng, chẳng lạ gì, nó đã được bảo vệ bằng nhiều vòng đai an-ninh: ngoại vi, năm 1969, có Lữ-đoàn 199 Hoa-Kỳ và các đơn vị chiến-thuật của Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa như Biệt-động-quân, nhảy dù... Nội vi có 72 trung-đội ứng chiến, 14.065 cảnh sát và một lực-lượng nhân-dân tự-vệ với 267.263 đoàn-viên trang bị 42.666 khẩu súng. Tầm quan trọng của Sài-gòn, vì vậy, phải được nhìn nhận trên pháp-lý và trên thực-tế. Dù có người chỉ-trích Sài-gòn là băng-hoại, là nhơ-nhớp và không còn xứng-đáng là thủ-đô của cả nước nữa (nhóm tranh đấu Miền Trung đạo nào), thì Sài-gòn vẫn sẽ còn là Thủ-Đô chánh-trị của Việt-Nam cộng-Hòa trong một thời-gian dài, không dễ gì thay đổi được vị-thế đó.

(1) Theo thống-kê của Tòa Đô-Chánh (sở Nội-An), thì Sài-gòn hiện có
-266 nghiệp-đoàn
-766 hiệp-hội
-54 đoàn thể chánh-trị.
(xem Kế hoạch phát-trien Đô-thành Sài-gòn năm 1970, trang 106)

II. Thủ-đô Văn-hóa Kinh-tế.

Nhưng Sài-gòn còn là thủ-đô văn-hóa và kinh-tế nữa. Nói một-cách cụ-thể, thì đó là trung-tâm truyền-thanh truyền-hình. Đó cũng là trung-tâm phát-hành báo-chí. Hầu hết các tạp chí và nhật-báo đều đặt Tòa-soạn tại Sài-gòn. Thật họa-hiếm ta mới thấy một tờ báo phát hành tại tỉnh... Bởi vậy, Sài-gòn có Trung-tâm Quốc-gia, Báo chí; Hội đồng quốc-gia Báo chí cũng như các đoàn thể báo-chí từ hội chủ-báo đến hội ký-giả đều đặt trụ sở tại Sài-gòn. Sài-gòn cũng là Trung-tâm của các nhà Xuất-Bản. Sách truyện của Sài-gòn được tung ra khắp nơi trong nước. Nhưng Sài-gòn còn trụ-sở của hầu hết các hiệp-hội Văn-hóa, công cũng như tư... Về phương-diên nghệ-thuật, các buổi trình-diễn văn-nghệ như nhạc, kịch, thơ... các buổi triển-lãm họa-phẩm, nhiếp ảnh, điêu khắc, trồng hoa... thường bao giờ cũng khởi sự từ Sài-gòn và nhiều khi chỉ có ở Sài-gòn mà thôi.

Người ta cũng còn chú ý một điểm khác nữa là hầu hết các kịch-đoạn từ thoại kịch đến cải-lương đều tập-trung thường xuyên tại Sài-gòn. Thật hiếm có một thị xã nào khác có sự trình-diễn nghệ-thuật thường xuyên. Sinh-hoạt văn-chương nghệ-thuật hầu như là sinh-hoạt độc-quyền của Sài-gòn với những kịch-trường, câu-lạc-bộ, quán cà phê, tiệm rượu, phòng trà, quán nhạc, nhan-nhân khắp các khu phố...

Nhưng trên hết, Sài-gòn là trung-tâm sinh-hoạt Đại-học, với một tổng-số sinh-viên (33 ngàn) đông gấp ba bốn lần tổng-số sinh-viên của tất cả các viện-đại-học khác trong nước gom lại. Thực ra, chính ban giáo-sư của Viện đại-học Sài-gòn cũng lại bao trùm các ban giáo sư của các viện đại-học khác nữa. Sài-gòn còn nổi tiếng về sự hiện-diễn của rất nhiều thư-viện. Người ta đếm được ít nhất là 12 thư-viện cỡ lớn gồm chừng 200.000 cuốn sách đủ loại, trong đó thư-viện quốc-Gia tại 34 đường Gia-Long là lớn hơn cả (chừng 150.000 cuốn)... Ngoài trừ Đà-lạt, Huế và nay Cần-Thơ, không một tỉnh-lỵ hay thị-xã nào có được một thư-viện cỡ từ 10.000 cuốn sách trở lên.

Tất cả những yếu-tố đó làm cho Sài-gòn xứng-đáng được gọi là Thủ-đô Văn-hóa của Việt-Nam Cộng-Hòa. Tuy nhiên nó cũng xứng-đáng được gọi là thủ-đô kinh-tế. Chính người Pháp đã tạo nên bộ mặt đó cho Sài-gòn, biến Sài-gòn thành Trung-tâm giới thiệu và tiêu-thụ hàng hóa mẫu-quốc, đồng thời là kho thời là kho dự-trữ tài nguyên của thực-địa cung cấp cho thức-dân. Sau khi thu hồi

độc-lập, Sài Gòn tiếp-tục được dành mọi ưu-tiên kiến-tạo và phát triển, bởi vậy sinh-hoạt kinh-tế càng ngày càng phát-đạt hơn lên. Theo Giáo-Sư Nguyễn-Quang-Quỳnh, năm 1960, 31 phần trăm nền thương-mại kỹ-nghệ của Việt-Nam đều tập-trung tại Sài Gòn. Nếu tính riêng cơ sở kỹ-nghệ thì tỷ-lệ lên đến 54 phần trăm(1). Ngày nay, tất nhiên tỷ-lệ ấy còn gia-tăng hơn nữa do tình-hình an-ninh làm dân các nơi khác đổ xô về Sài Gòn và do việc phát-triển kỹ-nghệ trong thập-niên vừa qua đem lại. Chính vì thế, thống kê năm 1966 cho ta thấy : trên toàn quốc có 623.136 công nhân xí nghiệp thì 330.698 là ở Sài Gòn.

Sở dĩ có sự tập-trung lớn lao như trên là vì Sài Gòn có một phi-trường lớn : niên-giám-thống-kê năm 1968 cho hay : trên toàn quốc có 107.198 chuyến bay nhập, thì Sài Gòn đã chiếm hết 59.269 chuyến ; Trên toàn quốc có 107.674 chuyến bay xuất, thì Sài Gòn đã chiếm 59.274 chuyến. Thương cảng Sài Gòn lại còn quan trọng hơn nữa : Năm 1968, tổng cộng có 2.674 chiếc tàu đến, 2.738 chiếc tàu đi với số lượng hàng hóa không lồ là 5.930.000 tấn đến và 774.000 tấn đi... Nhìn lại số môn-bãi, ta cũng thấy hoạt động thương-mại của Sài Gòn thật là lớn lao : năm 1967, số môn bãi trị giá từ 25.000 đồng đến 100.000 đồng trên toàn quốc là 188 thì nguyên Sài Gòn đã chiếm 142 (2) .

III. Xáo-định đề-tài

Tầm mức quan-trọng của Sài Gòn vì thế quả đã được biện-minh đầy-đủ. Không lạ gì nó được nhiều người theo dõi nghiên-cứu. Các nhà Sử-học như Trương-Vĩnh-Ký (3) trước kia và Vương-Hồng-Sến (4) sau này đều khổ công đi tìm gốc tích của Sài Gòn. Và hiện nay danh-từ Sài Gòn do đâu mà ra, vẫn còn là đầu đề tranh-luận giữa các bậc thức-giả... Người ta cũng chú tâm nghiên cứu Sài Gòn về phương-diện chính-trang thành-phố. Một phái-đoàn chuyên viên Hy-Lạp : nhóm Doxiadis Associates từng qua Việt-Nam nghiên-cứu vấn đề và kết quả nghiên-cứu xau-rộng ấy đã được đúc-kết

(1) Các vấn đề thị thôn, giảng tập cao-học hành-chánh.

(2) Niên-giám thống-kê 1967-1968.

(3) Souvenirs historiques sur Saigon et des environs

(4) Sài Gòn năm xưa, Tự-do xuất-bản, Sài Gòn 1959.

trong bộ Saigon, Région métropolitaine, développement urbain
Programme et plan, xuất-nhiệm tại Saigon năm 1964. - Người ta còn
nghiên-cứu Saigon về phương-diện dân-số, đó là công-việc của
Nha Tổng-giám-đốc Kế-hoạch với cuốn Điều tra dân số tại S à i -
Gòn năm 1967 do Viện thống-kê quốc-gia ấn-hành.

Ngay trong lòng Học-Viện Quốc-Gia Hành-chánh, ta cũng thấy
nhiều khảo-cứu có giá-trị về Sài-Gòn. Khởi đầu là cuốn Hành-
Chánh Đô-Thành Sài-Gòn của Giáo-Sư Trần-Văn-Đĩnh do Ban Tu
Thư Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh xuất-bản năm 1959. Sau đó là
cuốn Public Administration in the Saigon Metropolitan Area của
Charles A. Joiner trong phái-đoàn cơ-văn Đại-học tiểu-bang Mi-
chigan xuất-bản tại Saigon năm 1962.

Những công trình trên thật có giá-trị. Nhưng vì từ ngày đó
đến nay, với cuộc cách-mạng 1-11-1963 chấm dứt một chế-độ bị
kết tội là độc-tài, nhiều biến-chuyển đã xảy ra nhằm càng ngày
càng đưa lại cho người dân quyền quản-trị công việc của mình,
nên cơ cấu tổ-chức nền hành-chánh địa-phương và đặc biệt là
nền hành-chánh Đô-Thành Sài-gòn đã có nhiều thay đổi sâu - xa
và nhanh chóng. Do đó, với tư cách là người hành-chánh trong
tương-lai, chúng-tôi mạo muội bước chân theo hai vị Giáo-Sư :
Trần-Văn-Đĩnh và Charles A. Joiner để cố gắng đưa ra một cái
nhìn tổng-quát về nền Hành-Chánh Đô-Thành Saigon. Với một tầm
hiểu biết và kinh-nghiệm non nớt, chúng tôi chỉ dám gọi đây là
một cái nhìn, và là một cái nhìn chắc chắn thiếu sót. Ước
mong sự chỉ giáo của các vị cao-kiến sẽ giúp cho người hành -
chánh tương-lai có được cái nhìn đầy đủ và khách-quan hơn ngõ
hầu phục-vụ đắc-lực đúng theo vai-trò của mình.

Tuy-nhiên, trước khi vào đề, chúng tôi cũng xin minh-xác:
chủ-điểm tập-luận-văn là khảo sát khía cạnh hành-chánh của Đô-
Thành Saigon. Do đó, chúng tôi sẽ bỏ qua không xét lịch-sử
tạo nên thành-phố Saigon. Có chăng, chỉ là nói đến lịch-sử diễn
tiến tổ-chức việc quản-trị thành-phố này mà thôi. Do đó, chúng
tôi sẽ trình-bày tập luận-văn qua hai phần:

-Phần thứ nhất : Nền hành-Chánh Đô-thành ; cơ cấu tổ
chức.

-Phần thứ hai : Nhận xét và đề nghị về tổ-chức hành
chánh Đô-thành Saigon, cũng một vài
Vấn-đề thực tế của nền hành-chánh đó

YYYYYYY

Phân Chi Tiết

-000000-

CƠ - CẤU TỔ - CHỨC

NỀN HÀNH - CHÍNH ĐỒ - THÀNH

Cơ cấu tổ-chức nền hành-chánh Đô-thành Sài-gòn là một cơ cấu đặc-biệt. Sài-gòn là đơn-vị duy-nhất có người đứng đầu cơ - quan chấp-hành được gọi là Đô-trưởng(1). Và để phân-biệt với các đô thị khác do Dự số 57-a ngày 24-10-1956 quy-định, Sắc lệnh số 24 TTP ngày 21-1-1959 đã chỉ danh Sài gòn là Đô-thành. Từ đó các văn-kiện pháp-lý bao giờ cũng dành cho Sài-gòn một vị-trí riêng-biệt. Ngày nay, Sài-gòn bao gồm một diện-tích 61,606 cây số vuông, chia thành 11 quận, 56 phường, 720 khóm, 12.275 liên-gia, và 225.546 nóc gia với tổng số dân là 1.624.393 người, xử-dụng 8.873 nhân-viên, không kể 14.065 cảnh-sát viên và các cán-bộ - thuộc các sở ngoại thuộc như thông-tin, chiêu-hồi...(2). Chính vì một nhân số đông đảo như thế, nên tòa Đô-chánh Sài-gòn luôn luôn được thay-đổi để công-vụ được điều hành tốt-đẹp. Chính ngay tổ - chức quản-trị của Đô-thành cũng không ngừng thay đổi cho phù-hợp với từng giai-đoạn lịch-sử dân-chủ-hóa của xứ này.

Do đó, trước khi phân tách chính nền hành-chánh Đô-thành, ta không thể không xét qua lịch-sử tổ-chức nền hành-chánh đó. Nhờ sự quan-sát này, ta sẽ thấy nền quản-trị của Sài-gòn có lúc thăng lúc giáng, có lúc đi gần đến hình thức dân-chủ, lại có lúc ngưng đọng để trở về với hình thức tập-quyền cũ để rồi lại tiến theo đà dân-chủ-hóa. Và trong một tương-lai gần nền quản-trị ấy sẽ được dân-chủ-hóa tối đa bằng cách bầu luôn cả vị chỉ-huy cơ quan chấp-hành. Lúc đó, việc quản-trị Đô-thành chắc-chắn lại mặc một cơ-cấu tổ-chức mới.

CHƯƠNG NHẤT

LIỆCH-SỬ

LIỆCH-SỬ

NỀN HÀNH-CHÁNH ĐÔ-THÀNH

Nguồn-gốc của thành-phố Sài-gòn vẫn còn là đầu-đề bàn - cãi. Lịch-sử của nó chỉ rõ-rệt từ ngày Nguyễn-Ánh từ đảo Phú-Quốc trở về chiếm Gia-Định. Năm 1790, với sự trợ giúp của viên võ-quan người Pháp tên là Olivier de Puymanel, Ông đã cho xây một pháo đài bát giác trên ngọn đồi xóm Tân-Khai, sau thuộc tổng - Bình-Dương, tỉnh Gia-Định. Trung tâm pháo-đài nay là khu nhà thờ

(1) Công-văn số 3236-A/BNV/HC/P6 ngày 20-6-1958.

(2) Tài liệu tòa Đô-chánh, sở Hành chánh nhân-viên tính đến 1966

Chánh-tòa, giới hạn bởi các đường Lê-thánh-Tôn, Phan-đình-Phùng, Công-Lý và Đinh-tiên-Hoàng. Năm 1833, Lê-văn-Khôi nổi loạn, Vua Minh-Mạng cho người vào dẹp giặc và phá hủy thành. Năm 1836, Vua cho xây một thành mới tại làng Nghĩa-Hòa quận Bình-Dương (Tân-Bình ngày nay), đặt quan cai trị cho đến khi Pháp chiếm Nam-Kỳ.

Năm 1859, thành bị phá-hủy và trở thành trại đóng binh của tổng-hành-dinh quân-đội viễn-chinh thuộc-địa. Năm 1860, người Pháp cho xây một thành mới giới hạn bởi các đường Nguyễn-Bình-Khiêm, Phan-đình-Phùng, Mạc-đĩnh-Chi và Nguyễn-Dụ hiện nay. Từ đó, Sài-gòn được chọn làm thủ-phủ và cũng từ ấy, Sài-gòn đã bước sang giai-đoạn khác : giai-đoạn tổ-chức theo Tây-Phương. Chúng tôi tạm chia lịch-sử này thành bốn giai-đoạn làm tiêu-chuẩn cho bốn đoạn của chương này.

Đ o a n n h ấ t

Nền hành-chánh Đô-Thành thời Pháp thuộc

Chúng tôi tạm coi thời Pháp thuộc khởi đầu từ năm 1863, là năm Ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Trường mất về tay người Pháp và chấm dứt năm 1945 lúc những biến chuyển quốc-tế làm Pháp suy-xụp ở Đông-Dương.

Vậy thì sau hiệp-ước 1863, người Pháp đặt quan cai trị tại ba tỉnh vừa chiếm và lấy Sài-gòn làm sủy-phủ. Dân chúng Sài-gòn lúc ấy lối 10.000 người, diện-tích lối 100 mẫu tây. Nên nền hành-chánh bắt đầu rất đơn-giản.

1- Sài-gòn thành Thị-Xã (Commune) : Theo Quách-tòng-Đức (1) Sài-gòn được nâng lên hàng Thị-xã do sắc-lệnh 8-1-1877. Theo sắc-lệnh này, Sài-gòn có tư cách pháp-nhân, tài sản và ngân sách riêng. Quyền quản-trị trao cho một thị-xã-trưởng, hai phó thị-xã-trưởng và 12 thị-xã gồm 8 hội-viên người Pháp, hai hội-viên người Việt, một hội-viên không phải là Á-kiều và một hội-viên Á-kiều. Các hội-viên người Pháp được bầu, còn các hội-viên

(1) Vấn-đề địa-phương phân-quyền trong tổ-chức hành-chánh các Đô-thị tại Việt-Nam, tạp-chí Nghiên-cứu Hành Chánh, số tháng

khác do Thống-đốc Nam-kỳ chỉ-định. Thị-xã-trưởng chủ-tọa hội-đồng thị-xã. Nhiệm-kỳ của Hội-đồng là ba năm, Hội-đồng có quyền biểu-quyết, được hỏi ý-kiến và được quyền phát-biểu nguyện-vọng về các vấn-đề địa-phương.

2. Thành-phố hạng nhất : Sự phát-triển của Sài-gòn khiến tổ-chức đơn sơ của thị-xã không còn thích-hợp nữa. Do đó năm 1908 với sắc-lệnh ngày 11-7 của chánh-phủ Pháp, Sài-gòn trở thành Thành-phố hạng nhất. Theo Sắc-lệnh trên, Sài-gòn đặt dưới quyền quản-trị của một hội-đồng thành-phố dân cử và một Thị-trưởng có phó thị-trưởng phụ-tá. Thị-trưởng và phó thị-trưởng là những hội-viên của Hội-đồng Thành-phố, do Hội-đồng này bầu ra để giữ quyền chấp-hành, nhiệm kỳ là bốn năm (theo nhiệm kỳ của hội-đồng thành-phố). Thị-trưởng chủ-tọa hội-đồng thành-phố, vừa là đại-diện chánh-quyền trung-ương, vừa là đại-diện của địa-phương, ông có quyền lập-quy.

Hội-đồng thành-phố gồm thành-phần được mở rộng và toàn diện hội-viên được bầu, theo lối phổ-thông đầu-phiếu, gồm 12 Hội-viên Pháp và 4 hội-viên Việt. Đa số các vấn-đề được đem ra Hội-đồng biểu-quyết. Tuy nhiên, các quyết-nghị của Hội-đồng phải trình thống-đốc hoặc thống-sứ duyệt-y, một số quyết-nghị lại còn phải trình lên toàn-quyền Đông-Dương. Hội-đồng cũng có quyền được hỏi ý-kiến về một số vấn-đề. Ngoài ra Hội-đồng còn có quyền phát-biểu nguyện-vọng trong phạm vi quyền lợi thành-phố, trừ những vấn-đề chánh-trị.

3. Địa-phương Đại-gòn Chợ-Lớn : Năm 1931, sự mở-mang của thương-cảng Sài-gòn và sự phát-triển của thành-phố Chợ-Lớn đã nối liền, trong thực tế, hai địa phương kế-cận thành một đơn-vị duy-nhất. Để phối-hợp công việc của hai thành-phố và để sự hướng dẫn kỹ-thuật của các công-tác mở-mang được dễ-dàng, sắc-lệnh ngày 27-4-1931 của Toàn-quyền Đông-Dương thiết-lập một đơn-vị hành-chánh tự-trị lấy tên là ĐỊA-PHƯƠNG SAIGON CHỢ LỚN hoạt-động song song với hai thành-phố Sài-gòn và Chợ-Lớn.

Nguyên-tắc là các công-việc chung của hai thành-phố được giao cho đơn-vị mới đảm-nhiệm. Cụ thể hơn, nghị-định ngày 14-12-1931 đã ấn-định rõ nhiệm-vụ của Địa-Phương Saigon Chợ-Lớn và của hai thành-phố như sau :

a./ Địa-phương Saigon Chợ-Lớn : hành-chánh tổng-quát của địa-phương, cảnh-sát, kiêu-lộ, công-tác, vệ-sinh công-cộng, đặc-nhuợng và phân-phối điện nước.

b./ Thành-phố : Hành-chánh thành-phố, công-tác tu-bổ và

công-tác tân-tạo, các bất-động-sản thuộc thành-phố, hộ-tịch, kiểm-tra dân-số, tuyển-mộ binh-sĩ, tuyển-cử, công-bố luật-lệ cứu-tế xã-hội, giáo-dục và khánh-tiết.

Địa-phương Sài-gòn Chợ-lớn do một công-chức điều khiển với sự cộng-tác của một Hội-Đồng Quản-Trị có quyền biểu-quyết, Gồm Quận-trưởng Sài-gòn Chợ-lớn làm chủ-tịch và 9 hội-viên, trong số này có hai hội-viên do Thống-Đốc Nam-Kỳ chỉ-định, còn các hội-viên khác do Hội-đồng thành-phố Sài-gòn (2), Ủy-ban thành-phố Chợ-lớn (3), phòng Thương-mã Sài-gòn(2) đề-cử. Địa-phương có tự-cách pháp-nhân, có tài-sản và ngân-sách riêng

Tổ-chức trên tồn-tại đến năm 1941 là năm hai thành-phố - Sài-gòn Chợ-lớn được sát nhập hẳn vào Địa-phương Sài-gòn Chợ-lớn do sắc lệnh 19-12-1941.

Tuy-nhiên, ngay trước khi được sát-nhập làm một, thì vì chánh-tình của Pháp nguy-ngập và sợ rằng các phong-trào tranh thủ độc-lập ở thuộc-địa nổi-dậy, nên ngày 27-4-1941, Chánh-phủ Vichy đã ban hành một sắc-lệnh nhằm cải-tổ cách tuyển-chọn các hội-đồng thành-phố: các hội-viên sẽ không còn do dân bầu nữa mà là do Toàn-quyền Đông-dương chỉ-định theo đề nghị của Thống-đốc hay Thông-sứ. Thị-trưởng Sài-gòn trước do dân bầu, nay do toàn-quyền Đông-Dương chỉ-định trong hàng các chánh-tham-biện...

Khi hai thành-phố Sài-gòn Chợ-lớn được sát nhập hẳn vào Địa-phương Sài-gòn Chợ-lớn, thì thành-phần hội-đồng quản-trị Địa-phương này đều là chỉ-định, gồm quận-trưởng địa-phương làm Chủ-tịch và 15 hội-viên (7 Pháp, 7 Việt, 1 Hoa-kiều), nhiệm kỳ một năm. Tổ-chức này còn kéo dài mãi đến thời độc-lập.

Xem như thế, ta thấy người Pháp đã tổ-chức nền hành-chánh-Sài-gòn trong viên-tượng phục-vụ quyền-lợi chánh-quốc. Ở những lúc thái-bình thịnh-trị, lúc cảm thấy chế-độ đô-hộ đã vững, họ không ngần ngại thực thi đôi chút dân-chủ, nhằm chứng-chính chánh-nghĩa giáo-hóa dân khiếm-khai. Tuy nhiên, lúc quyền-lợi của chánh-quốc bị đe-đọa, họ cũng lại không ngần ngại dẹp-bỏ những cơ-quan dân-cử đã do chính họ tự-ý trao ban, vì sợ cảnh nuôi ong tay áo, ong sẽ vỡ tổ mà đốt chết chính người đã nuôi mình. Nhưng sự dẹp-bỏ hình-thức dân-cử cũng chính làm một tổ-cáo hùng-hồn cho thấy người Pháp bắt đầu suy-yếu. Quả vậy, chỉ

sau đó ít năm họ bại trận, phải từ bỏ quyền-lợi. Và chúng - ta bước qua giai-đoạn khác của nền hành-chánh Đô-thành.

Đ o a n h a i

Nền hành-chánh Đô-thành sau 1945

Thời-gian này kéo dài từ năm 1945 đến lúc Ông Ngô-đình-Diệm về nước sửa-soạn thành-lập Đệ nhất Cộng-Hòa. Trong suốt 10 năm trời này, nền hành-chánh đô-thành đã được cải-tổ nhiều đợt:

Từ 1945 đến 1947 nói chung, nền hành-chánh Đô-thành không có chi thay-đổi quan-trọng. Nền hành-chánh đó chỉ thực sự được Việt-Nam-hóa bắt đầu bằng nghị-định ngày 20-9-1947 của Thủ-tướng chính-phủ Lâm-thời Nam-Kỳ. Theo đó, các chức Đô-trưởng - Saigon thay cho chức Quận-trưởng Địa-phương Saigon - Chợ-lớn, chức phó Đô-trưởng Saigon thay cho chức chủ-quận Saigon, phó Đô-trưởng Chợ-lớn thay cho chức chủ-quận đặc-biệt Chợ-lớn, Chức Tổng-thư-ký thay cho chức Chủ-sự các sở hành-chánh địa-phương.

1. Cải-tổ thành-phần Hội-đồng Quản-trị Đô-thành Sg Chl.

Tuy nhiên, theo Quách-tòng-Dức(1), Danh-từ ĐÔ-THÀNH SÀI - GÒN CHỢLỚN mới chỉ được chính-thức dùng thế cho danh-từ Địa-phương Saigon Chợlớn từ năm 1951 do nghị-định của Thủ-Tướng chính-phủ ngày 30-6. Và sau đó, sắc lệnh số 105-NV ngày 27-12-1952 đã sửa đổi thành-phần Hội-đồng Quản-trị Đô-thành Sài - Gòn Chợlớn như sau :

- Hội trưởng: Đô-trưởng Saigon Chợlớn
- Hội-viên dân-cử: 14 hội-viên Việt-Nam, mỗi quận Đô-thành đề-cử 2 hội-viên của Hội-nghị hàng quận.
- Hội-viên chỉ-định: 7 Hội-viên Pháp, được chỉ-định do nghị-định của Bộ-trưởng Nội-vụ theo đề-nghị của Thủ-hiến và một hội-viên Hoa-kiều được chỉ-định theo cùng một thể-thức, đại-diện cho các Bang Hoa-kiều.

Nhiệm kỳ của Hội-đồng là 3 năm, có quyền tái-tục.

(1) Bài báo đã dẫn.

2. Bảy quận và hội-đồng quản-trị quận

Cùng ngày, sắc lệnh số 104-NV đã phân chia Sài Gòn Chợ lớn thành 7 quận và thiết-lập tại mỗi quận một Hội-nghị hàng q quận.

Đây là một cải-tổ quan-trọng theo khuynh-hướng phân-quyền, mặc dù ta chưa thể xem tổ-chức quận là một đơn-vị phân-quyền, vì quận còn thiếu tư cách pháp-nhân, chưa có ngân-sách và tài sản riêng. Tại mỗi quận, dân-chúng tự quản-trị lấy công-việc chung qua các đại-diện của mình. Mỗi quận tự bầu lấy 5 nghị-viên theo lối phổ-thông đầu-phiếu, nhiệm-kỳ là Ba năm, có thể tái cử. Hội-nghị tự bầu lấy một Chủ-tịch giữ nhiệm vụ trưởng-quận và một phó-chủ-tịch giữ nhiệm-vụ phụ-tá cho chủ-tịch, phụ trách các vấn-đề hành-chánh, cảnh-sát, vệ-sinh, khiếu-lộ, thuế-vụ, tư-pháp...

Các Trưởng-quận và hội-viên hội-đồng hàng quận không bị ràng buộc bởi quy-chế công-chức. Họ là đại-diện của dân-chúng các khu phố và là đại-diện của Tòa Đô-chánh tại quận, chịu trách nhiệm về việc cai-trị trong quận dưới quyền của Đô-trưởng. Họ có quyền đối với tất cả dân chúng kể cả ngoại-kiều trong quận.

3. Dự số 11, ngày 30-5-1954:

Đây là một cải-tổ sâu-rộng nhất. Căn cứ vào dự này, ta thấy Đô-thành Sài Gòn Chợ lớn được đặt dưới quyền quản-trị của một Đô-trưởng, một Hội-đồng Đô-thành và những Trưởng-quận Đô-thành.

a./ ĐÔ-TRƯỞNG: Không bắt buộc là công-chức như sắc lệnh ngày 27-4-1931 nữa, mà có thể là thân-hào nhân-sĩ hoặc nhân-viên cao-cấp, vẫn là đại-diện của chánh-quyền trung-ương và đại diện tập-thể địa-phương, nhưng không còn là chủ-tịch Hội-Đồng-Đô-thành nữa. Đô-trưởng do sắc-lệnh của Quốc-Trưởng bổ-nhiệm, theo thuận-kiến của Thủ-hiến, chiếu đề-nghị của Tổng-Trưởng Nội Vụ và của Thủ-Tướng chánh-phủ, đặt trực thuộc Thủ-hiến Nam-Việt. Đô-trưởng điều khiển tất cả các công sở của Đô-thành, xử lý xét mọi vấn-đề liên-quan đến Đô-thành, soạn thảo ngân-sách và thanh-toán cũng như chuẩn-chi tất cả các chi-phí. Ông có quyền bổ-nhiệm những chức vụ trong Đô-Thành, cai quản công-sản và tư sản Đô-thành, thay mặt Đô-thành trước pháp-luật, đảm nhận sự thi-hành các công-tác và kế-ước. Đô-trưởng có nhiều phụ-tá giúp việc : 1 giám-đốc cảnh-sát Đô-thành, 1 Tổng-thư-ký và hai phó Đô-trưởng (một cho Sài Gòn, một cho Chợ lớn).

Giám-Độc Cảnh-Sát Đô-Thành do nghị-định Thủ-Tướng bổ-nhiệm ,
chiếu đề-nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ và Thủ-hiến Nam-Việt ,
được đặt trực thuộc đô-trưởng. Tổng-thư-ký và các Phó-Đô -
trưởng thì do nghị-định của Thủ-hiến bổ-nhiệm chiếu đề-nghị
của Đô-Trưởng.

b./ HỘI ĐỒNG ĐÔ-THÀNH: Gồm 35 nghị-viên đều là người Việt
và do dân bầu theo lối phổ-thông đầu phiếu trực tiếp. Hội-Đồng
tự bầu lấy ban Trị-sự gồm một Chủ-tịch, hai phó Chủ-tịch, hai
thư-ký và để cử một Ủy-ban thường-trực để điều-hành công-việc
giữa hai phiên nhóm. Hơn nữa, Hội-đồng có thể tổ-chức những
tiểu-ban chuyên-môn để cử xét các vấn-đề đưa ra hội-đồng.

Nhiệm-kỳ của Hội-Đồng là 3 năm, có thể tái-cử. Mỗi tam - c á
nguyệt, ít nhất Hội-đồng họp một phiên thường lệ do Đô-trưởng
triệu tập, nghị-trình do Đô-trưởng lập với sự thỏa thuận của
chủ-tịch Hội-đồng ...

Đô-trưởng là Ủy-viên chánh-phủ bên cạnh Hội-đồng ; phải
có Đô-trưởng hay đại-diện thì hội-đồng mới được kể là họp
hợp-lệ. Đô-trưởng có quyền ngăn cản Hội-đồng không được bàn
cãi ngoài nghị-trình. Ông cũng có quyền phát-biểu ý-kiến và
xin phúc-nghị. Đô-trưởng có quyền đem theo cộng-sự-viên vào
các phiên họp kể cả phiên họp kín của Hội-đồng.

Về chức chương, Hội-đồng Đô-Thành có quyền biểu - quyết
rộng-rãi về ngân-sách, sổ-sách kế-toán, thuế-vụ, trợ-cấp và
vay mượn... Một số lớn các quyết-nghị phải được sự duyệt-y của
Thủ-tướng cũng như của Thủ-hiến. Tuy-nhiên, so với sắc-lệnh
ngày 27-4-1931, thì quyền quyết-nghị của Hội-đồng Đô-thành nay
đã rộng rãi hơn. Vì chế-độ 27-4-1931 buộc mọi biểu-quyết của
Hội-đồng phải được cơ quan giám-hộ quyết-y. Trong khi dụ số
11 cho một số quyết-nghị được đương nhiên thi hành một tháng
sau khi gửi đến Đô-trưởng.

Ngoài ra, Hội-đồng còn có quyền được hỏi ý-kiến về một số
vấn-đề, cũng như có quyền phát-biểu nguyện-vọng cũng như kiến
nghị về các vấn-đề của Đô-thành, trừ các vấn-đề chánh-trị. Có
điều đặc-biệt là các nguyện-vọng gửi lên Trung-ương phải do
Đô-trưởng chuyển-đạt.

c./ CÁC QUẬN ĐÔ-THÀNH: Địa phận Đô-thành vẫn chia thành 7
quận, không có quyền tự-trị về hành-chánh và tài-chánh. Dưới

sự kiểm soát của Đô-trưởng, mỗi quận Đô-thành có một Trưởng - quận quản-trị. Vị này được bầu cử theo lối đầu-phiếu kín với đa số tuyệt-đối trong số nghị viên Đô-thành tại quận... Trưởng quận Đô-thành là đại-diện của Chính-quyền trung-ương tại quận. Với tư cách ấy, ông được Đô-trưởng ủy-thác chức chương về hành-chánh tổng-quát. Trưởng-quận không có quyền lập-quy. Dưới sự Giám-thị của Biện-ly, trưởng quận lãnh-chức vụ hộ-tịch.

Như thế thì rõ rệt các hội-nghị hàng quận do sắc lệnh số 104-NV thiết lập không còn tồn tại nữa, và chức-chương của Hội-nghị hàng quận nay do Trưởng-quận đảm nhiệm.

So với các chế-độ trước, dụ 11 quả có nhiều tiến-bộ vì đã trao cho Hội-đồng Đô-thành nhiều quyền quyết-nghị. Đáng khác, Tổ-chức của Đô-thành phần nào được đơn-giản-hóa do việc dẹp bỏ hội-nghị hàng quận vì quận vốn không có tư-cách pháp-nhân. Tuy-nhiên, tính cách dân-cử của Trưởng-quận vẫn còn vì ông đã được bầu ra từ các nghị-viên đô-thành tại quận. Một điểm nên lưu ý nữa là nay Đô-trưởng không còn là chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành nữa. Trong tam-trí các nhà làm luật, do đó, đã có sự phân-biệt rõ rệt hai cơ-quan quyết-nghị và chấp-hành. Tuy-nhiên cơ chế cũ vẫn còn ảnh-hưởng mạnh-mẽ. Bởi vậy, vai-trò của Đô-trưởng đối với Hội-đồng Đô-thành vẫn rất quan-trọng : hầu như ông nắm trọn "sắc quyền lập-pháp" do việc ấn-định nghị-trình các phiên-họp thường lệ của Hội-đồng, do việc ông triệu tập Hội-đồng và do việc ông ngăn không cho Hội-đồng đi ra ngoài nghị-trình.

Nhưng Dụ 11 vừa ban hành thì các biến-cuộc xảy ra, đưa nước nhà vào một trạng-thái cực-kỳ rối ren. Lại một trang-sử nữa được lật qua và nền-hành-chánh Đô-Thành lại chuẩn-bị chịu những thay đổi mới.

Y Y Y Y Y Y

Độc lập

Nền hành-chánh Đô-thành thời Đệ I Cộng-Hòa

Chúng tôi quan-niệm thời này không bắt đầu từ ngày ban--hành Hiến-pháp 26-10-1956 mà bắt đầu ngay từ năm Ông Ngô-đình Diệm về nước và lẽ dĩ nhiên nó chấm dứt vào ngày Ông Diệm bị lật đổ (1-11-1963).

Vừa chấp chánh, Ông Diệm đã gặp biến-cố vĩ-đại phân- chia đất nước. Trong hoàn cảnh bi-đát ấy và giữa lúc miền Nam đang bị sâu xé bởi nhiều lực-lượng, thì điều cần là phải tiến mau tiến mạnh. Mà muốn tiến mau tiến mạnh thì bắt buộc phải có tập trung quyền-hành. Vì thế các biện-pháp theo khuynh-hướng- phân-quyền của các sắc-lệnh 104-NV, 105-NV ngày 27-12-1952 và nhất là của dụ 11 ngày 30-5-1954 cần phải được hạn chế để nhường bước cho các biện-pháp có tính cách tập-quyền:

1. Trước ngày ban hành dụ 57-a ngày 24-10-1956

Trước ngày này, nhà cầm quyền đã không áp-dụng các dụ 12 và 13 một cách trọn vẹn cho các tỉnh và thị-xã. Tuy-nhiên đối với Đô-thành Sài-gòn Chợ Lớn, thì dụ 11 đã được áp-dụng trọn vẹn. Do đó, trong lúc giao-thời, các nghị-viên hàng quận đặc cử đầu năm 1953 họp thành Hội-đồng Đô-Thành. Các Trưởng quận Đô-thành được đề-cử theo các điều-khoản giao-thời của dụ 11. Và chức chương của Hội-nghị hàng quận trước kia được chuyển - sang cho trưởng-quận. Đô-trưởng, Hội-đồng đô-thành và các vị trưởng-quận hoạt-động trong khuôn-khố mới trong một thời-gian khá lâu cho đến ngày Đô-thành Sài-gòn Chợ Lớn được cải tổ sâu rộng do sắc-lệnh số 74-TTP ngày 23-3-1959.

2. Sau ngày ban hành dụ số 57-a

Khuynh-hướng tập-quyền thấy rõ nhất trong dụ 57-a ban hành ngày 24-10-1956. Đây là Dụ nhằm cải tổ toàn-diện nền hành chính quốc-gia. Theo đó, nước Việt-Nam gồm những tỉnh, đô-thị và xã. Tỉnh có tư-cách pháp-nhân, ngân-sách và công-sản, do

một tỉnh-trưởng cai-trị. Vị này do Tổng-thống bổ-nhiệm, đặt dưới quyền trực-tiếp của Tổng-Thống và đại-diện chánh-quyền trung-ương tại tỉnh. Không thấy đạo-dụ nói đến quyền lập quy của tỉnh-trưởng và càng không đề cập gì đến Hội-đồng tỉnh. Riêng đối với các Đô-thị, thì đạo dụ quy-định ở điều 9 như sau: "Đô-thị có tính cách pháp nhân, ngân sách và công-sản Đô-thị đặt dưới sự quản-trị của một Đô-trưởng chỉ định và một Hội-đồng Đô-thị".

Tuy nhiên vì là một đạo-dụ, chỉ đề cập đến những nét tổng quát, nên còn rất nhiều điểm mờ-hồ. Tỷ-dụ như hội-đồng đô-thị cộng tác với đô-trưởng là hội-viên dân cử hay chỉ định? Hội-đồng tự bầu lấy chủ-tịch hay Đô-trưởng sẽ là Chủ-tịch? Hội-đồng có quyền biểu- quyết hay chỉ có tính cách tư-vấn?

Các thắc mắc trên sẽ do một sắc lệnh giải đáp. Đó chính là sắc-lệnh 74-TTP mà dụ 57-a đã dự liệu nơi điều 10.

3. Sắc-lệnh 74-TTP

Ngày 23-9-1959, sắc-lệnh 74-TTP ra đời nhằm chi-tiết-hóa điều 9 dụ 57-a ngày 24-10-1956. Nó được ban-hành trong không khí tập-quyền mạnh-mẽ của nhà lãnh-đạo lúc đó nhằm xóa mờ hình ảnh một hội-đồng Đô-thành có thực quyền của Dụ 11, và tăng quyền cho người đại-diện của Tổng-thống tại địa-phương là ông Đô-trưởng. Theo sắc-lệnh này, Đô-thành Sài-Gòn (1) được đặt dưới quyền quản-trị của một Đô-trưởng chỉ-định và bên cạnh viên chức này là một Hội-đồng Đô-thành, được thiết-lập để tham-gia ý kiến với Đô-trưởng về những vấn-đề của Đô-thành.

Đây là một sắc-lệnh làm căn bản cho việc quản-trị Đô-thành Sài-gòn suốt trong thời đệ nhất Cộng-hòa và cả cho đến ngày nay, nó vẫn còn giá-trị, ít nhất đối với cơ-quan chấp-hành của Đô-thành.

Sắc-lệnh này, như chúng tôi vừa nói, nhằm tăng quyền cho Đô-trưởng và ngược lại nhằm giảm vai-trò của cơ-quan dân-cử. Thực vậy, ngoài những quyền hạn như đã có trong dụ 11, Đô-

(1) Danh-từ Đô-thành Sài-gòn đã chính thức thay danh từ Đô-thành Sài-gòn Chợ lớn kể từ sắc-lệnh 143-NV ngày 22-10-1956.

trưởng nay còn được quyền triệu-thỉnh quân-đội khi khẩn - cấp có quyền lập quy và có tư cách cảnh-lại. Ông trực thuộc Tổng-Thống, có hai viên Phó-Đô-trưởng phụ tá: một lo về an-ninh, một lo về hành-chánh. Cả hai do nghị-định của Tổng-thống bổ nhiệm. Chức Tổng-thư-ký bị bãi bỏ và thay thế bằng viên chánh văn-phòng... Tuy-nhiên sự thay đổi quan-trọng chính là sự thay đổi vai-trò của Hội-đồng Đô-thành, nay chỉ còn giữ vai-trò tư vấn, họp mỗi lục-cá-nguyệt một khóa thường-lệ. Khi Đô-trưởng yêu cầu, thì Hội-đồng có thể họp phiên bất-thường, nghị-trình các phiên họp do chủ-tịch lập với thuận-kiến của Đô-trưởng(1).

Thay đổi có ý-nghĩa thứ hai chính là sự thay đổi liên - quan đến các quận Đô-thành vì QUẬN-TRƯỞNG (2) nay là cộng-chức, do nghị-định Tổng-thống bổ-nhiệm, đặt dưới quyền kiểm-s soát của Đô-trưởng. Ngoài những quyền-hạn như Dự 11 đã quy-định, sắc-lệnh 74-TTP còn khoác thêm cho Quận-trưởng tư cách tư-pháp cảnh-lại. Điều mới mẻ khác nữa là dưới quận có PHƯỜNG Nghị định 504-BNV/HC/NĐ ngày 22-4-1959 đã chia 8 quận Đô-thành ra 41 phường và đặt mỗi phường dưới quyền quản-trị của một ph phường-trưởng chỉ-định. Nghị-định số 1434-BNV/HC/NĐ ngày 31-10-1960, sau đó, đã chia Đô-thành ra 54 phường. Và hiện nay, số phường trong Đô-thành tăng lên 56 do việc sát-nhập xã An-Khánh vào địa-phận Thủ-đô thành hai phường An-Khánh và Thủ - Thiêm.

Với cao-trào áp chiến-lược, chánh-quyền lúc ấy, đã ban - hành sắc-lệnh 45-NV ngày 3-5-1963 tổ chức việc bầu cử Hội-đồng xã do một cử-tri-đoàn hạn-chế... Hai tháng sau, tức ngày 12-7-1963, chánh-quyền lại ban hành nghị-định số 359-BNV/HC/NĐ áp-dụng thể-thức bầu-cử nói trên cho cấp phường tại Đô-Thành. Cuộc bầu cử này đã diễn ra sáng Chúa-nhật 11-8-1963 và các tân phường-trưởng đã nhậm chức ngày 17-8-1963.

Tuy-nhiên ngày đó cũng là ngày có những biến-động lớn làm lung lay chế độ Ngô-dình-Diệm. Chính-biến ngày 1-11-1963 đã mở màn một trang sử mới cho dân-tộc và nền hành-chánh Đô-thành lại bước qua một giai-đoạn khác.

(1) Xin xem sự khác biệt giữa Dự 11 và sắc-lệnh 74-TTP trong Charles A. Joiner, Public Administration in the Saigon Metropolitan Area, các trang 99-101

(2) danh-từ Quận-trưởng đã thay thế danh-từ Trưởng quận cũ.

Đ o a n b o n

THƯỜNG VỤ QUỐC GIA

**Nền hành-chánh Đô-thành
Sau cách-mạng cho đến nay**

Thời-gian này, vì liên-tiếp có những chính-biến xảy ra, đưa lần lượt nhiều người lớn nắm quyền trong một thời-gian - tương đối ngắn, cho nên, nền hành-chánh Đô-thành đã có rất nhiều sửa đổi. Nhưng tựu-trung, những thay đổi này rất đáng - khích-lệ, trừ ở cấp phường, như ta sẽ thấy.

1. **VỀ CẤP PHƯỜNG:** Ngay khi Cách-mạng 1-11-1963 vừa hoàn thành, chánh-quyền lúc ấy đã ban hành nghị-định số 331-TTP/ĐUHC ngày 26-12-1963 nhằm tái lập việc bổ-nhiệm phường-trưởng như một giải-pháp tạm thời cho đến khi có lệnh-mới. Như thế, nghị-định 504-BNV/HC/NĐ ngày 22-4-1959 lại được tái áp-dụng cho việc quản-trị cấp phường. Việc quản-trị này sau đó còn được vài sửa đổi nữa như việc trao cho phường cấp phát một vài loại giấy tờ có tính-cách hành-chánh, việc tổ-chức Ủy-ban Nhân-Dân Tự-Vệ Phường, việc quân-sự-hóa một phần lớn các phường trong Đô-thành và việc hiện nay, nhà cầm quyền đặc - biệt chú-ý đến phường trong chương-trình Bình-Định và Phát - Triển. Cũng nên nhắc lại rằng ngày 15-6-1966, sắc-lệnh số 100-SL/NV đã sát nhập xã An-Khánh, nguyên thuộc tỉnh GiaĐịnh vào địa phận Đô-thành. Nghị-định số 243-ĐUHC ngày 5-12-1966 đã phân phần đất sát nhập thành hai phường An-Khánh và Thủ - Thiên, nâng tổng số phường lên 56.

2. **VỀ OẤP QUẬN:** Số quận từ 8 do nghị-định 100-NV ngày 27-3-1959 quy định nay đã được nâng lên 9 do sắc lệnh số : 9-SL/ĐUHC ngày 17-1-1967. Quận tân lập bao gồm hai phường An Khánh và Thủ-Thiên, nguyên thuộc quận nhất. Về việc quản-trị vẫn không có gì thay đổi. Ngày 1-7-1969, sắc-lệnh số 073-SL/ NV của Thủ-tướng chánh-phủ lại lập thêm hai quận mới cho Đô thành đặt tên là Quận 10 và Quận 11. Lãnh thổ Quận 10 một phần trích ở quận 5, một phần trích ở Quận 3; lãnh-thổ Quận 11 một phần trích ở Quận 5 một phần trích ở Quận 6 (xen Bàn

đồ phần Phụ-lục). Do đó, Tổng số quận của Đô-thành hiện nay là 11. Nhờ việc tái phân này, dân số tương-đối được san sẻ hơn, như ta sẽ thấy sau này.

3. Về cấp Đô-Thành: Căn bản tuy vẫn là sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959, tuy nhiên, từ đó đến nay, tổ-chức quản-trị của Đô-thành đã có nhiều thay đổi:

a./ **ĐÔ-TRƯỞNG:** Về việc bổ-nhiệm cũng như chức-chương của Đô-trưởng, sắc-lệnh 74-TTP vẫn được áp dụng trọn vẹn. Tuy nhiên, về con số các viên phụ-tá của Ông, thì đã thay đổi :

-Sắc lệnh số 284-TTP ngày 5-10-1964 đã đưa lại cho Đô-trưởng những viên phụ-tá sau đây: 1 Tổng-thư-ký và hai phó-đô-trưởng do Thủ-tướng bổ-nhiệm (trở lại Dự 11).

-Sau đó, sắc-lệnh số 47-SL/NV ngày 18-3-1966 đã ấn-định thành phần các phụ-tá của Đô-trưởng như sau: 1 Tổng-thư-ký, 3 phụ-tá (thanh tra, kế-hoạch, ngoại-vụ) 1 phó Đô-trưởng-hành chánh và một phó-đô-trưởng nội an (chức vụ này sau đó đã được bãi bỏ do sắc lệnh 37-SL/NV ngày 9-4-1968). Sắc-lệnh 47-SL/NV này tương đối tiến bộ hơn vì đã dành cho Đô-trưởng-quyền đề nghị tất cả các phụ-tá của mình.

-Riêng Giám-Đốc cảnh-sát Đô-thành, theo dự 11 và sắc-lệnh 74-TTP, được đặt trực thuộc Đô-trưởng, thì hiện nay do nghị-định số 921-BNV/KH/NĐ ngày 6-12-1968 lại được đặt trực thuộc Tổng-giám-Đốc Cảnh-sát Quốc-gia.

b./ **TỔ CHỨC TÒA ĐÔ-CHÁNH:**

-Trước đây, tổ-chức Tòa Đô-chánh Sài-gòn vẫn căn cứ vào nghị-định số 511-HC/NV ngày 31-12-1954, theo đó, thì tòa Đô-chánh gồm 12 Văn-phòng, một nha cảnh-sát và bốn ty.

-Sau ngày cách-mạng 1-11-1963, chánh quyền đã ban hành sắc lệnh số 52-SL/NV ngày 18-3-1966 nhằm cải-tổ tổ-chức Tòa Đô-chánh. Căn cứ vào sắc lệnh này, ta thấy tòa Đô-chánh gồm Văn phòng Đô-trưởng, 13 sở hành chánh chuyên môn và 3 sở nội-an.

-Gần đây nhất, Sắc lệnh 199-SL/NV ngày 22-12-1969 đã đề-đòi nhằm cải tổ đợt ba tổ chức tòa Đô-chánh. Tổ-chức này gồm: Văn-phòng Đô-trưởng, Sở Kế-hoạch, Trung-tam huấn-luyện và tu-nghiệp, ban thanh-tra, khối chuyên môn (8 sở), khối ki

kinh-tế tài-chánh (3 sở), khối hành-chánh (3 sở). Do đó, số sở nay chỉ còn 13.

c./ HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH: Tuy-nhiên thay đổi quan-trọng và ý-nghĩa nhất vẫn là những thay đổi liên quan đến Hội đồng Đô thành.

- ngày 31-5-1964, sắc lệnh 203-a/NV đã được ban hành nhằm thiết lập một Hội-đồng Nhân dân Đô-thành để cộng-tác với Đô-trưởng trong việc quản-trị Đô-thành. Theo đó, Hội đồng Nhân-dân Đô-thành là dân cử, nhiệm-kỳ là 3 năm, có thể tái cử. Hội-viên Hội-Đồng có thể bị tuyên-bố đương-nhiên từ chức do Tổng-trưởng Nội vụ chiếu đề nghị của Đô-trưởng. Thủ-Tướng có thể ban hành sắc-lệnh giải-tán hội-đồng, chiếu đề nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ và Đô-trưởng. Hội đồng có quyền biểu quyết, đề nghị, trình bày ý-kiến cả vấn đề chánh-trị, an-ninh, luân-lý.

Sắc-lệnh này là một bước tiến dân-chủ khá mạnh nhằm hồi phục thực quyền cho đại diện dân-chúng trong việc tự quản-trị lấy công việc của mình. Tuy-nhiên, sau đó, vì những biến cố chánh-trị dồn dập, nên sắc-lệnh trên đã không được thi-hành.

- Dầu vậy, tinh-thần của Sắc-lệnh trên đã được phục-hồi trọn vẹn và được tăng-trien hơn nữa sắc-lệnh số 67-NV 9-4-1965 nhằm ổn-định lại tổ-chức và điều-hành Hội-đồng Đô-thành. Một cuộc bầu-cử các hội-viên Hội-đồng Đô-thành theo tinh-thần sắc-lệnh này đã được tổ-chức ngày 30-5-1965. Các hội-viên của Hội-đồng Đô-thành cũ chấm dứt nhiệm-vụ từ ngày 30-6-1965 và các Hội-viên của Tân-hội-đồng Đô-thành đắc-cử ngày 30-5-1965 đã bắt đầu nhiệm-kỳ ngày 1-7-1965 do sắc-lệnh số 100-NV ngày 15-6-1965.

- Sắc lệnh 67-NV thượng dẫn, sau đó, đã được sửa đổi đôi chút:

✦ Sắc lệnh 85-SL/NV ngày 11-5-1966 thay danh hiệu Hội-viên Hội-Đồng Đô-thành bằng danh-hiệu Nghị-Viên HĐND.

✦ Sắc lệnh 173-SL/NV ngày 22-11-1966 ổn định nhiệm kỳ của tất cả các nghị-viên là Ba năm, bỏ việc bầu lại 1/3.

Dù sao, thì tất cả các sắc-lệnh được ban-hành từ trước, nhằm cải tổ cũng như tổ-chức việc quản-trị Đô-thành, hiện nay đang trong tình trạng chờ đợi để được thay thế. Vì Hiến-Pháp

ban hành ngày 1-4-1967 đã dự-liệu nguyên-tắc địa-phương phân quyền áp dụng cho các tập-the địa-phương có tư cách pháp nhân, trong số đó, có Đô-thành. Theo đó, cơ-quan quyết-nghị, cũng như vị chỉ-huy cơ-quan chấp-hành đều là dân-cử. Nhưng, đạo-luật nhằm quy-định tổ-chức và điều-hành nền hành-chánh địa phương dự liệu tại điều 70 Hiến-pháp cho đến nay vẫn còn chưa công-bố. Người ta đang chờ ngày công bố đạo-luật đó.

Trong lúc chờ đợi, ta vẫn phải dựa vào các văn-kiện Pháp lý hiện hành để phân tách chính nền hành-chánh Đô-thành. Và đó sẽ là công việc của chương kế-tiếp.

C H Ư O N G H A I

h h h h H H h h h h

PHÂN TÁCH

NỀN HÀNH-CHÁNH ĐÔ-THÀNH HIỆN NAY

Như ta đã thấy, căn bản tổ chức nền hành-chánh Đô-thành hiện nay vẫn là sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 áp dụng trọn- vẹn cho viên Đô-trưởng. Còn các phụ-tá của Ông thì sắc lệnh mới nhất chính là sắc lệnh 199-SL/NV ngày 22-12-1969. Về cơ quan quyết-nghị, thì căn-bản vẫn là sắc-lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 với một vài thay đổi tiêu-tiết. Cấp Phường và quận, thì trên phương-diện pháp-lý, chưa có gì thay đổi sau rộng...

Trong chương này, chủ-ý của chúng tôi là phân-tách nền hành-chánh Đô-thành căn cứ vào hai cơ-năng: Chấp-hành và quyết-nghị. Tuy-nhiên, cũng như bất cứ một tổ-chức nào khác cơ-năng chấp-hành bao giờ cũng gồm một tổ-chức lớn rộng hơn cơ-năng quyết-nghị. Do đó, chúng tôi sẽ phân-tách cơ-năng chấp-hành qua ba đoạn và dành đoạn cuối cùng để nói về cơ-năng kia. Việc phân-tách cơ-năng chấp-hành trước không hẳn là

nột cách đề cao cơ-năng ấy như các sắc-lệnh của thời độ nhất Cộng-hòa vẫn làm, mà chỉ là vì lý-do Kỹ-thuật vì đề-tài chú-trọng đến tính-cách hành-chánh hơn là chánh-trị.

Đ o ạn n h ấ t

Cơ-quan chấp-hành: Ông Đô-trưởng

Trong thời Pháp-thuộc, người cầm đầu cơ-quan chấp-hành - thường là Chủ-tịch Hội-đồng thành-phố. Hai cơ-năng chấp-hành và quyết-nghị, vì thế, không được phân-nhiệm rõ-rệt. Nhưng kể từ Dự 11 ngày 30-5-1954, hai cơ năng ấy đã được phân-nhiệm rõ-rệt qua việc dự-liệu một Đô-trưởng bổ-nhiệm không còn là chủ tịch Hội-đồng Thành-phố nữa. Sau cách-nạng 1-11-1963, hai cơ-năng ấy vẫn tiếp-tục được phân-nhiệm, tuy nhiên phần nào các cơ-quan dân cử được đề cao hơn, và có lúc cơ quan quyết nghị lấn át hẳn cơ-quan chấp hành như sắc-lệnh số 198-SL/ĐUHC ngày 24-12-1966 quy-định tổ-chức nền hành-chánh xã đã chứng-tỏ.... (qua quyền khuyến cáo của Hội-đồng xã nhằm giải-nhiệm xã trưởng).

Dù vậy, hiện nay, quyền hạn của Đô-trưởng vẫn còn rất to. Nhưng trước khi phân-tách các quyền-hạn ấy, chúng tôi thiết - nghĩ nên đề cập đến vấn-đề bổ-nhiệm Đô-trưởng.

1. Vấn-đề bổ-nhiệm : Cũng như tỉnh-trưởng tại tỉnh, Đô - trưởng tại thủ-đô do Tổng-thống bổ-nhiệm. Tuy nhiên, vì tầm quan-trọng của thủ-đô, nên sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 đã quy-định : Đô-trưởng được bổ-nhiệm bằng sắc-lệnh của Tổng - thống; trong khi theo thông-tư số 1-a ngày 1-3-1968 của Tổng - Thống Việt-Nam Cộng-hòa, thì các tỉnh-trưởng chỉ được Tổng - Thống bổ-nhiệm bằng nghị-định. Tính cách trọng-trọng dành cho Đô-thành này cũng tìm thấy trong Hiến-Chương Lần thứ do Chủ Tịch Thượng-hội-đồng Quốc-gia ban hành ngày 20-4-1964. Theo đó, quyền bổ-nhiệm sứ thần các hạng, các Viện-trưởng Đại-học, và Đô-trưởng được trao cho Quốc-Trưởng. Như thế, Đô-trưởng là một viên tỉnh-trưởng quan trọng, có lúc được coi như một thứ Bộ-trưởng vì dưới Ông, là một Tổng-thư-ký ngang hàng tổng-thư-ký bộ, Ba phụ-tá ngang hàng giám-đốc nhà nhiều sở...

Nhưng Tổng-thống đã căn-cứ vào những tiêu-chuẩn nào để Bổ nhiệm Đô-trưởng? Điều này thật khó biết. Sắc-lệnh ngày 8-1-1877 nêu ra một số điều kiện thuộc nghề-nghiệp: Thị-Trưởng-Sài-gòn được chọn trong các giới thương-kỹ-nghệ-gia và làm nghề tự-do. Điều hai, dụ 11 ngày 30-5-1954, cũng định: Đô-Trưởng được chọn trong số các thân-hào nhân-sĩ hay nhân-viên cao cấp. Trái lại, sắc-lệnh 74-TTP thì hoàn toàn im tiếng về vấn-đề này. Từ đó có thể suy-luận: Tổng-thống có toàn quyền trong việc lựa chọn Đô-trưởng... Thực tế ngày nay cho thấy: Đô-trưởng mặc nhiên là một quân-nhân có cấp bậc cao. Việc dân-sự hóa Đô-trưởng dường như sẽ chỉ được thực hiện cùng với cuộc bầu cử dự trù nơi điều 71 Hiến-pháp ngày 1-4-1967.

Cũng vì do Tổng-thống bổ-nhiệm, nên Đô-trưởng sẽ do Tổng Thống bãi-nhiệm bằng một hịch-vi đơn-phương, không khiếu-nại.

2. Chức quyền Đô-trưởng : Đô-trưởng có nhiều quyền-hạn, nhưng đại khái có thể chia làm ba nhóm:

- Quyền là đại-diện của chánh-quyền trung-ương.
- Quyền chỉ-huy nền hành-chánh Đô-thành.
- Quyền là đại-diện pháp-nhân Đô-thành.

Chúng ta sẽ lần lượt phân-tách từng nhóm một.

a./ ĐẠI-DIỆN CHÁNH-QUYỀN TRUNG-ƯƠNG : Điều 3 sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 quy định: Đô-trưởng đại-diện chánh-quyền-trung-ương tại địa-hạt Đô-thành.

Với tư-cách ấy, Ông có nhiệm-vụ thi hành luật-lệ, do đó có quyền công-bố luật. Ông cũng có quyền chi-tiết-hóa và cụ-thể-hóa luật-pháp, nói cách khác, ông có quyền lập-quy về những vấn-đề và trong phạm-vi luật lệ cho phép.

Cũng trong tư-cách đại-diện chánh-quyền trung-ương, ông có trách-nhiệm về an-ninh trật tự công cộng. Nói cách khác, Ông có quyền cảnh-sát (pouvoir de police). Về trật-tự công-cộng, Đô-trưởng có quyền đảm bảo mỹ-quan trong thành-phố, những nơi công-cộng, những cuộc lễ công. Ông cũng có quyền giữ gìn sự tự-do lưu-thông bằng cách ngăn cấm những sự tụ-hợp rối trật-tự ngoài công lộ... Trên phương-diện tinh-thần, Ông có trách-nhiệm bảo-vệ thuần-phong mỹ-tục cho thành-phố.

Về an-ninh công cộng, Đô-trưởng có trách-nhiệm tránh cho dân chúng những thiệt-hại về sinh-mạng và tài-sản. Ông cũng có các quyền về vệ-sinh công-cộng nữa bằng cách kiểm-soát thực-phẩm, vệ-sinh công lộ, điện nước...

Ngoài quyền cảnh-sát trên đây, Đô-trưởng còn có quyền tư-pháp cảnh-lại (police judiciaire). Qua quyền này, Đô-trưởng trừng trị các sự phạm-pháp bằng cách lập vi bằng và giải tội-nhân ra tòa.

Thực ra, các quyền trên đây, Đô-trưởng thường chia sẻ với Giám-Đốc Cảnh-sát Đô-thành và với các quận-trưởng hành-chính. Vì dưới sự giám-thị của Biện-ly, Các quận-trưởng Đô-thành có tư cách tư-pháp cảnh-lại. Rồi kể từ ngày Nha cảnh-sát Đô-thành trực thuộc Tổng-nha Cảnh-sát Quốc-gia, thì những quyền cảnh-sát trên đây tỏ ra rất tế-nhị.

Dù sao, để bảo-đảm an-ninh và trật tự công cộng, trong những trường hợp khẩn cấp, Sắc lệnh đã dự-liệu cho Đô-trưởng quyền được triệu-thỉnh quân-đội, với điều-kiện là phải báo ngay cho Bộ Quốc-Phòng và Bộ Nội-vụ... Quyền này, thực ra, lại cũng là một quyền tế nhị nữa. Thực tế, quyền đó rất khó thực thi, nhất khi Đô-trưởng là viên chức dân-sự. Có lẽ chính vì vậy mà Đô-trưởng đã được quân-sự-hóa. Nhưng quân-sự-hóa rồi vấn-đề vẫn chưa được giải-quyết hoàn-toàn. Bởi vậy, trong các trường hợp khẩn-trương, nhà cam-quyền trung-ương thường đặt một tướng lĩnh làm Tổng-trấn Sài-gòn Gia-Định...

b./ CHỈ-HUY HÀNH-CHÁNH ĐÔ-THÀNH: Nếu quyền gìn giữ an-ninh trật-tự công-cộng của Đô-trưởng có phần tế-nhị như ta đã thấy thì trái lại quyền chỉ-huy hành-chánh là một quyền rõ-rệt thuộc về Đô-Trưởng. Điều 3 sắc-lệnh 74-TTP định rằng : Đ ô - trưởng điều-khiển tất cả các công-sở của Đô-thành.

Quyền điều-khiển khác với quyền thiết-lập. Vì Đô-trưởng không có toàn quyền trong việc thiết-lập các công-sở cho Đô-thành. Trong quá khứ, đã có Đô-trưởng ký nghị-định thiết-lập sở mới cho Đô-thành, như trường hợp Đô-trưởng Thiếu-tướng Dương-ngọc-Lấn đã ký nghị-định số 204-HCNV/1 ngày 28-3-1964 thiết-lập sở GIAOTẾ DÂN-SỰ tại tòa Đô-chánh.

Tuy-nhiên nói chung, thì việc thiết-lập các công-sở nơi

cho Đô-thành không thuộc Đô-trưởng. Thí-dụ sở kinh-tế được thiết-lập là do nghị-định số 204-BNV/NC/8 ngày 14-4-1962. Nếu nói một về việc tổ-chức toàn-diện các cơ-quan của tòa Đô-chánh thì đó lại là thẩm-quyền của thủ-tướng như các sắc-lệnh số 52-SL/NV ngày 18-3-1966 và sắc-lệnh số 199-SL/NV ngày 22-12-1969, đã chứng tỏ...

Nếu thẩm quyền thiết-lập công sở không hoàn toàn thuộc Đô-trưởng thì việc điều-khiển các công-sở ấy là việc của ông. Trong lãnh-vực này, Ông có quyền ban hành các nghị-định cho các công sở của ông thi hành. Tỷ-dụ Đô-trưởng Nguyễn-phú-Hải đã ban hành nghị định số 57-TC/2 ngày 13-1-1960 nhằm sửa đổi và bổ-túc điều 31 và 39 nghị-định ngày 1-6-1936 tổ-chức các sở quan quản Đô-thành. Theo sự sửa đổi và bổ-túc này, thì từ nay, tất cả các thuê-mả thuộc phạm vi trung thầu của ban quản-thị, đều do một quản-lý-viên đảm trách hành-thầu... Cũng trong chiều hướng này, Đô-trưởng Đại-tá Văn-văn-Của đã ban hành nghị-định số 537-TK ngày 15-6-1967 mở cuộc điều tra tiện và bất-tiện về việc chính-trang quận 9.

Tuy-nhiên, công-sở ở Đô-thành có nhiều loại và tùy theo mỗi loại mà quyền điều-khiển của Đô-trưởng thật chẽ hay lỏng lẻo.

Các sở nội thuộc là gồm tất cả những sở thuộc quyền phối - hợp trực tiếp của Tổng-tư-ký, của ba khối chuyên-môn, kinh-tế tài-chánh và hành-chánh (luôn cả 11 quân) như sắc lệnh 199-SL/NV ngày 22-12-1969 đã quy-định, tất nhiên chịu sự chỉ-huy trực tiếp của Đô-trưởng.

Bên cạnh những sở nội thuộc này, có các sở ngoại-thuộc là những sở mà Đô-trưởng chỉ có quyền điều động nhân viên theo nhu cầu của mình, còn quyền trực-tiếp điều-khiển là thuộc các bộ sở quan. Đứng đầu các sở này, là nha Cảnh-sát Quốc-gia Đô-thành, sau đó là sở thông tin, sở chiêu-hồi, sở thanh-niên...

Công sở thì bao gồm các nhân-viên, Đô-trưởng có quyền chỉ huy các nhân-viên này. Điều ba sắc-lệnh 74-TTP đã quy-định: Đô-trưởng bổ-nhiệm bằng nghị-định các viên-chức thuộc Đô-thành trừ khi nào có điều khoản ấn-định khác. Điều khoản khác ấy, chính là điều 8 sắc-lệnh số 199-SL/NV ngày 22-12-1969. Điều này dự-liệu chức-vụ Tổng-thư-ký do Thủ-tướng chánh-phủ bổ-nhiệm; các phụ-tá, thanh-tra-trưởng, chánh-sự-vụ, thanh-tra, quản-đốc tu-nghiệp và huấn-luyện do Tổng-trưởng nội-vụ bổ-nhiệm theo đề-

ng nghị của Đô-trưởng.

Như thế, còn lại các chức-vụ khác đều do Đô-trưởng bổ - nhiệm bằng nghị-định, sự-vụ-lệnh hay quyết-định hành-chánh . Riêng các chức-vụ Chánh-văn-phòng, Bí-thư và chủ-sự do Đô-Trưởng bổ-nhiệm với sự duyệt-y của Tổng-trưởng Nội-vụ. Đối với các nhân-viên khác, việc tuyển-chọn cũng bắt buộc phải tuân theo các thể-lệ của Tổng-nha Công-vụ.

Nhưng dù là do ai bổ-nhiệm, thì toàn-thể viên-chức và nhân-viên của tòa Đô-chánh đều đặt dưới quyền trực-tiếp điều-khiển, kiểm-soát, chỉ-huy của Đô-trưởng.

c./ ĐẠI-DIỆN PHÁP-NHÂN ĐÔ-THÀNH: Đô-thành Sài-gòn là một pháp-nhân, điều ấy đã được sắc-lệnh 74-TTP xác-định ngay tại điều thứ nhất. Do đó, Đô-thành có trách-nhiệm, có quyền-lợi có ngân-sách, có tài-sản riêng. Việc đại-diện pháp-nhân Đô-thành này, Ông Đô-trưởng chia sẻ với Hội-đồng Đô-thành. Trong đoạn thứ tư, chúng tôi sẽ đề cập đến Hội-đồng Đô-thành , cũng như tương-quan của Hội-đồng này với Đô-trưởng. Ở đây , chúng tôi xin nói riêng đến quyền đại-diện pháp-nhân Đ ô-thành của Đô-trưởng.

Với tư cách này, Đô-trưởng cai quản mọi công-sản công - dụng và tư-dụng của Đô-thành. Đô-trưởng thay mặt Đô-thành trước pháp-luật và nhận lãnh sự thi-hành các công-tác và khế-ước thuộc Đô-thành. Trong việc quản-trị các tài-sản của Đô-thành, Ông thu hoa-lợi, thuế-khoá, ký các khế-ước thuê - mướn hay đấu thầu thực-hiện công-tác và thay mặt Đô-thành trước tòa-án khi pháp-nhân Đô-thành có kiên-tụng. Vì pháp - nhân Đô-thành cũng có đời sống như thể-nhân, nên phải chi - tiêu. Đô-trưởng là người lo soạn thảo và thi-hành ngân-sách. Chính ông là chuẩn-chi-viên và thanh-toán-viên của ngân - sách tự-trị Đô-thành.

Tóm lại, nhiệm-vụ và quyền-hạn của Đô-trưởng thật là rộng-rãi và nặng-nề, nhất là trong khung-cảnh Đô-thành Sài-gòn hiện nay. Do đó, ta cần tìm-hiểu xem Ông đã có những ai và những cơ-quan nào phụ-tá? Đó sẽ là đối-tượng của đoạn sau.

XXXX

XXXX

XXXX

Đ o a n h a i

Cơ-quan chấp-hành: Tổ-chức tòa Đô-chánh

Muốn quản-trị hữu-hiệu một đại-đô-thị, vị Đô-trưởng luôn luôn phải có nhiều viên-phụ-tá và nhiều cơ-quan tòa Đô-chánh phụ lực. Nhưng vì mỗi giai-đoạn, đô-thành lại có những nhu-cầu khác nhau, do đó, tổ-chức của Tòa Đô-chánh cũng phải cải-đổi không ngừng nhằm tạo hiệu-năng tối-đa cho sinh-hoạt của tổ-chức. Hiện nay, tổ-chức của tòa Đô-chánh căn cứ trên sắc-lệnh số 199-SL/NV ngày 22-12-1969 của Thủ-tướng chính-phủ và nghị-định số 209-BNV/HCDP/26/NĐ ngày 25-3-1970 nhằm chi-tiết hóa sắc-lệnh trên.

Theo các văn-kiện trên, thì tổ-chức tổng-quát tòa Đô-chánh hiện nay gồm: Văn-phòng Đô-trưởng, Sở Kế-hoạch, Trung-Tâm huấn-luyện và Tu-nghiệp, ban thanh-tra, khối chuyên-môn, khối kinh-tế tài-chánh và khối hành-chánh.

Các phụ-tá của Đô-trưởng thì có: 1 Tổng thư-ký, 3 phụ-tá 1 Thanh-tra trưởng (chức phó-đô-trưởng, đã bãi bỏ).

A.- Các viên Phụ-tá:

1. TỔNG-THƯ-KÝ: Có nhiệm-vụ phụ-tá Đô-trưởng trong việc điều-khiển các sở thuộc tòa Đô-chánh. Trong phạm-vi trách vụ của mình, Tổng-thư-ký được ủy-quyền thường-trực để-giải-quyết một số sự-vụ. Chính Ông sẽ xử-lý-thường-vụ, khi Đô-trưởng vắng mặt.

2. PHỤ-TÁ CHUYÊN-MÔN: có nhiệm vụ phối-hợp hoạt-động của các sở thuộc khối chuyên-môn.

3. PHỤ-TÁ KINH-TẾ TÀI-CHÁNH: phụ-trách phối-hợp hoạt-động của các sở thuộc khối kinh-tế tài-chánh, nghiên-cứu các kế-hoạch nhằm phát-triển Đô-thành về mặt kinh-tế cũng như tài-chánh.

4. PHỤ-TÁ HÀNH-CHÁNH: Phụ-trách phối-hợp hoạt-động của các sở thuộc khối Hành-chánh, các sở ngoại-thuộc Tòa Đô-Chánh và các quận hành-chánh trong Đô-thành. Phụ-tá hành-chánh có nhiệm-vụ tiếp-xúc thường xuyên với Hội-đồng Đô-thành và các quận Hành-chánh, đệ-trình và đề-nghị những biện-pháp giải-quyết các vấn-đề do Hội-đồng Đô-thành và các quận nêu ra

5. THANH-TRA-TRƯỞNG: Điều-khiển ban thanh-tra có bốn phận thanh-tra, kiểm-soát, đôn-đốc và chấn-chỉnh hoạt-động toàn-thể các cơ-quan trực thuộc tòa Đô-Chánh và lề-lối phục vụ cùng tác-phong của các cán-bộ non-viên tòa Đô-chánh, theo dõi việc thi-hành các biện-pháp áp-dụng để giải-quyết các khiếu-nại liên-quan đến hoạt-động của các cơ-quan thuộc tòa Đô-chánh.

Tướng cũng nên nhắc lại, theo sắc-lệnh 199-SL/NV thượng-dẫn, thì Tổng-thư-ký tòa Đô-chánh được xếp ngang hàng Tổng-thư-ký bộ, do Thủ-tướng chánh-phủ bổ-nhiệm. Viên chức này như trên đã nói có thể được nghị-định Thủ-tướng đề cử xử lý thường-vụ khi Đô-trưởng vắng mặt. Cũng theo sắc-lệnh này, thanh-tra-trưởng và ba phụ-tá được xếp ngang giám-đốc nha có nhiều sở và do Tổng-trưởng nội-vụ bổ-nhiệm chiếu đề-nghị của Đô-trưởng.

B. Tổ chức chi-tiết các cơ-quan:

1. VĂN-PHÒNG ĐÔ-TRƯỞNG: gồm có một Chánh-văn-phòng và một Bí-thư. Chánh-văn-phòng và Bí-thư được xếp ngang Chánh-văn-phòng và Bí-thư bộ. Cả hai do Đô-trưởng bổ-nhiệm với sự duyệt-y của Tổng-trưởng Nội-vụ. Nghị-định 209-BNV/HCDP/26/ND chỉ đề cập đến nhiệm-vụ của chánh-văn-phòng là: phân-phối công-việc, mật-vụ, các vấn-đề do Đô-trưởng đang riêng. Nghị-định không nói gì đến nhiệm-vụ của viên Bí-thư. Dưới quyền điều-khiển của Chánh-văn-phòng có 2 phòng: Phòng công-văn và phòng giao-tế nhân-sự.

2. TỔNG-THƯ-KÝ trực-tiếp điều-khiển sở Kế-hoạch và Trung-tâm huấn-luyện và tu-nghiệp. Tướng cũng nên nhắc lại các chánh-sự-vụ và quản-đốc tu-nghiệp đều do Tổng-trưởng Nội-vụ bổ-nhiệm chiếu đề-nghị của Đô-trưởng. Sở Kế-hoạch có hai phòng:

- Phòng Kế-hoạch: lo nghiên-cứu các kế-hoạch phát-triển Đô-thành...

- Phòng phối-hợp: có nhiệm-vụ khai thác các báo-cáo của các sở và các quận, các quyết-nghị của Hội-đồng Đô-thành

Trung-tâm huấn-luyện và tu-nghiệp không chia thành phòng là đơn-vị duy-nhất lo huấn-luyện các viên-chức tân-tuyển kế

cả các phường và khóm-trưởng. Trung tâm cũng có nhiệm-vụ nghiên cứu và đề-nghị các phương-pháp cải-tiến lề-lối làm-việc...

3. KHỐI CHUYÊN MÔN: gồm 6 sở, 1 công-xưởng và 1 phòng độc-lập:

a. Sở Công-chánh: gồm bốn phòng:

-Phòng kỹ-thuật: cấp giấy phép lưu-thông, số tài-xế tắc-xi.

-Phòng Kiểu-lộ Sài Gòn Đông: tu-bổ đường xá, cầu cống chính-trang, giải-tỏa, thiết-lập, mở đường...

-Phòng kiểu-lộ Sài Gòn Tây: như phòng Kiểu lộ trên.

-Phòng thủy-điện: đèn điện công cộng, điện-khí- hóa khu-vực thiếu ánh-sáng, các máy nước công-cộng...

b. Sở thiết-kế có bốn phòng:

-Phòng biện-thiết: hồ sơ xây nhà, giải-tỏa kiến trúc bất-hợp-pháp...

-Phòng Họa-đồ: quản trị công tư sản Đô-thành, kiểm-soát lộ-giới, thiết-lập và cấp phát họa đồ tạp loại...

-Phòng công-tác: tân tạc công ốc thuộc ngân sách Đô-thành.

-Phòng tu-bổ và nội-dịch: tu-bổ công-xá, sắp xếp trang-trí vệ-sinh phòng ốc...

c. Sở Vệ-sinh có bốn phòng:

-Phòng quản-trị: hành-chánh tổng-quát, nhân-viên, kế-toán, vật-liệu, văn-kho...

-Phòng kiểm-soát vệ-sinh và thực-phẩm: Cầu tiêu nơi công-cộng, nghĩa-địa, vệ-sinh thực-phẩm, vệ-sinh kỹ-nghệ...

-Phòng công-tác vệ-sinh: quét, hút rác...

-Phòng tiếp vận và hủy rác: điều động xe cộ, quản-trị bãi rác, trữ liệu nơi đổ rác...

d. Sở y-tế gồm 6 phòng và 11 khu y-tế cho 11 quận:

-Phòng kế-hoạch và huấn-giáo: giáo-dục y-tế, các chương-trình y-tế công-cộng...

-Phòng quản-trị: nhân-viên, kế-toán, vật-liệu...

-phòng y-tế học-đường: chích ngừa, khám bệnh ...

-Phòng bảo-trợ mẫu-nhi: sức khỏe sản-phụ, thai-nhi, quản-trị bảo-sanh-công, kiểm-soát các bảo-sanh-viện tư...

-Phòng y-khoa phòng ngừa và kiểm dịch: chứng-chỉ y-tế quốc-tế, khám tầu nội địa, tiêm ngừa tại phi và hải-cảng...

-Phòng dược liệu: tiếp liệu cấp phát thuốc men...

-Khu y-tế các quận: khám bệnh, cho thuốc, tiểu giải phẫu...

e. Sở cứu-hỏa Có ba phòng:

- Phòng quản-trị: nhân-viên, kế-toán, vật-liệu...
- Phòng kỹ-thuật: sửa chữa công xa, dụng cụ cứu-hỏa, trực-tiếp chỉ-huy chỉ cứu hỏa quận 6 và 8.
- Phòng huấn-luyện phòng hỏa...

f. Sở mục súc có hai phòng:

- Phòng thú-y và chăn nuôi gia-súc: bệnh chó dại, hướng dẫn cách chăn nuôi gia-súc, phát thuốc điều trị gia-súc.
- Phòng kiểm soát thú-sống và khám thịt: lò thịt...

g. Công-xưởng Đô-thành được xếp ngang cấp phòng, lo sửa chữa vật-dụng, xe cộ, bán ghế, quản-trị tài-xe Đô-thành.

h. Phòng trồng tía: phòng độc-lập (tách khỏi sở Công chánh) lo các công-viên, trồng và ương cây, trồng kiếng...

4. KHỐI KINH-TẾ TÀI-CHÁNH: gồm ba sở:

a. Sở kinh-tế: có ba phòng:

- Phòng điều hành: giấy phép chuyên chở hàng-hóa, đơn xin mở công-kỹ-nghệ, quản-trị nhân-viên, kế-toán, vật-liệu..
- Phòng kiểm-soát kinh-tế: kiểm-soát thị-trường, luật lệ kinh-tế, phạt, điều giải hoặc truy-tố các vi-phạm...
- Phòng phân phối: các vấn đề thuộc về tiếp tế.

b. Sở ngân-sách và kế-toán có sáu phòng:

- Phòng ngân sách: thiết lập ngân sách chánh và tu-chính ngân sách, bảng du-di ngân-sách, kế-toán hành-chánh..
- Phòng lương-bổng: lương bổng và phụ-cấp cho nhân-viên tòa Đô-chánh (trừ sở cứu-hỏa và tiểu-học)...
- Phòng mãi-dịch: lo việc mua sắm cho các cơ-quan Tòa Đô-chánh, lập điều-kiện sách...
- Phòng vật-liệu: quản-trị tài sản Đô-thành, kho tang vật và kho vật-liệu...
- Phòng tập trung kế-toán: sổ chuẩn-chi, thực-chi, tồn-chi sổ phát-hành-thâu, sổ miễn giảm, sổ thực thâu, bảng đối chiếu chi thâu ngân-sách Đô-thành...

-Phòng ngoại-viện: thanh-toán chi phí thuộc quỹ ngoại-viện, lập dự án ngoại-viện...

c. Sở thuế thổ-trạch và tạp thâu có bảy phòng:

-Phòng pháp-chế và tổ-tụng: các vấn-đề liên quan đến các sắc-thuế Đô-thành...

-Phòng thu-nhập: phát hành lệnh thu-ngân, kiểmsoát hành-thâu tạp-thuế, điều-kiện sách đấu-thầu khai thác hoa-chí các chợ Đô-thành...

-Phòng thuế thổ-trạch quận 1: ấn-định căn-bản thuế thổ-trạch, tính thuế và lập bộ, hành thâu, truy-thâu...

-Phòng thuế thổ-trạch quận 2.

-Phòng thuế thổ-trạch quận 3, 4 và 9.

-Phòng thuế thổ-trạch quận 5 và 10.

-Phòng thuế thổ-trạch quận 6, 7, 8, 11.

5. KHỐI HÀNH-CHÁNH gồm có ba sở:

a. Sở Nội-an: có ba phòng:

- Phòng hiệp-đoàn: kiểm soát các nghiệp-đoàn, đoàn - thể và hiệp-hội...

- Phòng chánh-trị sự-vụ: công tác về Á-kiều, trại hướng thiện...

- Phòng quân-vụ: hồ sơ hoãn dịch gia cảnh và học-vấn, tổng đạt lệnh gọi nhập ngũ, tằm nã...

b. Sở Hành-chánh và nhân-viên có ba phòng:

- Phòng hành-chánh: các vấn đề về hành-chánh về địa - lý nhân-vấn, cấp giấy phép hành-chánh, tổ-chức hành chánh tại phường khóm...

- Phòng nhân viên: quản-trị nhân viên toà Đô-Chánh và các cơ-quan trực thuộc, tuyển-dụng, cải hạng, khen thưởng...

- Phòng hộ-tịch và bầu cử: trích lục hộ-tịch, các vấn đề quốc-tịch, căn-cước, tổ-chức các cuộc bầu cử...

c. Sở tiểu-học có hai phòng:

- Phòng quản-trị: nhân-viên, kế-toán, vật liệu...

- Phòng học-vụ: các vấn đề tư-thực, bình-dân giáo-dục thanh-tra trưởng, huấn-luyện tu-nghiep...

Ngoài ra, Phụ-tá hành-chánh, như trên đã nói, còn phụ - trách phối-hợp hoạt động của các sở ngoại thuộc (lao-động, xã hội) và của các quận hành-chánh.

Như thế, tổ-chức mới của toà Đô-chánh Sài-gòn gồm 13 sở, 52 phòng. Đứng đầu mỗi phòng là một chủ-sự phòng ngang chủ-sự phòng tại bộ. Chủ sự phòng do Đô-trưởng bổ-nhiệm với sự duyệt

y của Tổng-trưởng Nội-vụ.

Nhờ Một nhóm phụ-tá đông -đảo với một sự ủy-quyền rộng -rãi như hiện nay (1) và một tòa Đô-chánh với những cơ-quan hùng-hậu, ta thấy vai-trò nặng-nề của Đô-trưởng đã được giảm nhẹ rất nhiều, giúp Ông có thể chú-trọng nhiều hơn đến những công-việc khác có tính-cách bao trùm sinh-hoạt và đặc-biệt là những giao-dịch bên ngoài.

Tuy-nhiên, dù cho có được một số phụ-tá hùng hậu và những cơ-quan đầy đủ đến đâu chăng nữa, Đô-trưởng cũng sẽ không thể nào cung cấp đầy đủ dịch-vụ cho hơn hai triệu dân Đô-thành với rất nhiều thành-phần xã-hội khác-biệt được. Do đó, Ông cần có đại-diện ở các cấp bậc thấp hơn. Chúng tôi muốn nói đến các cấp quận và phường. Đó sẽ là đối-tượng của đoạn ba.

Đ o a n b a

Cơ-quan chấp-hành: Các quận và phường

Chúng tôi đang hẳn một đoạn để nói về các phân hạt hành-chánh của Đô-thành. Đó là các quận hành-chánh và các phường.

I. Quận hành-chánh :

Đô-thành có quận từ sắc-lệnh 104-NV ngày 27-12-1952. Từ đó ta đã thấy đã có nhiều thay đổi cho cấp quận. Hiện nay căn-bản tổ-chức quận vẫn là sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959, sửa đổi bởi sắc-lệnh số 218-NV ngày 28-11-1962. Ta có thể xét qua chức-chương của quận trưởng, sau đó, phân-tách qua tổ chức của tòa hành-chánh quận Đô-thành.

(1) Tổng-thư-ký được ủy-quyền thường-trực điều-khiển mọi sinh-hoạt của các phòng sở Đô-thành; Về chi tiêu, được ủy quyền tới 200.000 đồng.

A. Quận-trưởng:

Với sắc-lệnh 74-TTP, danh-từ Quận-trưởng đã thay - thế danh-từ trưởng-quận của Dự 11 ngày 30-5-1954. Cùng với sự đổi danh này, Quận-trưởng không còn là viên chức dân-cử nữa mà là công-cử.

1. QUY-CHẾ QUẬN-TRƯỞNG ĐÔ-THÀNH : Giống quận tại tỉnh, quận Đô-thành không có quyền tự-trị về hành-chánh và tài-chánh do đó, không có tư-cách pháp-nhân, tài-sản và ngân-sách. Tuy nhiên, về phương-diện quản-trị, quận Đô-thành quan-trọng hơn quận ở tỉnh nhiều. Cứ nhìn vào số dân và thành phần dân-chúng của các quận Đô-thành cũng đủ thấy điều đó. Một quận đứng hàng thứ 10 về dân số ở Đô-thành là quận 7 cũng đã có số - dân 37.666 người trong khi dân-số toàn tỉnh Quảng-Đức chỉ có 3 4 ngàn người. Xem như thế, nhiệm-vụ của quận-trưởng Đô-thành sẽ nặng-nề như thế nào.

Tuy-nhiên một đặc-điểm của quận Đô-thành là quận-trưởng nhẹ về trách-nhiệm an-ninh và trật-tự công-cộng. Nhiệm-vụ này do các quận cảnh-sát lo. Trên nguyên-tắc, các quận-trưởng thi hành nhiệm-vụ với sự cộng-tác của cảnh-sát-trưởng quận liên - hệ (1). Tuy-nhiên, từ khi nha cảnh-sát quốc-gia Đô-thành trực thuộc Tổng-nha cảnh-sát quốc-gia, thì sự "cộng-tác" trên tỏ ra rất lỏng-lẻo. Ngày nay, hầu như hai cơ-quan hoạt-động biệt lập hoàn-toàn.

Như trên đã nói, quận-trưởng Đô-thành hiện nay là một công-chức. Sắc-lệnh 74-TTP dự liệu Ông được chính Tổng-Thống bổ-nhiệm bằng nghị-định. Nhưng sau cách-mạng 1-11-1963, việc bổ-nhiệm được trao qua Thủ-tướng. Và nghị-định ngày 17-1-1964 của Thủ-tướng lại ủy-quyền ấy cho Tổng-trưởng Nội-vụ. Thông-tư số 1-a ngày 1-3-1968 của Tổng-thống Việt-Nam Cộng - Hòa lại dành quyền đề-nghị quận-trưởng cho Đô-trưởng.

Vì là công-chức, nên quận-trưởng Đô-thành hưởng lương và phụ cấp như một quận-trưởng tại tỉnh, do Ngân-sách Đô-thành đài-thọ. Bên cạnh quận-trưởng, ta còn thấy Phó-quận-trưởng. Chức-vụ này mới có từ năm 1961 và áp-dụng cho Đô-thành do nghị-định số 405/BNV/NV ngày 5-8-1963. Vị này, cũng do thông-

(1) điều 27, sắc-lệnh 74-TTP.

tư số 1-a quy-định, sẽ do Đô-trưởng đề nghị và Tổng-trưởng Nội vụ bổ-nhiệm bằng nghị-định.

2. CHỨC-CHƯƠNG CỦA QUẬN-TRƯỞNG: Quận-trưởng là đại-diện Đô-trưởng, hành-sự dưới quyền kiểm-soát của Đô-trưởng và Phó-đô-trưởng (chức-vụ này nay không còn). Quận-trưởng không có quyền lập-quy. Trong phạm-vi thẩm-quyền, quận-trưởng có nhiệm vụ áp-dụng luật-lệ và thi-hành các chức-chương do Đô-trưởng ủy-nhiệm.

Để thi hành những chức-chương trên, Quận-trưởng Đô-thị có nhiều quyền-hạn như :

- Thi thực chữ ký trên các tư-thư, chứng thư, kể cả các văn-kiện thuộc về tông-chi và nhượng động sản hay bất-động sản;

- Thi thực bốn sao, cấp giấy hạnh-kiến, cư-ngụ, căn-cước (1) hay các giấy tờ khác do luật-lệ riêng ấn-định ;

- Quận-trưởng có quyền cấp giấy phép cho tư-nhân nhóm họp trong dịp quan hôn tang tế, giấy phép cho các tổ-chức tôn giáo nhóm họp để hành lễ.

- Dưới quyền kiểm soát của Biện-ly, các quận-trưởng lãnh chức vụ Hộ-lại trong địa hạt quận. Nếu vì một lý-do nào quận-trưởng không thể giữ nhiệm-vụ này, thì một viên-chức được cử đích danh bằng nghị-định của Tổng-trưởng Nội-vụ, chiếu đề nghị của Đô-trưởng.

- Ngoài ra, quận-trưởng còn có tư-cách tư-pháp cảnh lại.

Đang khác, cùng với thời-gian, dần dần một số công-việc hành-chánh trước kia do tòa Đô-chánh trực tiếp giải quyết như các vấn-đề về quân-vụ, vệ-sinh... cũng như một số công việc trước do cảnh-sát phụ trách như điều tra kinh-tế, chứng-chỉ sống chung... đều được trao cho quận-trưởng.

Như thế, nhiệm-vụ của Quận-trưởng Đô-thành khá nặng nề, nhất là từ lúc có phong-trào nhân-dân tự-vệ, quận-trưởng còn là Chủ-tịch Ủy-ban Nhân-dân Tự-vệ quận. Để tránh bớt cho quận-trưởng một số công vụ, hai thông-tư số 5915-BNV/VP ngày 3 /9/

(1) Việc cấp căn-cước từ tháng 7/1968 đã chuyển qua Ty Cảnh-sát phụ-trách.

1962 và 5716B/BNV/NC/8 ngày 11-10-1962 đã quy-định sự ủy-
quyền của Quận-trưởng cho phó-quận-trưởng. Thường các Phó
quận-trưởng được ủy-quyền về: hành-chánh, kinh-tế, xã-hội, tài
chánh thuế-vụ, an-ninh tổng quát.

B. Tổ-chức tòa hành-chánh quận Đô-thành

Để trợ giúp Quận-trưởng, một tòa hành-chánh quận được tổ-
chức, đứng đầu là văn-phòng-trưởng hay Trưởng-phòng. Trước
năm 1963, Trưởng phòng là người duy-nhất phụ-tá quận-trưởng
điều-hành guồng máy hành-chánh trong quận. Trưởng-phòng do Đô
trưởng bổ-nhiệm bằng sự-vụ-lệnh. Ông được ủy-nhiệm phụ-trách
khá nhiều công việc như: hành-chánh, quan-vụ, kiểm-soát tiệm
cầm-đồ bình-dân... Dưới đó là các ban chuyên-môn :

1. BAN HÀNH-CHÁNH: Ban này phụ-trách:

a. Các vấn-đề hành-chánh tổng quát như: phân-phối các
công-văn đi và đến, giải-quyết các đơn khiếu nại, các khai-báo
hội họp của các hiệp-hội, thầu các lệ phí hành-chánh...

b. Các vấn đề kinh-tế như: kiểm nhận tờ khai lúa,
tồn trữ muối, các thí điểm tiếp-tế thực phẩm...

2. BAN HỘ-TỊCH : lập bộ khai sinh khai tử, cấp phát các
trích lục khai sinh khai tử, nhận khai hôn thú, cấp trích-lục
hôn thú...

3. BAN QUÂN VỤ : Tờ khai lược giả cá nhân, khai văn b'
bằng và địa-chỉ, tổng đạt lệnh gọi nhập ngũ...

4. BAN VỆ-SINH: Đơn xin xây cất, sửa chữa nhà, mở các
quán ăn, công-kỹ-nghệ, tư-thực (Về phương-diện vệ-sinh), điều
tra tiện và bất tiện, các vấn đề Vệ-sinh tổng quát...

Ngoài các cơ-quan nội thuộc trên, quận Đô-thành còn có
các cơ-quan ngoại thuộc như: phòng thông tin, chi thanh -
niên, khu y-tế, chi xã-hội, chi chiêu-hồi, chi cứu hỏa. Đối -
với các cơ-quan này, quận trưởng có quyền điều động và kiểm-
soát theo tinh thần hệ-thống ngang (Văn thư số 1442/HC/HC
ngày 10/6/1968).

Với ngàn ấy các phụ-tá và các ban chuyên môn, Quận-trưởng vẫn thấy mình bị tràn ngập và do đó, khuynh-hướng ngày nay là muốn san sẻ quyền hành với các phân hạt của mình là các Phường

II. Phường khóm Đô-thành:

Như ta đã thấy, Phường là một tổ-chức đặc-biệt do sắc-lệnh số 74-TTP đem lại. Nó phần nào giống tổ-chức Hộ (1) thời xưa, nhưng ít quyền hành hơn. Sau đây, ta lần lượt duyệt qua cấp phường, sau đó đến khóm và liên-gia.

A. Cấp Phường:

Căn bản tổ-chức Phường hiện nay vẫn là nghị-định số 504-BNV/HC/ND ngày 22-4-1959 được sửa đổi bởi nghị-định số 1494-BNV/HC/ND ngày 31-10-1960 và nghị-định số 371-BNV/HC/ND ngày 19-6-1961. Qua các nghị-định đó, ta thấy các quy-định sau đây

1. VỀ PHƯỜNG-TRƯỞNG:

- Mỗi phường đặt dưới quyền quản-trị của một phường-trưởng do nghị-định của Đô-trưởng bổ-nhiệm chiếu đề-nghị của quận-trưởng.

- Muốn được bổ-nhiệm, phường-trưởng phải có một số điều kiện như: ít nhất 30 tuổi và không quá 60 tuổi, có đức khỏe, có bằng tiểu-học, không can án-tiết, có hạnh-kiếm tốt, hiện cư ngụ tại phường liên-hệ và đã ở ít lẩn 2 năm trong phường.

- Nếu phường không có ứng cử viên, có thể thuê nhận người ở phường kế cận với điều kiện sau khi được bổ-nhiệm phải đến cư ngụ tại phường liên-hệ và đặt văn-phòng tại đó. Trong trường hợp đặc-biệt, Đô-trưởng có thể đề cử một công chức giữ chức phường trưởng.

- Phường trưởng có những trách-vụ sau đây:

♦Liên lạc giữa dân-chúng và Tòa Đô-chánh,

(1) Trước khi phân thành 7 quận, Đô-thành Sài Gòn Chớn được chia ra 18 hộ (quartiers). Chế độ hộ áp-dụng cho Chớn năm 1903 và cho Sài Gòn năm 1916.

- Thông-báo các chỉ-thị nhận được,
- Kiểm-tra dân-số,
- Báo-cáo về phương-diện an-ninh và trật tự
- cộng tác trong các công cuộc xã-hội, cải tiến dân-sinh, tổ-chức thanh-niên...

- Phường-trưởng trực thuộc Quận-trưởng và chịu sự kiểm soát của viên chức này. Phường-trưởng chỉ có thể liên lạc với các cơ-quan khác qua quận-trưởng.

- Có thể bãi-chức do nghị-định của Đô-trưởng, chiếu đề nghị của quận-trưởng.

-Không được hưởng quy-chế công chức (trừ trường-hợp là công-chức). Ông chỉ được hưởng một nguyệt bổng khoán và một phụ-cấp văn-phòng-phần do Đô-trưởng quyết -định.

2. VỀ VĂN-PHÒNG PHƯỜNG:

-Văn-phòng phường do phường-trưởng tổ-chức và phải đặt tại phường liên hệ, địa điểm phải được Đô-trưởng chấp - thuận.

- Một tùy-phái được đặt dưới quyền xử-dụng của ông phường-trưởng để chuyển công-văn và phụ-tá phường-trưởng nơi Văn-phòng.

- Ngoài ra, qua điệp-văn số 1760/HCVN ngày 1-4-1965 của tòa Đô-chánh, một cảnh-sát viên được biệt-phái để giữ gìn an-ninh trật-tự tại văn-phòng phường, điều tra gia - cảnh tài sản, giữ sổ khai gia-đình, tổng lệnh đốc thúc về thuế vụ.

Giữa năm 1968, quy-chế trên có thay đổi: Ngày 5-7-1968 , qua văn-thư số 1185-HC/HC, Đô-trưởng đã thoả-thuận cho các quận-trưởng được ủy-quyền cho các phường-trưởng duyệt ký một số giấy tờ để giải tòa một phần công-vụ cho các tòa hành-chánh quận. Những giấy tờ này có tính-cách hành-chánh như chứng-chỉ chỗ ở, hạnh-kiếm, sống chung...

Cùng với sự gia tăng nhiệm-vụ, phường được cấp thêm một viên thư-ký biệt-phái. Từ ngày ấy, sinh-hoạt của phường thêm sầm uất và phường thực-sự bước vào vai-trò một phân-hạt hành-chánh đúng nghĩa. Sau thời gian này, một số phường còn được quân-sự-hóa và do đó, tổ-chức có hơi thay đổi. Tuy nhiên đó chỉ là một thay đổi tạm thời và chỉ áp-dụng cho một

số phường mà thôi, nên chúng tôi không đề cập đến. Đáng khác, thì chính toà Đô-thành hiện nay, cũng đang có chương-trình tái dân-sự hóa các phường đó để chúng trở về với những tổ chức của nghị-định 504-BNV/HQ/ND.

B. Khóm và liên-gia:

Thực ra, khóm và liên-gia chưa phải là những tổ-chức có tính-cách pháp-lý và hiện chúng chưa được một văn-kiện pháp lý nào quy-định. Chúng chỉ là những tổ-chức có tính cách thực tế (de facto):

1. KHÓM: Phường chia làm nhiều khóm. Mỗi khóm có một khóm-trưởng đứng đầu do các liên-gia-trưởng bầu lên. Ông ta không được hưởng quy-chế công-chức. Tuy-nhiên, Ông có thể kiêm nhiệm chức cán-bộ thông-tin khóm. Thường khóm trưởng đảm trách những công-tác có tính-cách liên-lạc giữa các liên-gia và phường cũng như công-tác vận-động quần-chúng tham-gia các hoạt-động chung.

2. LIÊN-GIA: Mỗi liên-gia gồm từ 5 đến 20 nóc gia (có liên gia gồm đến 100 nóc gia). Liên-gia-trưởng do các gia-trưởng bầu lên và không được hưởng một khoản thù-lao nào. Ông có nhiệm vụ hướng dẫn các gia-đình thi-hành các chủ-trương của chánh-phủ, động viên tinh-thần tương-thần tương-ái, tham dự các công-tác chung, phát-biểu các thắc mắc chung của dân-chúng và giải đáp các thắc mắc đó.

Qua ba đoạn trên, ta thấy đại-cương tổ-chức của Đô-thành - Sài-gòn cũng gần giống như tổ-chức của các tỉnh trên toàn - quốc. Có điều ở tỉnh, dưới quận là xã ấp, thì tại Đô-thành, dưới quận là phường khóm. Tuy nhiên xã ấp khác xa phường khóm vì phường không có tư cách pháp nhân như xã, lại không có cơ-quan dân-cử như tại xã.

Đến đây, đã là lúc ta nên xem đến cơ-năng thứ hai trong ghồng máy hành-chánh Đô-thành: Cơ-năng quyết-nghị, thực-sự đại diện cho dân-chúng Đô-thành vì Hội-đồng Đô-thành hiện là cơ-quan dân-cử duy-nhất của Sài-gòn.

Đ o ạn b ốn

Cơ-quan quyết-nghị: Hội-Đồng Đô-thành

Hội-Đồng Đô-thành được bầu ngày 30-5-1965, do các sắc-lệnh 67-NV và 70-NV ngày 9-4-1965, được sửa đổi bởi sắc-lệnh 173-SL/DUBC ngày 22-11-1966, cho đến nay vẫn còn tại chức. Hiện-nay, như chúng ta đã biết, luật-số 02/70 ngày 5-3-1970 đã ban hành nhằm quy-định việc bầu cử Tân Hội-đồng Đô-thành. Rồi sau đó hai tuần, ngày 18-3-1970, hai sắc-lệnh số 031/SL/NV và 032SL/NV đã được ban hành nhằm định ngày 28-6-1970 làm ngày đầu phiếu bầu 36 nghị-viên Đô-thành.

Tuy-nhiên luật số 02/70 không quy-định việc tổ-chức và điều-hành Hội-đồng Đô-thành, nhưng chỉ quy-định việc bầu-cử tân hội-đồng, trên thực tế chỉ hàm thay thế sắc-lệnh số 70-NV. Cho nên sắc-lệnh số 67-NV quy-định việc tổ-chức và điều hành Hội-đồng Đô-thành vẫn còn giá-trị. Chúng tôi sẽ căn cứ vào sắc lệnh này để phân-tách về Hội-Đồng Đô-thành.

I. Tổ-chức, chức-năng và sự điều-hành của Hội-đồng

A. Tổ-chức: Cuộc khủng-hoảng ngày 11-8-1969 (1) tại Hội-Đồng Đô-thành đã làm nhiều người trong Hội-đồng đã được chia khối : khối ly-khai gồm đa số các nghị-viên thuộc thành-phần trí-thức (bác-sĩ, dục-sư, giáo-sư, chánh-khách) và khối lưu-nhiệm gồm phần lớn các nghị-viên thuộc thành-phần thương-gia mà đầu số chính là Ông nghị còi Ô-tô Giáp-văn-Thập

Tuy nhiên, đó chỉ là khối mặc thị, một cách chính thức, Hội-đồng Đô-thành không được tổ-chức thành khối, mà là phân thành những tiểu-ban và trên hết có Văn-phòng thường-trực.

(1) Cuộc khủng-hoảng gây ra nhân việc bầu lại Văn-phòng thường-trực cho niên-khoá 1969-1970.

1. VĂN-PHÒNG THƯỜNG-TRỰC: Điều 23 sắc-lệnh 67-NV định rằng: đầu năm, Hội-đồng bầu lấy một Chủ-tịch, một phó-chủ tịch, một thư-ký (1) và hai ủy-viên lập thành Văn-phòng thường-trực.

Chính văn-phòng này, trong thời gian giữa ơ hai khóa họp phải giải-quyết các thường-vụ của hội-đồng. Còn trong lúc có khóa họp, thì nhiệm vụ của Văn-phòng Thường-trực được phân chia như sau:

a. CHỦ-TỊCH: Chủ-tịch Hội-đồng đô-thành có nhiệm-vụ triệu tập Hội-đồng, chủ-tọa, điều-khiển các cuộc thảo-luận, và trông nom việc gìn giữ trật-tự trong các phiên-họp với p phương-tiện do Đô-trưởng cung cấp.

Nội-quy của Hội-đồng còn cụ-thể-hóa nhiệm vụ của Chủ-tịch Hội-đồng như sau:

1/. Triệu tập, khai mạc, chủ-tọa, điều-khiển và bế mạc các phiên họp của Hội-đồng.

2/. Trông nom việc gìn giữ trật tự trong các phiên họp, thi hành nội-quy và áp-dụng các biện-pháp chế tài kỷ-luật

3/. Điều khiển Văn-phòng thường-trực của Hội-đồng và, nếu cần, tham dự các phiên họp của các ủy-ban.

4/. Ký các biên-bản quyết nghị, giấy tờ chánh-thức của Hội-đồng và theo dõi việc thi-hành các quyết-nghị ấy.

5/. Đại-diện Hội-đồng trong các cuộc lễ chánh thức và trong sự liên-lạc với các cơ-quan công-quyền.

6/. Phối hợp các ủy-ban về mọi vấn đề liên quan tới chức-chương của Hội-đồng.

b. PHÓ CHỦ-TỊCH: Phó-chủ-tịch Hội-đồng Đô-thành phụ tá và thay thế Chủ-tịch khi ông này vắng mặt hoặc bận-việc. Nội-quy của Hội-đồng còn thêm: Phó chủ-tịch có thể được Chủ

(1) Chức vụ này sau đó đã được cải-danh thành Tổng-thư-ký do đề-nghị của Hội-đồng Đô-thành qua văn-thư số 317/L ngày 14-8-1965 gửi chánh-phủ.

tịch ủy-nhiệm một phần quyền hành ghi trên.

c. TỔNG-THƯ-KY: Tổng thư ký của Hội-đồng-Đô-thành, có nhiệm-vụ lập biên-bản các phiên họp và phụ-trách công việc văn-phòng của hội-đồng. Nếu được yêu-cầu, Tòa Đô-chánh phải biệt phái nhân-viên hành-chánh để phụ-lực Tổng-thư-ký. Nội quy của Hội-đồng cũng thêm: Tổng-thư-ký giúp Chủ-tịch trong việc điều-hành Hội-đồng và các phiên-họp.

Tổng-thư-ký chuẩn bị các phiên-họp, dự thảo chương-trình nghị-sự, lập biên-bản các phiên họp, thụ nhận và phân-phối văn thư giao-dịch giữa Hội-đồng và các cơ-quan khác. Tổng-thư-ký liên-lạc với các ủy-viên, các nghị-viên, và, nếu được Chủ-tịch cho phép, với các cơ-quan công-quyền, về các x vấn - đề liên quan đến Hội-đồng.

Tổng-thư-ký cũng là thuyết-trình-viên về các vấn-đề không do các ủy-ban chuyên môn phụ-trách.

d. CÁC ỦY-VIÊN: Sắc lệnh 67-NV không đề cập đến nhiệm vụ của các ủy-viên. Theo nội-quy, các ủy-viên phụ-trách những vấn-đề đặc-biệt do Hội-đồng hay Chủ-tịch Hội-đồng trao phó.

2. CÁC ỦY-BAN: Xem như trên, ta thấy, Văn-phòng thường trực có khá nhiều việc phải làm. Tuy-nhiên chính các nghị-viên cũng không được ngồi chơi sơi nước mà được phân thành 7 ủy-ban:

a. Ủy-ban hành-chánh pháp-chế: kiện toàn bộ máy hành chánh, các quận và phường khóm...

b. Ủy-ban tài-chánh ngân-sách: nghiên cứu, thuyết-trình, phê-bình dự-thảo ngân-sách Đô-thành...

c. Ủy-ban Kinh-tế tiếp-tế: các vấn đề thương-mại, Kỹ nghệ, tiếp-tế thực-phẩm...

d. Ủy-ban xã-hội y-tế: Cứu tế, tử-thiện, lao-động, y tế, vệ-sinh...

e. Ủy-ban Văn-hóa thanh-niên: học chánh, hoạt-động nghệ-thuật, khoa-học, giáo-dục bình-dân...

f. Ủy-ban giao-thông công-chánh: Kiều-lộ, điện nước,

chính-trang, giải-tòa...

g. Ủy-ban kiểm-soát khiếu nại: Theo tinh thần các đoạn 1-4 (điều 10) và điều 12 sắc lệnh số 67-NV...

B. Chức-chương của Hội-đồng Đô-thành: Chúng ta thấy nhiệm vụ của văn-phòng-thường-trực và nhất là của các ủy-ban đã bao trùm mọi sinh-hoạt của Đô-thành Sài-gòn. Bởi thế, chúng ta tự hỏi họ có những chức-chương gì để thi-hành những nhiệm vụ ấy? Căn-cứ vào sắc-lệnh 67-NV, ta thấy Hội-đồng Đô-thành có những quyền sau đây:

1. Quyền quyết-nghị: Hội-đồng có quyền quyết-nghị rộng rãi về hầu hết các vấn-đề của Đô-thành như: ngân-sách, tạp-thuế, thể-lệ hành-thu, vay mượn trợ-cấp, mua bán bất-động-sản, lập kế-ước thầu, đặc-nhuận công-dịch-vụ, kiện tụng, mọi chương-trình ích-lợi công-cộng... (điều 9 sắc-lệnh 67-NV).

2. Quyền kiểm-soát: Theo điều 10 sắc-lệnh 67-NV thượng-dân, quyền kiểm-soát của Hội-đồng cũng khá rộng-rãi như đối với việc thi-hành các chánh-sách và chương-trình của chánh-phủ bản-kết-toán hành-chánh về việc thi-hành ngân-sách Đô-thành, các sổ-sách kế-toán, hành-vi của các nhân-viên và cán-bộ. Trong lãnh-vực quyền này, Hội-đồng có thể đề-nghị lên chánh-quyền trung-ương khuyến-cáo các chỉ-huy hành-chánh có lỗi...

3. Quyền được tham-khảo ý-kiến: về các vấn-đề như giá-biểu cho thuê đất đai của Đô-thành, các vấn-đề thuộc quyền-lập-quy của Đô-trưởng, đặc-biệt là liên-quan đến nhà-phổ và hành-nghề tại Đô-thành.

4. Quyền trình bày ý-kiến: hay thỉnh-nguyện lên Thủ-tướng cũng như các Tổng-bộ-trưởng... về những vấn-đề có ích-lợi thuộc phạm-vi Đô-thành. Không thấy Sắc-lệnh đề-cập đến vấn-đề phải chuyển các kiến-nghị đó qua Đô-trưởng như các sắc-lệnh cũ.

C. Điều hành của Hội-Đồng: Hội-đồng họp thường-lệ mỗi tháng một khóa do Chủ-tịch triệu-tập, khóa này không kéo-dài quá 7 ngày, có thể họp liên-hay phân-làm hai nhưng phải trong vòng từ ngày 5 đến ngày 20 mỗi tháng (theo sắc-lệnh 85-SL/NV ngày 11-5-1966). Các phiên-họp này phải báo cho Đô-trưởng ít

nhất 7 ngày trước khi khai mạc.

Hội đồng có thể họp khóa bất thường nếu Đô-trưởng hoặc là 1/2 số nghị-viên yêu cầu. Khóa này không được quá ba ngày.

Nghị-trình của các phiên họp thường và bất thường đều do Chủ-tịch Hội-đồng ấn-định sau khi đã thông-báo cho Đô-trưởng trước 7 ngày. Thủ-tục ấn-định nghị-trình dĩ nhiên không là độc quyền của Chủ-tịch Hội-đồng. Các nghị-viên có thể đề-nghị ghi vào nghị-trình một vấn đề xét ra có ích. Đề nghị này gửi tới Văn-phòng thường trực chậm nhất 8 ngày trước và phải đính kèm văn-kiện viện dẫn lý-do. Nếu văn-phòng thường-trực không chấp-nhận đề-nghị này, thì nghị-viên tác-giả có thể đem vấn đề ra trước phiên-họp xin biểu-quyết. Nếu 2/3 số nghị-viên có mặt đồng ý thì vấn đề nêu ra đương nhiên được ghi vào nghị-trình.

Một khi nghị-trình đã được ấn-định xong, Hội-đồng không được thảo-luận ra ngoài nghị-trình nếu không có sự chấp thuận của Đô-trưởng hoặc đại-diện. Đáng khác, Hội-đồng chỉ được kể là họp hợp lệ khi có đủ 2/3 tổng số nghị-viên tham-dự.

Đó cũng chính là những điều kiện đã gây ra cuộc khủng hoảng cho Hội-đồng Đô-thành suốt từ tháng 8 năm 1969 tới nay.

Theo phán quyết ngày 27-1-1970 của Đại Hội-Đồng Tối-cao Pháp-viện xử vụ khủng-hoảng trên, thì nội-vụ như sau: Đáng lẽ phiên họp ngày 11-8-1969 dành cho việc bầu lại Văn-phòng thường-trực theo nghị-trình đã được ấn-định. Nhưng đến ngày họp, thì chủ-tọa lại đặt vấn-đề có nên bầu lại Văn-phòng hay giữ nguyên văn-phòng cũ. Thấy Chủ-tọa đi ra ngoài nghị-trình một số nghị-viên đứng dậy phản đối và bỏ phòng họp ra về 11 nghị-viên (trên tổng số 17 vị đương-nhiệm) ở lại tiếp-tục cuộc họp và đã biểu quyết cùng một lúc giữ lại y nguyên Văn-phòng thường-trực cũ. Từ đó, Sáu nghị-viên bỏ phòng họp ra về ngày 11-8-1969 không còn cộng tác với bất cứ hành vi nào của nhóm 11 người kia. Do đó, báo chí gọi họ là phe ly-khai và các nghị-viên còn lại được gọi là phe lưu-nhiệm. Các ông nghị ly-khai đem vấn đề lên Tối-cao Pháp-viện. Và ngày 27-1-1970, Đại hội-đồng Tối-cao-Pháp-viện đã xử thắng cho họ bằng cách hủy quyết-nghị của phiên-họp ngày 11-8-1969. Tuy-nhiên, từ đó, vấn-đề tạo lại mối đoàn-kết nhất trí cho Hội-đồng Đô-thành có thể coi như không thực-hiện được nữa.

II. Tương-quan giữa Hội-Đồng và các cơ-quan khác:

Xét như trên, ta thấy quyền hạn của Hội-đồng Đô-thành thật là rộng rãi. Tuy nhiên, ta cần biết xem quyền hạn ấy đã được hạn-chế như thế nào trong tương-quan giữa Hội-đồng và các cơ quan khác.

A. Tương-quan với Đô-trưởng: Nếu Hội đồng Đô-thành có nhiều quyền biểu-quyết và kiểm-soat, thì ngược lại, Đô-trưởng cũng có nhiều tương-quan quyền-hành đối với Hội-đồng.

1. Quyền giải-nhiệm và nhóm họp: quyền giải-nhiệm đây, dĩ-nhiên, là gián-tiếp. Điều 8 sắc lệnh 67-NV quy-định rằng: Thủ-tướng chánh-phủ, chiếu theo đề nghị của Tổng-tướng Nội-vụ và của Đô-trưởng, có quyền ban hành sắc-lệnh giải-tan Hội-đồng. Về quyền nhóm họp, thì Đô-trưởng có thể yêu-cầu Hội-đồng họp khóa bất thường, như ta đã thấy.

2. Quyền dự phiên-họp và phát-biểu ý-kiến: mặc dù không phải là nghị-viên, nhưng Đô-trưởng có nhiệm-vụ dự các-phiên họp của Hội-đồng và nếu cần sẽ trình bày ý-kiến. Ngoài ra, Đô-trưởng hay Đại-diện có thể đem theo nhân viên phụ-tá vào các phiên họp của Hội-đồng. Hội-đồng cũng có thể yêu-cầu Đô-trưởng mời các chuyên-viên đến dự các phiên-họp để cho thêm tài-liệu về các vấn-đề Hội-đồng đang bàn cãi.

Biên bản các phiên họp phải gửi đến Đô-trưởng chậm nhất là 7 ngày sau phiên họp. Trừ các vấn đề ghi ở điều 15 của SL 67-NV, các quyết-nghị khác sẽ được Đô-trưởng đem ra thi-hành chậm nhất 15 ngày sau khi chuyển qua. Tuy-nhiên Đô-trưởng có thể xin phúc-nghị...

3. Chương-trình họp và vấn-đề họp: Chương-trình nội khóa họp đều do Chủ-tịch Hội-đồng ấn-định. Tuy-nhiên, cả nghị-trình lẫn ngày họp phải thông-báo cho Đô-trưởng chậm nhất 7 ngày trước (trừ trường họp khẩn cấp). Và khi đã được thông báo rồi, thì hội đồng không được bàn ra ngoài nghị-trình nếu không được sự chấp thuận của Đô-trưởng hay đại-diện. Đây là điển đã gây khó chịu cho Hội-đồng. Do đó, qua văn-thư số 317/HD ngày 14-5-1965 Hội-đồng đã xin hủy bỏ và thay thế bằng câu: **NEU KHONG CO SU CHAP-THUAN CUA 2/3 NGHỊ-VIEN HỘI-DỒNG.** Tuy-nhiên, đề nghị đó đã không được chấp-thuận.

Như thế, hiển-nhiên Đô-trưởng vẫn còn nhiều thế-giả đối

với Hội-đồng và Hội-đồng không thể bỏ qua người điều khiển cơ-quan chấp-hành để nặc tình hoạt-động. Tuy-nhiên, Hội-đồng Đô-thành còn bị hạn-chế quyền-hành bởi các cơ-quan khác

B. Tương-quan với chính-quyền trung-ương: Chính-quyền trung-ương có nhiều quyền giám-hộ đối với Hội-đồng Đô-thành, vừa đối với cá nhân nghị-viên, vừa đối với cả Hội-đồng.

①. **ĐỐI VỚI NGHỊ-VIÊN**: Tổng-trưởng Nội-vụ, chiếu đề-nghị của Chủ-tịch Hội-đồng, có thể ban-hành nghị-định tuyên-bố một nghị-viên đương nhiên từ chức nếu phạm vào một trong những trường hợp như: vắng mặt liên tiếp ba lần trong các lần họp thường và bất thường mà không có lý-do được Hội-đồng chấp nhận là chính-đáng, hoặc không thi hành nhiệm-vụ được trao phó...

②. **ĐỐI VỚI CẢ HỘI-DỒNG**: Thủ-tướng có quyền ban hành sắc lệnh có viện dẫn lý-do để giải tán cả hội-đồng chiếu đề-nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ và Đô-trưởng.

Ngoài ra, chính-quyền trung-ương còn có quyền giám-hộ đối với các hành-vi của Hội-đồng vì một số lớn các quyết-nghị của Hội-đồng chỉ được đem ra thi-hành, nếu được Thủ-tướng duyệt y như các kế toán hay kế-hoạch trị giá trên 5 triệu đồng, nhất là ngân-sách và bản kết-toán hành chính về việc thi hành ngân sách. Một số quyết-nghị khác phải được Tổng - hoặc Bộ-trưởng sở quan duyệt y như tạp thuế, bách phân phụ thu, sửa đổi ranh giới Phường, vay mượn, trợ cấp (điều 15 SL 67-NV).

Dù thế nào, thì Hội-đồng Đô-thành do sắc lệnh 67-NV quy định cũng đã có rất nhiều ưu-điểm. Nó hiện diện bên cạnh một Đô-trưởng chỉ định như một định-hướng cần thiết nhằm đưa ra những mục tiêu, những phương-tiện cho hoạt-động của viên chức công cử ấy ngõ hầu sinh hoạt của Đô-thành được tiến-triển đủ thuận lợi cho quyền lợi địa phương cũng như quyền lợi quốc gia dân tộc.

Tuy-nhiên, sinh-hoạt ấy có đạt được mục-tiêu mong muốn hay không thì còn tùy. Phan thư hai của tạp Luận-Văn sẽ được dùng để nhận xét về nền hành chính này cũng như đưa ra một số đề-nghị cho nền hành-chánh ấy.

IIIIIIIIII

Phiên Chữ Hoa

NHẬN - XÉT VÀ ĐỀ - NGHỊ

MỘT VÀI VẤN - ĐỀ THỰC - TẾ

CỦA ĐƠN HẠNH - CHÁNH ĐỒ THẠNH

○○○○○○

Ở phần thứ nhất, chúng-tôi đã phác-hoạ vài nét về lịch sử của nền hành-chánh Đô-thành để rồi sau đó, đi hẳn vào vấn đề phân-tách chính nền hành-chánh đó theo hiện-trạng căn - cứ vào những sắc-lệnh và nghị-định hiện-hành.

Giờ đây, chúng tôi mạo-muội đưa ra phần thứ hai nhằm nêu lên một vài nhận-xét và đề-nghị về nền hành-chánh-đô-thành. Chương sau đó, chúng tôi sẽ dành để đề-cập đến một vài vấn-đề thực-tế của nền hành-chánh trên, nhằm đối-diện khuôn mặt thực của sinh hoạt đó. Những nhận-xét và đề nghị của chúng - tôi tất nhiên chỉ có tính cách dò tìm vì đó là những nhận-xét và đề-nghị của một người chưa thực sự nằm trong sinh hoạt của Tòa Đô-chánh, chứ đừng nói đến truyện giữ một chức vụ chỉ-huy trong đó. Sự nhận xét như thế hiển-nhiên sẽ phiến-diện. Tuy nhiên đây là một tập luận-văn tốt-nghiệp, nên tác-giả vẫn cứ mạo-muội đưa ra những nhận-xét của mình. Ước mong sẽ nhận được sự chỉ giáo của các vị Cao-kiến...

CHƯƠNG BA

bbbBBBbbb

NỀN HÀNH-CHÁNH ĐÔ-THÀNH

NHẬN-XÉT VÀ ĐỀ-NGHỊ

Việc nhận xét là một việc cần-thiết vì dù thế nào, thì muốn có hiệu-năng, nền hành-chánh bao giờ cũng phải dung-hòa pháp-lý và thực-tế. Tuy-nhiên, vì nền hành-chánh của ta c ó n là một nền hành-chánh đang dò dẫm tìm thế đứng, nên luôn luôn chú-ý đến các kiểu mẫu đã có sẵn. Bởi thế, trước khi nhận xét về nền hành-chánh Đô-thành Sài-gòn, chúng tôi muốn đưa ra một vài kiểu mẫu tổ-chức hành chánh Đô-thị trên thế-giới. Do đó, chúng tôi sẽ chia chương này thành bốn đoạn:

- Đoạn nhất: một vài kiểu-mẫu tổ-chức hành-chánh Đô thị trên thế-giới.

- Đoạn hai : Các nhận xét và đề-nghị về cơ-quan chấp-hành.

- Đoạn ba : Các nhận xét và đề-nghị về các phân-hạt hành-chánh Đô-thành.

- Đoạn bốn : Các nhận xét và Đề-nghị về Hội-đồng Đô thành.

Đ o a n n h á t

Một vài kiểu-mẫu tổ-chức hành-chánh Đô-thị

Ở đây, chúng-tôi muốn trình-bày tổ-chức hành-chánh của ba thành-phố: Paris, Tokyo và Manila. Ba thành-phố này được chọn, ngoài lý-do nấn được tài-liệu, còn là vì những thành-phố này vốn có liên-hệ xa gần với Sài-gòn. Paris thì khởi nói vì tổ-chức của Đô-thành trong dĩ-vãng vốn thoát thai từ nền cai-trị Pháp, cho đến nay, ảnh-hưởng của nền cai-trị ấy vẫn còn. Tokyo là một đại đô-thị Á-châu, với một dân-số gấp bốn năm lần thủ-đô Sài-gòn, nhưng ta tự hỏi: do đâu, tổ-chức của nó lại hiệu-quả hơn tổ-chức của Sài-gòn? Manila thì ở sát nách Việt-Nam Cộng-Hòa, một thành-phố phảng phất ảnh-hưởng Mỹ. Và cái ảnh-hưởng Mỹ này, hiện nay, cũng đang tác động mạnh-nẽ trên xã-hội ta. Cần phải biết đến ảnh-hưởng đó để can-đảm dẹp bỏ những sở-đoán và tiếp thu những sở-trường.

I. Tổ-chức hành-chánh của Đô-thị Paris

Tổ-chức hành-chánh của Đô-thị Paris gồm hai cơ-quan: Chấp-hành hành-chánh và quyết-nghị dân-cử.

A. CƠ-QUAN CHẤP-HÀNH; Điểm đặc-biệt của Paris là nó có hai Đô-trưởng: Đô-trưởng hành-chánh và Đô-trưởng cảnh-sát

1. Đô-trưởng hành-chánh: là viên-chức công-cử, do sắc-

lệnh của Tổng-thống bổ-nhiệm nhiều-đề nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ. Đô-trưởng Paris được coi như một tổng-trưởng quan-trọng vì dưới Ông, ta thấy có Ba Tổng-thư-ký, một tổng thanh tra, hai tổng-giám-đốc phối hợp 12 nha do 12 giám-đốc đảm-trách. Đô-trưởng hành-chánh có Ba quyền: Đại-diện cho chánh quyền trung ương, đại-diện hạt Seine (1) và là viên-chức chỉ huy hành-chánh thành-phố. Ông không có quyền-hành cảnh-sát, và không là nghị-viên hội-đồng thành-phố, nhưng được quyền phủ quyết các quyết-nghị của Hội-đồng.

Đối với Hội-đồng thành phố Paris, Ông có quyền giám-hộ rộng rãi:

- Ông tham dự hội-đồng dân cử và tổ chức các cuộc bầu-phiếu, nhóm họp, giải chức và thay thế một nghị-viên.

- Theo lời yêu cầu của Chủ-tịch Hội-đồng, Ông triệu tập các khóa họp thường xuyên và bất thường. Dự và phát-biểu khi muốn trừ khi Hội-đồng bỏ phiếu về sự chỉ tiêu hành-chánh của Ông.

- Có thể tiêu-hủy các quyết-nghị của Hội-đồng trước Tòa án nếu xét ra vi-luật và xin tòa phán quyết về những quyết-định ấy.

- Hơn nữa, Ông có quyền thay thế Hội-đồng mỗi khi họ từ chối hay chệnh mảng xét một quyết định.

2. Đô-trưởng cảnh-sát: cũng một vị-thứ như Đô-trưởng hành-chánh, Ông cũng do sắc-lệnh của Tổng-thống bổ-nhiệm căn cứ vào Đề-nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ. Đô-trưởng cảnh-sát lo phần vụ an-ninh của Thủ-đô Paris, kể cả cứu-hỏa. Dưới quyền Ông là một thanh-tra, hai tổng-giám đốc và bảy nha. Ông có các quyền hạn về cảnh-sát tư-pháp, cảnh-sát hành-chánh, lưu-thông, vệ-sinh, lao-động.

Ngoài ra, thành-phố Paris còn được chia thành 20 quận (arrondissements) đứng đầu là Quận-trưởng (maire). Vị này cũng do sắc lệnh của Tổng-thống bổ-nhiệm, chiếu đề nghị của Tổng-

(1) Hạt Seine gồm thành phố Paris và vùng ngoại ô rộng lớn. Chính thành phố Paris chỉ có khoảng 2.850.000 dân, nhưng hạt Seine có số dân lên tới 5.155.000.

trưởng Nội-vụ . Trái với Đô-trưởng, Quận-trưởng được coi là Nghị-viên Hội-đồng thành-phố hay là nghị-viên Đại-hội-đồng hạt Seine. Ông có hai chức-vị rõ rệt là sỹ-quan tư-pháp cảnh lại và đại-diện Đô-trưởng để chỉ-huy hành-chánh quận.

B. CƠ-QUAN QUYẾT-NGHỊ: Paris cũng có hai Hội-đồng, dân cử nhưng không phân biệt theo cơ năng mà theo phương diện tổ chức lãnh-thổ, đó là Hội-đồng thành-phố Paris và Đại-Hội-đồng hạt Seine.

1. Hội-đồng thành-phố Paris: Gồm 90 hội-viên do phổ-thông đầu phiếu bầu ra nhiệm kỳ là 6 năm. Mỗi năm hội-đồng họp 4 khóa, hai khóa cuối cùng (tháng 11 và 12) để biểu quyết ngân-sách. Đô-trưởng có quyền nhóm họp trong mọi trường hợp. Giữa các khóa họp công việc do văn-phòng thường trực đảm nhiệm. Ngoài hai Ủy-Ban đặc biệt về ngân sách và nhân-viên, Hội-đồng còn có sáu ủy-ban thường-trực khác về các lãnh-vực tài chánh, cảnh-sát, lưu-thông, giáo-dục... Thẩm quyền của hội-đồng được tóm lược trong hai chức-vụ:

- Đặt những câu hỏi chất vấn hai đô-trưởng về các vấn-đề tài chánh như ngân sách, vay mượn, thuế...

- Quản trị tài dân và công việc chung của thành-Phố.

2. Đại-hội-đồng hạt Seine: cũng được tổ-chức và điều hành y-hệt Hội-đồng thành phố Paris: cùng thời gian và phiên nhóm họp, cùng các ủy-ban và thuyết trình viên ngân-sách. Có một điều khác là quyền nhóm họp phiên bất thường do đề-nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ.

Đại-hội-đồng gồm 150 nghị-viên trong đó có 90 vị của H.Đ. thành-phố Paris và 60 vị đại-diện các tổng ngoại ô...

Nhiệm-kỳ, tuyển chọn giống như H.Đ. thành-phố Paris. Đại-hội-đồng có 6 Ủy-Ban phụ-trách các vấn-đề: bất động sản, vệ sinh, giáo-dục, tài-chánh, cư-trú, cảnh-sát. Thẩm quyền của Đại-hội-đồng là: biểu quyết thuế trực thu, khu-vực tuyển cử, sự phân-nhiệm giữa Đại-hội-đồng và các Hội-đồng làng xã ngoại ô.

Trong trường-hợp vắng mặt các ủy-ban, quyền hành trao cho hai Đô-trưởng

Tương cũng nên biết qua quyền giám-hộ của Đô-trưởng đối với Đại-hội-đồng hạt Seine: Đô-trưởng Tổ-chức tuyên-uy, triệu-tập phiên-hợp đầu tiên, thay thế ủy-ban khi-vắng mặt triệu tập các khóa họp thường lệ theo lời yêu-cầu của Chủ-tịch đại hội-đồng, chấm dứt nhiệm-vụ của các nghị-viên Đại hội-đồng trong một số trường-hợp, có thể thay thế Đại-hội đồng trong một vài trường-hợp khác.

Ngoài hai hội-đồng trên, ta còn thấy những hội-đồng địa-phương tại mỗi quận nội-thành và tại mỗi xã ngoại - ô (ngoại ô có 80 xã) để giúp quận trưởng và xã trưởng làm việc.

II, Tổ-chức hành-chánh của Đô-thị Tokyo

Rời bỏ Âu-Châu, chúng ta trở về Á-châu để gặp đô-thị Tokyo, thủ-đô của Nhật-Bản, một cường quốc kinh-tế đứng thứ ba trên thế-giới hiện nay. Về dân số, hiện nay Tokyo đứng hàng đầu các đô-thị khác trên thế-giới với ngót 10 triệu người. Để quản-trị một thành-phố đông đảo dân cư như thế, hiển-nhiên Tokyo phải có một tổ-chức hành-chánh hoàn bị.

Theo phúc-trình của Phái-đoàn Việt-nam đi công cán ở Nhật-Bản hồi năm 1957, thị Tokyo được đặt dưới quyền quản-trị của một Thống-đốc (governor) và một Hội-đồng Đô-thành.

A. THỐNG ĐỐC: Khác với Đô-trưởng Paris, Thống-đốc Tokyo là một viên-chức dân-cử, do dân bầu theo lối phổ thông đầu phiếu trực-tiếp. Ông được trao nhiệm-vụ quản-trị Đô-thành. Ông có ba tư-cách rõ rệt: Đại-diện trung-ương, đại-diện pháp-nhân Đô-thành và là chỉ-huy các cơ-quan hành-chánh của Tokyo.

B. HỘI-ĐỒNG ĐÔ-THÀNH: cũng do dân bầu theo lối phổ thông đầu phiếu trực-tiếp. Hội đồng có quyền quyết-định rất rộng-rãi về những vấn-đề liên quan đến Đô-thành trong phạm vi luật-lệ đã cho phép. Hội-đồng có toàn quyền biểu quyết chấp-thuận, sửa đổi hay bác bỏ ngân sách mà không cần có sự chuẩn-y của cơ-quan giám-hộ.

C. KHU-TRƯỞNG VÀ HỘI-ĐỒNG KHU: Thủ-đô Tokyo được chia thành 23 khu và mỗi khu là một đơn-vị hành-chánh có quyền

tự-trị và ngân-sách riêng. Hội-đồng khu do nhân-dân bầu cử theo lối phổ-thông đầu-phiếu. Hội đồng có quyền biểu quyết rộng rãi và tự bầu lấy vị khu-trưởng trong số các hội-viên của mình (1).

III. Tổ-chức hành-chánh của đô-thị Manila

Tại Phi-luật-tân, đa số các thị-trấn có quy-chế thị-xã thường (municipalities), một số ít châu-thành lớn là các Đô-thị có Hiến-chương (chartered cities) do một đạo-luật quy-định.

Đô-thị Manila chính là một trong 28 đô-thị hiến chương ấy. Nó được đặt dưới quyền quản-trị của một Đô-trưởng và một hội-đồng đô-thị; cả hai đều do dân chúng bầu cử theo lối phổ-thông đầu-phiếu trực tiếp. Nhiệm kỳ là bốn năm.

Một điều đáng lưu ý là phó-đô-trưởng Manila cũng do dân bầu và là chủ-tịch hội-đồng đô-thị. Các quyết-nghị của Hội-đồng đều do Đô-trưởng duyệt-y chứ không đệ lên cấp ở trung-ương. Đô-trưởng có thể duyệt-y hoặc bác bỏ quyết-nghị của Hội-đồng. Tuy-nhiên, trong trường-hợp có bất đồng ý kiến giữa Đô-trưởng và Hội-đồng Đô-thành thì vấn-đề phải trình Tổng-thống quyết-định chung-tham.

IV. SƠ CHIẾU VỚI SÀI-GÒN, ta thấy trong hiện-trạng Sài Gòn phần nào giống Thủ-đô Pháp-quốc nhiều hơn. Cả ở hai nơi ta đều thấy có cơ-quan quyết-nghị dân cử còn vị chỉ-huy cơ-quan chấp-hành thì lại là viên-chức công-cử. Thủ-đô Pháp-quốc cũng được bao bọc bởi một ngoại ô rộng lớn như Sài Gòn.

Tuy-nhiên, đó cũng lại chính là điểm khác biệt. Vì lẽ vùng phụ-vận của Thủ-đô Paris đã được hội-nhập vào sinh-hoạt hành-chánh của Thủ-đô và được tổ-chức thành sáu quận Yvelines, Essonne, Haut de Seine, Seine St-Denis, Val de

(1) Metropolis of Tokyo 1954, tr, 22 (phần nào giống Tổ-chức của các quận Đô-thành theo sắc lệnh số 104-NV, năm 1952)

Marne, Val d'Oise. Cả sáu quận ven biên này hợp với thủ-đô Paris lập thành hạt Seine (département de la Seine) đặt dưới quyền quản-trị của Đô-trưởng Paris và Đại-hội đồng hạt Seine.

Chức-vị Đô-trưởng Paris cũng khác chức-vị đơn-đầu của Đô-trưởng Sài-gòn. Vì tại Paris, có tới hai Đô-trưởng: Đô-trưởng hành-chánh và Đô-trưởng cảnh-sát. Trong khi đó, Sài-gòn chỉ có duy-nhất một Đô-trưởng. Tuy nhiên điểm khác biệt lớn giữa hai đô-thị chính là: Đô-trưởng Paris có nhiều ảnh-hưởng đối với Hội-đồng Thành-phố hơn là Đô-trưởng Sài-gòn. Đó là điểm ta cần ghi nhận. Bởi vì nền dân-chủ, mà bất-cứ tổ-chức nào ngày nay cũng nại tới làm như căn bản, vốn bộc phát tại Pháp. Nhưng ngay trong lòng dân-chủ, ý-niệm hiệu năng vẫn là ý-niệm quan-trọng (1).

Cơ-quan quyết nghị của Thành-phố Paris, như ta đã thấy, gồm một số hội-viên đông hơn hẳn Sài-gòn: 90 vị so với 17 vị của Sài-gòn hiện nay (Sắc lệnh 67-NV dự trữ 30 vị, nhưng số nghị-viên đương nhiệm chỉ là 17 - Sắc-lệnh 032-SL/NV ngày 18-3-1970 thì dự trữ cho Sài-gòn được bầu 36 nghị-viên). Nếu kể cả 60 vị của các tổng ngoại ô, thì đại-hội đồng hạt Seine có tới 150 nghị-viên. Trong khi cả Sài-gòn và Gia-Định hợp lại, số nghị-viên chưa quá 65 (sắc lệnh 032-SL/NV dự-trữ cho Gia-định được bầu 27 nghị-viên). Tuy-nhiên, thẩm-quyền của Hội-đồng Đô-thành Sài-gòn lại rộng lớn hơn thẩm-quyền của hội-đồng thành phố Paris cũng như của Đại-hội-đồng hạt Seine. Vì ngoài quyền quyết-nghị, Hội-đồng Đô-thành Sài-gòn còn có quyền kiểm-soát các viên-chức của cơ-quan chấp-hành nửa nhất là trong lề lối phục-vụ nhân dân (gồm cả quyền đề nghị chánh-phủ khuyến cáo một viên chức có lỗi

Ngày nay, thì rõ-ràng nền hành-chánh Đô-thành Sài-gòn càng ngày càng đi gần lại nền hành-chánh của các Đô-thị Tokyo và Manila hơn.

Hiến-pháp ngày 1-4-1967 đã dự-trữ nơi điều 70 nguyên-tắc Địa-phương phân-quyền cho Đô-thành Sài-gòn. Để thực thi

(1.) một điểm cũng cần lưu-ý: Cảnh-sát là nhiệm vụ của hành-chánh Paris, trong khi ở Sài-gòn, cảnh-sát không thuộc quyền hành-chánh Đô-thành.

nguyên-tắc, cũng như cơ-quan quyết-nghị, Đô-trưởng sẽ do cử tri bầu lên theo lối Phổ-thông đầu phiếu trực tiếp và kín (điều 72 H.P.).

Tuy nhiên, vẫn có điều khác biệt giữa hành-chánh Sài Gòn và của hai Đô-thị trên. Vì nếu ở Manila, Phó Đô-trưởng cũng do dân bầu và là chủ-tịch hội-đồng Đô-thành, thì trái lại ở Sài Gòn, vị Phụ-tá hành-chánh sẽ do chánh-phủ trung-ương bổ-nhiệm tới cùng với viên phụ-tá an-ninh (điều 74 H.P.). Và vì vậy, dĩ-nhiên, không phải là một nghị-viên. Một điểm khác biệt quan-trọng nữa là ở Tokyo cũng như ở Manila, cáo quyết-nghị của Hội-đồng Đô-thành không cần có sự chuẩn-y của cơ quan giám-hộ trung-ương. Tại Manila, chính Đô-trưởng có quyền duyệt-y các quyết-nghị đó... Trong khi ở Sài Gòn, chưa có một văn-kiến pháp-ly nào quy-định điểm đó. Phải chăng đạo-luật quy-định sự tổ-chức và điều-hành nền hành-chánh địa phương mà hiến-pháp đã dự-trù nơi khoản 2 điều 70 sẽ có nhiệm vụ ấn-định điểm trên? Đàng khác, các thủ-đô trên, đặc-biệt là Paris và Tokyo còn được chia rã thành nhiều khu tự-trị hành-chánh: Tokyo gọi những khu ấy là Wards còn Paris gọi chúng là Arrondissements. Tại Sài Gòn, các phân-hạt hành-chánh quận không có quyền tự-trị về hành-chánh và tài-chánh.

Đ o a n h a i

Nhận-xét và đề-nghị

về cơ-quan chấp-hành Đô-thành Sài Gòn

Như chúng ta đã thấy ở phần trên, đứng đầu cơ-quan chấp-hành Đô-thành Sài Gòn là Đô-trưởng, phụ-tá cho ông có nhiều viên chức khác mà sắc lệnh-199-SL/NV ngày 22-12-1969 đã kể ra là 5: 1 tổng-thư-ký, 3 phụ-tá, 1 thanh-tra-trưởng, không kể viên Chánh-văn-phòng lo những công việc do Đô-trưởng dành riêng. Dưới đó là 13 sở, 1 công-xưởng, một phòng độc-lập... Sau đây, chúng tôi sẽ lần lượt nhận-xét

về các viên-chức này đồng thời cố gắng đưa ra một vài đề-án liên-quan tới họ.

I. Đô-trưởng:

A. Vấn-đề bổ-nhiệm: Nhà cầm quyền trung-ương dường như chưa thực sự định được vị-trí chắc chắn cho Đô-trưởng Sài-gòn hoặc đúng hơn, chưa thực-sự chú-ý đến địa-vị của người đứng đầu một đơn-vị hành-chánh quan-trọng. Trong bối-cảnh cuộc chiến hiện nay, vai-trò của Đô-trưởng lại càng phức-tạp hơn nữa và một phần nào có ảnh-hưởng đến cả uy-tín của chánh-quyền trung-ương. Những nhận-xét đã dành là thiên-kiến của Tuần-kiều Newsweek mới đây không phải là chỉ nhằm vào tập-thể nhân-cán Đô-thành mà chú-ý còn nhằm vào thể-chế này. Vì Sài-gòn với tư-cách tượng-trưng cho cả quốc-gia Việt-Nam nói chung. Do đó, sự thành-bại hay thất-bại của chúng tôi đã có dịp nói, sự thành-bại, sự vinh-nhục của Sài-gòn đã được người ngoài đồng-nhất-hóa với sự thành-bại, vinh-nhục của cả chế-độ. Bởi vậy, việc chọn người đứng đầu việc quản-trị thành-phố này đáng lẽ, trong lúc tạm thời, phải được sự thuận-ý của Thượng-viện, giống hệt việc bổ-nhiệm các trưởng-nhiệm-sở ngoại-giao và các viện-trưởng Đại-học vậy (điều 59 H.P.), hoặc ít ra, Đô-trưởng cũng phải được Tổng-Thống bổ-nhiệm theo thể-thức như Hiến-chương lâm-thời ban ngày 20-10-1964 đã quy-định tại điều 12 thiên thứ ba, tức là phải bổ-nhiệm Đô-trưởng cùng với các trưởng-nhiệm-sở ngoại-giao và các viện-trưởng Đại-học theo đề-nghị của Chánh-phủ Hội-đồng Tổng-trưởng. Tính cách trang trọng này thật cần có thể chọn được người xứng đáng đại-diện cho chánh-quyền trung-ương tại Đô-thành.

Đàng khác, thiết-tưởng phải gạt quan-niệm quân-sự-ho chức-vụ Đô-trưởng Sài-gòn. Việc gạt bỏ đó, đã được thực-hiện dưới thời Đệ nhất Cộng-hòa. Vào lúc đó, mặc dù các tỉnh và thị-xã trên toàn quốc lần lượt được trao cho quân-nhân, nhưng Đô-trưởng Sài-gòn thì trước sau vẫn là viên-chức dân-sự. Việc quân-sự-hóa chỉ có sau cách-mạng 1-11-1963. Vì từ ngày đó ta đã có ít là 4 quân-nhân làm Đô-trưởng trong tổng số sáu Đô-trưởng Sài-gòn sau cách-mạng (Hai vị kia là G.S. Trần Văn-Hương làm được 3 tháng và B.S. Phạm-phú-Khai làm được 6 tháng).

Hiển-nhiên, chúng tôi không có thiên-kiến về quân-nhân

Nhưng dù sao, thì môi-trường huấn-luyện cũng đã tạo ra nơi con người những mẫu tác-phong khác nhau. Người quân-nhân là người được huấn-luyện để đánh-giặc. Mà muốn đánh được giặc, thì điều quan-trọng là phải biết nghe-lệnh cấp trên: cấp trên bảo tiến, anh ta phải tiến; cấp trên bảo lùi anh ta phải lùi dù có vì vậy mà phải lao mình vào chỗ chết. Vâng lời và nhất là vâng lời mà không cần biết lý-do, vì thế, đã trở thành sức-mạnh của quân-đội... Sống trong môi-trường đó và nhất là càng sống lâu trong môi-trường đó (đây là trường hợp của các vị đại-tá và các vị tướng), người quân-nhân sẽ càng quen với tác-phong ra lệnh và ra lệnh một cách độc-đoán nghĩa là một khi lệnh đã được ban ra rất ít khi được rút-lại. Sự linh-động, vì thế, thật họa-hiêm đi đôi với đời sống của người quân-nhân. Ấy vậy mà cai-trị trong hành-chánh lại đòi hỏi nhiều sự linh-động, sự mềm dẻo... sự tùy cơ ứng-biến. Như thế, thì nói một cách tổng-quát, người quân-nhân không thích-hợp cho việc chỉ-huy hành-chánh.

Người ta cho rằng: trong thời chiến, vì nhu-cầu hành-quân, nên bắt buộc phải đặt một quân-nhân làm tỉnh-trưởng. Điều này, nếu có đúng, thì cũng chỉ nên đúng cho các tỉnh, mà không nên đúng cho Đô-thành Sài-gòn. Những cuộc hành-quân ở tỉnh phần nhiều có tính cách quân sự, trên một phạm vi rộng lớn, do đó cần một quân-nhân làm tỉnh-trưởng thì điều đó dễ chấp-nhận. Đàng khác nữa, ngày nay nhu cầu bình-định đang là nhu-cầu cấp - bách, muốn đi xát với nhu-cầu đó, phải là một quân-nhân. Tuy-nhiên tình-hình ở Đô-thành Sài-gòn có hơi khác. Các cuộc hành-quân, nếu có, thường là hành-quân cảnh-sát do các lực-lượng cảnh-sát Đô-thành thực-hiện. Rất ít khi, Đô-trưởng Sài-gòn phải triệu-thỉnh quân-đội. Mà nếu tình-hình có quá tệ khiến Đô-trưởng phải triệu-thỉnh quân-đội, thì dù cho là cấp Đại-tá đi chăng nữa, Ông ta cũng khó lòng có thể triệu-thỉnh có hiệu quả được. Chính vì vậy mà trong các giai-đoạn khẩn-trương, nhà cầm quyền thường có khuynh-hướng đặt một quân-nhân cấp tướng là Tổng-trấn Sài-gòn Gia-định để có thể điều-động quân-đội gìn-giữ an-ninh ở Đô-thành và vùng phụ cận. Như thế thì vai-trò Đô-trưởng xét ra không cần phải là một quân-nhân. Cứng lắm ta chỉ cần đưa lại cho ông một phụ-tá quân-nhân để ông theo dõi được tình

hình an-ninh ở Đô-thành.

Chúng tôi thiết-nghĩ, một Đô-trưởng dân-sự, ngoài hiệu hiệu-năng công-vụ, còn có tác-dụng tuyên-truyền nhằm tranh thủ nhân-tâm các nước bạn. Vì đối với nhân-dân các nước ấy họ vẫn nghĩ quân-nhân là bảo-thủ, khó chấp-nhận những cách thức dân-chủ trong việc cai-trị.

Hiện nay, nhiệm-kỳ nhất của Tổng-thống đệ nhị Cộng-hòa sắp sửa chấm dứt. Theo nguyên-tắc thì sau đó, các tập - thể địa-phương phân-quyền sẽ bầu các vị chỉ-huy cơ quan chấp - hành của mình. Tuy-nhiên, cho đến nay, đạo-luật quy-định-sự tổ-chức và điều-hành nền hành-chánh địa-phương vẫn chưa được ban hành. Đàng khác, vì tình-hình an-ninh hiện-tại, có thể Tổng-thống sẽ xin tu-chỉnh Hiến-pháp nhằm tiếp-tục việc bổ-nhiệm các tỉnh-trưởng trong nhiệm kỳ hai.

Việc bầu cử tỉnh-trưởng hiện vẫn còn là đầu đề tranh - luận, nhưng theo thiên-kiến, việc bầu cử đó đã được hiến - pháp quy-định thì dù sao ta cũng phải tìm cách thực-thi. Riêng đối với Đô-thành Sài-gòn, một phần vì dân-trí tương - đối đã cao (kết-quả những cuộc bầu Tổng-thống, thượng và Hạ nghị viện mới đây đã chứng tỏ người dân Đô-thành chọn lựa ít ra cũng khách-quan hơn người ở các nơi khác), một phần vì dù sao thì ngân sách Đô-thành cũng không còn phải tiếp-nhận sự trợ cấp của Trung-ương nữa, đàng khác vì sinh-hoạt đảng phái ở Đô-thành ít nhất cũng sôi động hơn các nơi khác, cho nên, việc bầu cử Đô-trưởng là một việc nên làm ngay sau nhiệm-kỳ đầu tiên của Tổng-thống đệ - nhị Cộng-hòa. Tuy-nhiên việc bầu cử ấy nên được lồng trong một đạo-luật áp-dụng riêng cho Đô-thành nhằm thay thế các Sắc-lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 và các văn-kiện kế tiếp kể cả sắc-lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 cùng các văn-kiện nhằm bổ-túc sắc lệnh này.

B. VỀ THẨM-QUYỀN CỦA ĐÔ-TRƯỞNG: Mặc dù thẩm-quyền này đã được xác-định rõ rệt trong sắc lệnh 74-TTP và các văn-kiện kế tiếp mà chúng tôi đã phân tách ở trên. Tuy nhiên, nhà cầm quyền trung-ương dường như không muốn cho Đô-trưởng hành xử trọn thẩm-quyền đó, mà đã tìm cách cắt xén đi.

1. Cụ thể nhất là thẩm-quyền thuộc lãnh-vực an-ninh và trật tự công cộng (điều 3 sắc lệnh 74-TTP). Để thực-thi

thẩm-quyền này, Đô-trưởng phải có quyền chỉ-huy ngành cảnh sát quốc-gia tại Đô-thành. Chính vì vậy Dự 11 ngày 30-5-1954 cũng như sắc lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 đều đặt giám-đốc cảnh-sát Đô-thành dưới quyền trực-tiếp của Đô-trưởng : chính ngân sách Đô-thành trả lương cho ngành cảnh-sát, các nhân-viên ngành này (trừ giám-đốc) đều do Đô-trưởng bổ - nhiệm và điều-động. Giám-đốc nha cảnh-sát quốc-gia Đô-thành trực tiếp chịu trách-nhiệm về an-ninh trật tự trong Đô-thị trước Đô-trưởng.

Nhưng rồi sau đó, kể từ tháng 1/1963, do sắc lệnh số 146-NV, nha cảnh-sát quốc-gia Đô-thành lại đã được đặt trực thuộc Tổng-nha cảnh-sát quốc-gia. Dưới chế-độ này, Nha cảnh-sát Đô-thành phụ-giúp Đô-trưởng duy-trì an-ninh trật-tự trong Đô-thành và chỉ chịu trách-nhiệm trước Tổng- giám-đốc cảnh-sát quốc-gia. Đối với t o à Đô-chánh, Nha cảnh - sát là một cơ quan gần như biệt-lập hoàn toàn: mọi việc từ điều-động, bổ-nhiệm nhân-viên đến trả lương, thăng thưởng, nhất nhất đều do tổng-nha cảnh-sát quốc-gia phụ-trách. Chế đ ộ này nay vẫn còn được áp-dụng (1). Chúng tôi thiết-nghĩ Tổng-nha cảnh-sát và nhất là bộ Nội-vụ nên từ bỏ quyền trực-tiếp điều khiển nha cảnh-sát Đô-thành. Vì chỉ có thể Đô-trưởng mới hoàn thành được trách-nhiệm gìn giữ an-ninh và trật-tự công-cộng, là trách-nhiệm mà hiện nay vẫn còn thuộc Đô-trưởng Sài-gòn. Chưa có văn-kiện nào nhằm giảm bớt trách-nhiệm đó.

Đang khác, chánh-quyền địa phương cần phải có quyền ít nhất kiểm soát cơ-quan này vì nó có liên-hệ trực-tiếp đến quyền lợi của hơn hai triệu người dân Đô-thành. Theo thống

(1) có một gián đoạn: ngày 12-6-1968, sắc lệnh số 59/SL/NV đã đặt Nha cảnh-sát đô-thành trực thuộc Đô-trưởng. Nghị - định số 759-BNV/NC/NĐ ngày 5-10-1968 đã chitiếthóa sắc lệnh trên. Tuy-nhiên, ngày 6-12-1968 bộ Nội-vụ lại ban bố nghị định số 921-BNV/KHND hủy bỏnghị-định trên bằng cách đặt nha cảnh sát quốc gia Đô-thành trực thuộc tổng nha - cảnh sát quốc-gia. Nghị định này đã được sắc-lệnh số 176-SL/NV ngày 26-12-1968 hợp thức hoá

kê của Tòa Đô-chánh, thì Nha cảnh-sát Đô-thành hiện gồm có 14.065 nhân-viên cảnh-sát kể cả cảnh-sát Dã-chiến. Về Tổ-chức, thì Giám-đốc cảnh-sát Đô-thành có một phó-giám-đốc để phụ-tá. Dưới đó, có 11 ty cảnh-sát tại 11 quận, 1 ty cảnh-sát thương-khẩu, 1 ty cảnh-sát không căng Tân-sơ-nhất và 1 ty cảnh-sát công-lộ.

với một tổ chức quy-mô và một nhân số đông-đảo như thế, mà Đô-thành không hề có một chút quyền kiểm-soát nào thì đó quả là nghịch-thường. Quyền cảnh-sát cũng là một trong các quyền thuộc lãnh-vực quản-trị quyền-lợi địa phương, do đó, cần phải được đặt trong hệ-hống quản-trị Đô-thành nói chung. Chúng tôi muốn đề cập đến khía cạnh: người dân Đô-thành qua các đại-diện của họ là Hội-đồng Đô-thành hiện nay và Đô-trưởng dân cử nay mai phải được tham-dự vào việc quản-trị cả quyền cảnh-sát nữa, vì đó chỉ là một trong các khía cạnh của quyền lợi địa-phương. Do đó, chúng tôi đề nghị nên nâng Giám-đốc cảnh-sát Đô-thành lên hàng phụ-tá an-ninh theo tinh-thần điều 74 hiến-pháp. Như thế, Ông do chánh-phủ trưng

ưng bổ-nhiệm, đặt trực thuộc Đô-trưởng, và chịu - trách nhiệm về an-ninh trật tự trong Đô-thành. Ông điều khiển Nha cảnh-sát Đô-thành dưới sự kiểm soát trực-tiếp của Đô-trưởng và do đó, chịu sự kiểm-soát của Hội-đồng Đô-thành. Dưới Ông còn có sở nội-an và cả sở cứu-hỏa nữa...

2. Ngoài ra, cũng cần quan-niệm lại tương-quan giữa Đô-trưởng và chánh quyền trung ương. Tương quan này, hiện vẫn còn bị chi phối bởi thông-tư 1-a ngày 1-3-1968 của Tổng thống Việt-Nam Cộng-Hòa. Theo đó, thì Đô-trưởng không phải chỉ chịu trách-nhiệm đối với Tổng-thống, mà còn chịu trách-nhiệm đối với Thủ-tướng, với Bộ Nội-vụ và với các bộ-khác. Đối với Tổng-thống, Đô-trưởng chịu trách-nhiệm tổng-quát về mọi mặt, đặc biệt là trong việc thi-hành luật-lệ và bảo-đảm uy-quyền quốc-gia. Đối với Thủ-tướng Đô-trưởng chịu trách-nhiệm trực-tiếp về sự thi hành chánh-sách quốc-gia và các chương-trình của chánh-phủ. Đối với Bộ Nội-vụ, Đô-trưởng chịu trách-nhiệm trực-tiếp về sự điều hành hành-chánh trong Đô-thành. Các nhân-viên tòa Đô-chánh và quận đều thuộc sự quản-trị của Bộ Nội-vụ... Các kế-hoạch và chương-trình hoạt động của Đô-thành cũng phải chuyển-trình Bộ Nội-vụ... Đối với các Bộ khác, Đô-trưởng chịu trách-nhiệm về sự điều-hành

tổng quát các công-sở thuộc các Bộ. Đô-trưởng phải phúc trình định-kỳ (hàng tháng) và không định-kỳ (trường hợp đặc biệt hay khẩn cấp) lên Tổng-thống, Thủ-tướng, tổng-trưởng Nội-vụ và các Tổng-trưởng khác theo giới hạn trách-nhiệm đã ấn-định trên...

Qua những điểm trên, ta thấy Đô-trưởng chịu quá nhiều quyền kiểm-soát. Chúng tôi thiết-nghĩ nên đơn-giản-hóa mối tương-quan này bằng cách Đô-trưởng chỉ cần phúc-trình trực tiếp lên một cơ-quan nào đó mà thôi, bản sao có thể đồng-gửi đến các cơ-quan khác. Nhất là vì Đô-thành gần chánh-phủ, nên việc kiểm-soát lại càng cần phải đơn giản hóa, tránh cho Đô-trưởng khỏi phải chịu quá nhiều "mẹ chồng".

3. Đang khác, chúng tôi cũng nghĩ rằng nên dành cho Đô-trưởng cả quyền đề-nghị viên tổng-thư-ký của mình lên Thủ-tướng bổ-nhiệm nữa. Sắc lệnh số 47-SL/NV ngày 18-3-1966 đã từng dành quyền này cho Đô-trưởng. Nhưng không hiểu tại sao đến sắc-lệnh 199-SL/NV ngày 22-12-1969 thì điều đó không có xảy ra nữa? Nếu quan-niệm các viên-phụ-tá khác đều do Đô-trưởng đề-nghị thì thiết-tưởng cũng nên để cho Đô-trưởng đề-nghị cả viên tổng-thư-ký cho mình vì hiện vai-trò của vị này rất quan-trọng qua việc bắt buộc phải ủy-quyền rộng-rãi cho ông ta vì nhu cầu công-vụ. Nếu Tổng-thư-ký không có tinh thần đồng đội với đô-trưởng, chúng tôi sợ rằng vấn đề ủy-quyền sẽ gặp khó khăn và do đó, công vụ sẽ không được điều-hành tốt đẹp. Mong rằng đây chỉ là một quên sót vô-tình của sắc-lệnh.

4. Tương-quan của Đô-trưởng đối với Hội-đồng Đô-thành cũng cần nên quan-niệm lại. Nếu Hội-đồng có quyền kiểm-soát các nhân-viên chấp-hành và có quyền đề-nghị chánh-quyền tại trung-ương khuyến-cáo các nhân-viên ấy, thì ngược lại cũng nên để cho Đô-trưởng, với tư-cách đại-diện chánh-quyền trung ương và đại-diện pháp-nhân Đô-thành, quyền được kiểm-soát các hành-vi của các nghị-viên hội-đồng, cụ thể hóa bằng hành vi đề-nghị để Thủ-tướng chánh-phủ tuyên-bố bãi chức một nghị-viên. Sắc lệnh 74-TTP đã quy-định điều đó. Nhưng hiện nay SL 67-NV đã hủy bỏ quyền đó mà chỉ dành cho Đô-trưởng một quy-định duy nhất: đề-nghị thủ-tướng giải tán hội-đồng.

Hành vi giải tán cả một Hội-đồng là một hành-vi có quá

nhieu ảnh-hưởng chính-trị và do đó, khó xảy ra. Thực tế đã chứng-minh điều đó; Vụ khủng hoảng tại Hội-đồng Đô-thành ở những ngày vừa qua đã kéo dài hơn sáu tháng trời làm cho sinh-hoạt của Đô-thành bị tê-liệt không ít, nhưng vì Đô-trưởng không có quyền đề-nghị giải-nhiệm nghị-viên, nên đã đành thúc thủ chờ đợi sự phán quyết của Tối-Cao Pháp-viện. Nhưng cả sau khi Tối-cao-Pháp-viện đã phán quyết, vấn đề vẫn chưa thực sự được giải-quyết, vì cho tới mãi một tháng sau, Hội-đồng mới bầu được tân Văn-phòng thường trực cho niên-khoá 1969-1970; nhưng lại chỉ bầu với 9 nghị - viên mà thôi, 8 nghị-viên trong phe lưu-nhiệm ngày nào đã phản đối bỏ phòng họp ra về từ trước. Vấn đề vì vậy lại phải ra Tối-Cao Pháp-viện một lần nữa. Và bởi vậy, cho đến nay, tân Văn-phòng thường-trực vẫn chưa được hợp-thức-hóa mặc - dù, vị đại-diện của Ông Đô-trưởng chiếu điều 13 sắc lệnh 67-NV đã tuyên-bố cuộc bầu trên có giá-trị.

Các nghị-viên đã có những hành-vi như thế một phần cũng vì chẳng sợ gì viên Đô-trưởng. Chúng tôi thiết-nghĩ với tư-cách đại-diện pháp-nhân Đô-thành, chịu trách-nhiệm về mọi vấn-đề của Đô-thành, Đô-trưởng phải tìm mọi cách cho các vấn đề đó diễn-tiến tốt-đẹp. Mà muốn cho các vấn-đề của Đô-thành diễn-tiến tốt đẹp, Đô-trưởng cần phải có tối-thiểu một chút uy-quyền nào đó đối với nhân-viên Hội-đồng Đô-thành. Đây là khía cạnh mà tổ-chức hành-chánh của thành-phố Paris đã quy-định: Đô-trưởng Paris có quyền giải-chức và thay thế 1 nghị-viên. Tại Manila, chính Đô-trưởng duyệt y các quyết-nghị của Hội đồng và phó-đô-trưởng vốn là chủ-tịch của Hội-đồng. Quyền giám-hộ của Đô-trưởng vì vậy không hẳn là đi ngược lại tinh-thần dân-chủ, mà chỉ là để tăng hiệu-năng cho nền dân-chủ mà thôi, nhất là một nền dân-chủ mới phôi-thai như nền dân-chủ của ta.

II. Các viên phụ-tá và tổ-chức tòa Đô-chánh

A. SÁC VIÊN PHỤ-TÁ: Phải nhận rằng: càng ngày chánh-quyền trung-ương càng ý-thức được gánh nặng của vai-trò Đô-trưởng, do đó, họ đã gởi đến Ông khá nhiều phụ-tá:

So sánh với chế-độ của sắc-lệnh 74-TTP thì ta thấy sắc-lệnh 199-SL/NV đã tiến-bộ hơn nhiều. Vì Sắc-lệnh 74-TTP chỉ

quy-định cho Đô-trưởng có 2 phó-đô-trưởng (một lo hành-chánh, một lo an-ninh) và một giám-đốc cảnh-sát Đô-thành. Trái lại, sắc lệnh 199-SL/NV thì đã đem lại cho Ông đến 5 phụ-tá: 1 tổng-thư-ký, 3 phụ-tá 3 ngành chuyên-môn, kinh-tế tài chánh và hành-hành, 1 thanh-tra trưởng. Trừ Tổng-thư-ký được xếp ngang tổng-thư-ký bộ, các phụ-tá còn lại đều được xếp ngang giám-đốc nha có nhiều sở.

Đang khác, so sánh với sắc-lệnh số 47-SL/NV ngày 18-3-1966, các nhiệm vụ tương-đối được phân-phối đều hơn và hợp hơn cho các phụ-tá. Hiện nay, như ta đã thấy, tổng-thư-ký không còn quá ồm đồm nhiều công-việc nữa. Trước đây, ngoài các nhiệm vụ như đã kể trong sắc lệnh 199-SL/NV, một cách minh-thị ông còn phải liên-lạc với các bộ, tập-trung công-vấn đề-trình Đô-trưởng, nghiên-cứu các vấn-đề đặc-biệt do Đô-trưởng giao phó. Sắc lệnh 199-SL/NV không còn minh-thị đề cập đến các nhiệm-vụ đó. Tuy-nhiên, ở vai-trò "phụ-tá Đô-trưởng trong việc điều-khiển các cơ-sở thuộc tòa Đô-chánh" (1) với cái nghĩa đôn đốc, kiểm soát, điều hòa hoạt động của tất cả các cơ sở tòa Đô-chánh (2) nghĩa là ở vào vai-trò tham-mưu, Tổng-thư-ký tất nhiên phải điều-khiển hai cơ quan hoàn toàn có tính-cách tham-mưu đó là sở Kế hoạch và trung-tâm huấn-luyện tunghiệp. Không một vai-trò nào ở tòa đô-chánh hợp hơn cho nhiệm vụ ấy. Đó là điều tân sắc lệnh đã làm. Sắc lệnh 47-SL/NV ngày 18-3-1966 cũng quy định cho Đô-trưởng nhiều phụ-tá (có tới sáu vì còn có thêm hai phó-đô-trưởng). Nhưng sắc lệnh này chưa phân-biệt các chức-vụ theo cơ năng một cách hợp-ly. Do đó vô tình đã đặt các phụ-tá thanh-tra, kế-hoạch, ngoại-vụ ở địa vị quá quan-trọng, quan-trọng hơn cả địa-vị của hai phó-đô-trưởng, mặc dù nhiệm-vụ thì lại không quan-trọng bằng hai viên chức đó.

Ngoài ra, sắc lệnh 47-SL/NV cũng không phân-nhiệm một-cách rõ rệt cho hai viên phó Đô-trưởng: vì phó-đô-trưởng Nội-an cũng lại có tính cách lo về hành-chánh như chính phó

(1) sắc lệnh 199-SL/NV ngày 22-12-1969

(2) Sắc lệnh 284-TTP ngày 5-10-1964.

đô-trưởng hành-chánh vậy. Phó Đô-trưởng nội-an có nhiệm-vụ đôn đốc và kiểm-soát hoạt động của các quận hành-chánh.

Với sắc lệnh 199-SL/NV ta thấy sự sắp đặt lại các viên chức phụ-tá hợp-lý hơn vì theo cơ-năng công-việc nhiều hơn: các vai trò có tính-cách tham-mưu đều được rút lên gần các vị chỉ-huy như sơ-đồ tổ-chức đã cho thấy. Đặc-biệt là phụ-tá thanh-tra, phụ-tá ngoại-vụ và phụ-tá kế-hoạch đã được bãi bỏ. Phụ-tá thanh-tra nay là thanh-tra-trưởng phụ-trách ban thanh-tra, theo sơ đồ không nằm dưới quyền của Tổng thư-ký, mà ở gần Đô-trưởng hơn. Còn phụ-tá kế-hoạch nay rút lại chỉ còn một sở trực thuộc Tổng-thư-ký. Phụ-tá ngoại-vụ đã được bãi bỏ hẳn, phần vụ chuyên-qua phụ-tá hành-chánh. Các phụ-tá hiện nay giữ vai trò thừa hành yểm trợ một cách rõ rệt và giữ những vai trò hợp với sở-trưởng của họ nhiều hơn.

Tuy-nhiên, theo thiên-ý, thì vai-trò của phụ-tá hành-chánh nên được nhẹ bớt phần liên-lạc với Hội-đồng Đô-thành một phần vì nhiệm-vụ của ông đã khá nặng nề: ngoài việc phải phối-hợp hoạt-động của ba sở quan-trọng là nội-an, tiểu-học (sở tiểu-học hiện có nhân số cao nhất toà đô-chánh

hiện nay: 3133 nhân viên, trong đó 2314 là nhân-viên chánh-ngạch) và sở hành-chánh nhân-viên, ông lại còn phải liên-lạc với các sở ngoại thuộc như lao-động, xã-hội, thông-tin chiêu-hồi... và lo đôn đốc hoạt động của 11 quận hành-chánh trong Đô-thành nữa. Đàng khác, vai trò liên-lạc với Hội-đồng Đô-thành có tính-cách chánh-trị nhiều hơn. Bởi thế theo thiên-ý, cũng giống như vai-trò Bộ-trưởng đặc-trách liên-lạc với Quốc-hội, nên trao phần-vụ liên-lạc với Hội-đồng Đô-thành cho Tổng-thư-ký hoặc một viên-chức dưới quyền trực-tiếp của Tổng-thư-ký.

B. CÁC SỞ PHÒNG: So sánh với sắc-lệnh 52-SL/NV ban hành ngày 18-3-1966 thì tổ-chức toà Đô-chánh hiện nay đơn-giản hơn vì số sở đang là 16 rút lại còn 13. Tổ-chức mới đã bãi bỏ 4 sở là sở mải-dịch, sở vật-liệu, sở tiếp-tế và sở tình-báo. Sở mải-dịch và sở vật-liệu đưa xuống thành phòng trực thuộc sở ngân-sách và kế-toán. Sở tiếp-tế bị bãi bỏ, phần vụ được chia cho các phòng điều-hành và phân-

phối trực thuộc sở kinh-tế. Sở tình-báo thì chỉ hoạt-động trong một thời gian ngắn. Kể từ năm 1969, sở này đã ngưng hoạt động, nên trong ngân-sách Đô-thành niên-khoá 1969, ta thấy không có dự-trù kinh-phí cho sở này. Bởi thế nó chết trước khi bị khai tử bởi sắc lệnh 199-SL/NV. Tuy-nhiên, t tán sắc lệnh đã tạo-thêm một sở mới đó là sở thuế thotrạch và tạp-thâu. Điều này xét ra hợp lý, bởi vì mạch-sống của Đô-thành tùy-thuộc hai khoản thuế này. Do đó, cần phải tổ chức việc thu cho quy-cử. Cấp sở vì thế là một điều cần-thiết. Tán sắc-lệnh cũng đã đổi tên một sở: sở tài chánh cũ nay là sở ngân-sách và kế-toán. Công-việc lập ngân-sách từ nay có thể được coi là dễ dàng hơn vì bên cạnh sở đã sẵn có cơ quan lo về kế-toán. Đồng thời tán sắc lệnh cũng đã tách phòng trông tĩa ra khỏi sở công-chánh để thành một phòng độc-lập, tách công-xưởng nguyên thuộc sở vật-liệu thành một cơ quan riêng không thuộc sở nào. Một điều đặc biệt là các sở và phòng trên đây, lần đầu tiên, được chia thành khối với những chức phận cơ-năng phần nào giống nhau giúp cho việc phối hợp từ nay dễ dàng hơn trước nhiều...

Tuy-nhiên, một khi việc bầu cử Đô-trưởng đã được thực hiện theo Hiến-pháp, thì không hiểu tổ-chức trên còn hợp-thời nữa không. Bởi lẽ, theo điều 74 Hiến-pháp, chánh-phủ sẽ bổ-nhiệm bên cạnh Đô-trưởng hai viên-chức có nhiệm vụ phụ-tá về hành-chánh và an-ninh cùng các nhân-viên hành-chánh khác. Chúng tôi có đem vấn đề ra hỏi Ông Tổng-thư-ký tòa Đô-chánh, thì được Ông cho hay: chữ viên-chức phụ-tá đây không hẳn là một danh-từ, nhưng là một động-từ, nên có thể phân chia... Thực ra, vẫn theo lời Ông Tổng-thư-ký, nếu xét theo điều 74 hiến-pháp, thì hiện tòa Đô-chánh mới chỉ có một phụ-tá đó chính là Tổng-thư-ký lo phần-vụ phụ-tá hành-chánh, còn trong tương-lai rất có thể chánh-phủ sẽ bổ về một phụ-tá an-ninh cho Đô-thành. Nếu truyện này xảy-ra, thì không hiểu phần vụ của Phụ-tá an-ninh sẽ ra sao, phải chăng sẽ trở lại vai-trò của phó-đô-trưởng nội-an đạo nào? Tuy-nhiên các sở khác đã được chia khối hết, cùng lắm thì phụ-tá an-ninh chỉ còn phối hợp duy-nhất một sở Nội-an hiện thuộc phần-vụ của phụ-tá hành-chánh.

Dù sao thì đây còn là truyện của tương-lai. Rất có thể

lúc đó, chánh quyền trung-ương sẽ trả ngành cảnh-sát về c
cho Đô-thành, thì phần-vụ của phụ-tá an-ninh sẽ rất lớn.
Đảng khác, sở cứu-hỏa cũng có thể đặt dưới quyền điều-hợp
của phụ-tá an-ninh được... Viên phụ-tá an-ninh hiến-định
này phải xếp ngang hàng tổng-thư-ký. Ông sẽ kiêm luôn chức
phân-khu-trưởng phân-khu Đô-thành hiện do Đô-trưởng đảm-
nhiệm và phối hợp hoạt động của nha cảnh-sát, sở cứu -hỏa
và sở nội-an.

Trên đây chỉ là những câu chuyện trong lai, còn trong
hiện tại, Tổ-chức mới của Đô-thành vừa mới thành-hình, cần
một thời gian nữa thì việc phê-bình về nó mới có thể tạm
gọi là đúng đắn được.

Đ o a n b a

Nhận xét và đề-nghị

về các phân-hạt hành-chánh Đô-thành

Các phân-hạt Hành-chánh của Đô-thành, như ta đã thấy,
hiện là 11 quận và 56 phường.

I. Quận:

Một điều đáng lưu-ý là quận tại Việt-Nam không có tư-
cách pháp nhân, không tự-trị về hành-chánh và tài chánh, n
nó chỉ là một phân-hạt hànhchánh thuần-túy. Khác với Pháp
và Nhật. Tại Pháp, thủ-đô Paris chia thành 20 quận có Hội
đồng quận quản-trị bên cạnh một quận-trưởng công cử. Còn
tại thủ-đô Tokyo, 23 khu tự trị đã được tổ-chức, mỗi khu
có hội-đồng khu dân cử với quyền biểu-quyết rộng rãi và
tự bầu lấy khu-trưởng trong số các hội viên của mình.

Thực ra, thủ-đô Sài-gòn đã có thời được tổ-chức giống
như thế, vì Sắc lệnh 104-NV ngày 27-12-1952 đã thiết-lập ở
mỗi quận một hội-nghị hàng quận dân cử. Chính Hội-nghị sẽ

bầu ra trưởng-quận và phó-trưởng-quận trong số các hội viên của mình. Hội-nghị chịu trách-nhiệm về việc cai-tri trong quận dưới quyền của Đô-trưởng. Đây là một tổ-chức khá dân chủ, theo khuynh-hướng phân quyền rõ rệt, mặc dù quận chưa có tư cách pháp nhân, ngân sách và tài sản riêng.

Tổ-chức trên đã bị dụ 57-a ngày 24-10-1956 và nhất là Sắc lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959 khai tử. Quận chỉ còn là phân-hạt hành-chánh của Đô-thành do một quận-trưởng công-cử quản-trị theo những quyền hạn mà chúng ta đã phân-tách ở trên.

Những quyền-hạn ấy để thi hành những nhiệm vụ nặng nề và những nhiệm-vụ nặng nề này mỗi ngày một nặng nề thêm do việc Đô-trưởng ủy-quyền cho các quận phải lo nhiều công-việc mới như ta đã thấy. Đảng khác nhiều nhu-cầu mới đã phát sinh trong thêm trách-nhiệm cho quận như việc tổ-chức nhân-dân tự-vệ, việc thi-hành kế-hoạch bình-định và phát-triển... Một điểm nữa: khác với các tỉnh, Phường Đô-thành không có tư-cách pháp-nhân như xã, nên mọi việc phải nhờ đến quận... Chính quận-trưởng đề nghị phường-trưởng, ban chỉ thị và kiểm-soát viên-chức này. Điểm cuối cùng, như t trên chúng tôi đã nói, quận đô-thành có số dân đông-đảo, lại gồm nhiều thành-phần quốc-tịch, nghề-nghiệp, tôn-giáo giai-cấp xã-hội khác nhau.

Từng ấy những yếu-tố làm cho quận Đô-thành có một vị-thứ quan-trọng gấp bội quận tại tỉnh. Vì thế muốn cho quận-trưởng thi-hành có hiệu-quả các nhiệm-vụ của Ông, thiết-tưởng phải cung - cấp cho ông ta đầy đủ phương-tiện

Các phương-tiện này, thực tế, còn quá thiếu sót.

1. VỀ QUYỀN HẠN CỦA QUẬN-TRƯỞNG ĐÔ-THÀNH: Những quy quyền-hạn này, chúng tôi đã phân-tách ở phần-trên. Qua các quyền-hạn ấy, ta thấy quận là cấp trung-gian có vai-trò giới-hạn và chỉ được quyết-định nếu được sự ủy-quyền của Đô-trưởng. Sự ủy-quyền này, cho đến nay, vẫn còn hạn-chế nhiều. Căn cứ vào nghị-định số 719-HCNV ngày 10-9-1959 thi hành sắc lệnh số 74-TTP và theo quyết-định số 622-HC/HC ngày 11-7-1967 của tòa Đô-chánh, các lãnh-vực ủy-quyền bao gồm: hộ-tịch, quận-vụ, hành-chánh tổng quát

vệ-sinh công-cộng. Như thế, tòa đô-chánh vẫn còn tỏ ra tập-quyền quá đáng. Dường như mọi vấn-đề, hành-chánh cũng như chuyên môn, đều do tòa Đô-chánh quyết-định nhằm chi phối mọi sinh-hoạt dân-chúng, chính việc cung cấp các dịch vụ cho dân-chúng hầu hết cũng do tòa Đô-chánh lo...

Tòa Đô-chánh quá nhiều công-việc, các nghị-viên Hội đồng Đô-thành lại rất xa cách dân chúng các quận, thế mà hầu hết mọi quyết-định lại quy về hai cơ quan đó thì người ta rất lo-ngại công vụ ở quận không được điều hành hiệu quả

Do đó, cần tăng-quyền quyết-định nhiều hơn cho các quận-Đô-thành.

Đang khác, đối với các cơ quan chuyên môn như cứu-hỏa, thanh-niên, chiêu-hồi... nhất là ty cảnh-sát quốc gia quận, Quận trưởng rất khó điều động. Hầu như các cơ quan đó hoạt động hoàn toàn biệt-lập đối với quận-trưởng sở tại. Mặc dù đã có văn-thư số 1442-HC/HC ngày 10-6-1968 của Đô-trưởng chỉ thị cho các quận-trưởng được quyền điều động các cơ quan chuyên môn trong địa hạt. Tuy-nhiên, người ta tự hỏi 1 văn-thư như thế liệu có thể đánh đổ được tương-quan hiện-hữu không, một tương-quan thật phức tạp do nhiều văn-kiện khác nhau chi phối? Bởi vậy, ở đây, người ta ước mong nhà làm luật trong tương lai khi trước-tác đạo-luật quy-định về Nền Hành-chánh địa phương, nên chú-trọng đặc biệt đến thực tế quận Đô-thành. Mặc dù quận không được hiến-pháp chú-ý vì không phải là một tập thể địa phương phân-quyền, nhưng nó đã là một thực-tế lâu đời với những quyền-hạn và trách-nhiệm rõ rệt, thì ta cũng phải quy-định rõ rệt vai-trò của nó để nhu-cầu công-vụ do nó đảm-nhiệm được thỏa mãn thỏa đáng... Một trong những điểm cần lưu-ý cho quân chính là quyền điều động mọi phòng sở có mặt tại quận nhằm phục-vụ công chúng hữu-hiệu hơn.

2. VỀ CÁC DỊCH-VỤ: Ngay trong lòng Đô-thành Sài-gòn, các dịch vụ cung cấp cho dân chúng cũng hết sức nghèo nàn. Hầu hết ở các quận, đều có những nhu-cầu không được thỏa mãn. Mở lại các tập địa-phương-chí các quận Đô-thành do các nhóm sinh-viên cao-học hành-chánh khóa bốn thực hiện vào năm 1968, ta thấy đại khái những kết luận sau đây :

- 1./ "Đồng-bào quận 8... không được hưởng những tiện nghi tối thiểu như điện và nước."
- 2./ "tình-hình y-tế tại quận 5 chưa được khả quan"
- 3./ "Quận 6 đòi hỏi sự lưu tâm đặc biệt của chánh quyền trong việc chỉnh-trang gia cư, đường lộ..."

Chính Tòa Đô-chánh cũng phải thú-nhận điều đó. Mở cuốn tài liệu "Kế hoạch phát-triển Đô-thành Sài Gòn năm 1970", ta thấy:

- 1./ tại trang 198: "Nhiều khu vực ở các quận ven - biên, tuy dân cư đông đúc, song vấn đề nước điện chưa giải - quyết... Nhiều vùng cống rãnh chưa được thiết lập..."
- 2./ tại trang 202: "Cần... khuếch-trương nền tiểu - tiểu-học, cải thiện vệ sinh y tế công cộng..."
- 3./ tại trang 215: "Hiện nay, sở cứu-hỏa Đô-thành chỉ có một trại trung ương tại quận nhì và ba chi nhánh tại các quận 4, 6, 8..."

Vậy thì cả chánh-quyền lẫn dân chúng đều đã ý-thức được nhu cầu phát-triển. Nhưng ý-thức mà thôi chưa đủ. Nhà cầm - quyền Đô-thành thì bất lực vì phương tiện tài chánh nghèo - nàn. Dân chúng thì là một khối ô-hợp. Giải pháp hay hơn hết là tạo một tinh-thần cộng-đồng hợp-tác: chánh quyền giúp dân để dân tự giúp lẫn nhau. Đây cũng chính là chiều hướng căn bản của Kế hoạch phát-triển Đô-thành năm 1970. Tuy-nhiên kết quả của Kế-hoạch có hay không thì còn tùy nhà cầm quyền có vận-động được nhân dân hay không. Trong việc vận-động quần-chúng này, phải trao cho quận-trưởng nhiều quyền hành hơn để phối-nợp các phòng sở có mặt tại quận nhằm thực hiện chủ-trương và đường lối của kế-hoạch.

3. SỐ NHÂN-VIÊN: Sự thiếu thốn nhân-viên tại các toà hành chánh quận là một hiện-tượng thông-thường tại Sài Gòn.

Theo thống kê tính đến ngày 31-12-1969 của tòa Đô-chánh, ta thấy trung bình mỗi nhânviên phải lo việc cho 3 hay 4 ngàn dân. Đáng khác, sự phân-phối nhânviên giữa các quận tỏ ra không đồng đều. Tỷ-dụ quận 7 chỉ có 37.666 dân mà có tới 40 nhân-viên, trong khi quận Nhất có số dân là 81.900 dân lại chỉ có 39 nhân-viên; quận 10 với số dân là 197.665 chỉ có 47 nhân-viên, nhưng quận 11 chỉ có 136.807 dân lại có đến 51 nhân-viên; quận 8 có số dân đông hơn quận 7 đến 100 ngàn

người nhưng số nhân-viên chỉ hơn có 4...

QUẬN	DÂN SỐ	SỐ NHÂN-VIÊN	1 nhân-viên cho:
1	81.900	39	2.100 dân
2	161.052	67	2.403 dân
3	245.385	71	3.456 dân
4	174.638	52	3.358 dân
5	211.862	71	2.983 dân
6	185.392	54	3.433 dân
7	37.666	40	941 dân
8	173.711	44	3.948 dân
9	18.375	13	1.413 dân
10	197.665	47	4.205 dân
11	136.807	51	2.682 dân

Nếu xét kỹ hơn chút nữa, ta sẽ thấy thành-phần nhân-viên tại các tòa hành-chánh quận còn tố cáo một sự nghèo-nàn lớn hơn về phẩm: có những quận như 2, 7, 9 không hề có một nhân-viên chánh ngạch hạng A nào. Phần nhiều các quận có số nhân-viên công-nhật và phụ-động đông hơn nhân-viên chánh ngạch, hoặc ít ra thì cũng bằng. Khỏi nói thì ai cũng thấy hiện-tượng trên ảnh-hưởng không ít đến việc điều hành công-vụ. Bởi vì, các nhân-viên công-nhật hoặc phụ-động không thể nào yêu nghề cho được vì hiển-nhiên đây chưa phải là nghề của họ, mà chỉ là một bước tạm nghỉ chờ đợi dịp may sẽ chạy sau. Chẳng lạ gì ở quận sáu vào năm 1968, có đến 40 phần trăm tùy-phái và lao-vong đã trở nên nhân-viên thư-ký.

Đáng khác, kinh-phí dành cho các quận và phường niên-khoá 1969 chỉ có tổng-cộng là 73.680.000 đồng gồm hết tất cả các chi-phí lương bổng, vật-liệu, dịch-vụ điều-hành và đầu tư trực-tiếp. Nếu chúng ta nhớ lại ngân sách Đô-thành năm 1969 có kinh-phí tổng-cộng là 1.460.000.000 đồng thì ta mới thấy kinh-phí dành cho các quận và phường là quá bé nhỏ. Với kinh-phí ấy, quận sở không thể nào có được những

loại nhân-viên tốt, mà đáng lẽ các cơ-quan gần dân như các quận phải có. Nói tóm lại, cần có nhiều cải-tiến về Tổ chức quận.

II. Phường khóm:

Sinh-hoạt của phường khóm ngày một trở nên quan-trọng hơn lên. Khởi thủy, chúng không là những phân-hạt hành-chánh, mà chỉ được lập ra với vai-trò liên-lạc giữa dân-chúng và nhà cầm quyền thủ-đô. Nhưng rồi, dần dần vì nhu-cầu công-vụ ngày một tràn-ngập toà Đô-chánh và các toà hành-chánh ở quận, nên nhà cầm quyền thủ-đô đã có khuynh-hướng trao thêm trách-nhiệm cho phường khóm.

Trong thông-cáo số 129-HC/HC ngày 8-7-1968 gửi đồng-bào thủ-đô cũng như trong văn-thư số 1185-HC/HC ngày 5-7-1968 gửi các ông quận-trưởng trong Đô-thành, Đô-trưởng Sài-gòn đã nói rõ lý-do việc trao thêm trách-nhiệm này là để:

- giúp đồng-bào khỏi xê-dịch tốn kém, Mất thì giờ làm ăn,
- củng cố hạ tầng cơ-sở Đô-thành,
- giản dị hóa thủ-tục hành-chánh,
- giải toả một phần công vụ cho các toà hành-chánh ở quận,

Cho nên kể từ ngày các quận, theo chỉ-thị của Đô-trưởng ký ủy-quyền cho phường được phép cấp một số giấy tờ có tính cách hành-chánh (từ 10-7-1968) thì phường thực sự đã trở thành một phân-hạt hành-chánh của Đô-thành. Đàng khác, với biến cố Tết Mậu-thân, rồi Hòa-đàm Ba-lê khởi đầu, chánh quyền chú-ý đến vấn đề tranh-thủ nhân tâm, thì phường lại càng có vai-trò quan-trọng hơn. Vì kể từ ngày ấy, phường còn phải phụ-trách tổ-chức nhân-dân tự-vệ. Cùng với công-việc mới, một số phường còn được quân-sự-hóa và chiến-tranh chánh trị hóa, cho nên ngoài những nhiệm vụ cũ, còn trông thêm nhiều nhiệm vụ mới. Chưa hết, những ngày gần đây, chánh phủ trung-ương chợt tỉnh thấy mình quá lo đến nông-thôn mà phần nào quên đô-thị, cho nên đã quay trở lại lo bình-định và phát-triển cả các đô-thị để nắm vững tỷ-số 90 phần trăm dân chúng... Hội đồng bình-định và phát-triển Đô-thành đã ra đời với Ông Đô-trưởng làm chủ-tịch. Một lần nữa, và nhất là lần này, phường khóm và nhất là các phường khóm ven đô

được chú-tâm một cách đặc biệt. Chỉ cần mở lại "Kế-hoạch phát-triển Đô-thành Sài-gòn năm 1970" cũng đủ thấy:

"Cuộc chiến đấu chống cộng của chúng ta từ phương diện quân sự càng chuyển dần sang cuộc đấu tranh chính-trị. Muốn đạt thắng lợi trong cuộc đấu tranh này, chính-quyền cần phải thu-phục nhân tâm ở tất cả mọi tầng lớp, để tạo một Hậu thuẫn nhân dân vững chắc. Nhằm mục-dịch trên và cũng để xây-dựng một hệ-thống hành-chánh cơ sở vững vàng tại địa phương, Toà Đô-chánh đặc biệt chú trọng đến tổ-chức phường khóm và liên gia trong Đô-thành.

"Cũng như xã ấp tại tỉnh, phường khóm tại Đô-thành là những cơ quan hành chính gần dân, hằng ngày trực tiếp với dân chúng nhiều nhất. Dân chúng sẽ đánh-giá chính quyền qua công việc của phường khóm, qua lễ lối phục-vụ của phường trưởng, khóm trưởng và của các cán bộ phường khóm. Cảm tình cũng như hậu thuẫn của dân chúng Sài-gòn dành cho chính quyền Đô-thành lẫn chính-phủ trung-ương một phần lớn phải do các phường-trưởng, khóm trưởng và các cán-bộ phường xây dựng nên..." (tr.9-10).

Cùng với nhận-định trên, chúng ta cũng biết rằng Toà Đô chánh đã cố gắng nhiều trong việc tăng phương-tiện cho phường cũng như lo phát-triển phường (1). Tuy-nhiên, ta thấy còn nhiều việc phải làm cho phường.

1. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC: Từ lâu, phường khóm vẫn có một số cán bộ của các ngành thông-tin, thanh-niên, xã hội... và cảnh-sát-viên biệt-phái lo phụ-trách từng lãnh-vực. Nhưng vì sự hoạt động riêng rẽ, nên không đem lại kết-qua cụ thể. Hơn nữa, số cán bộ này lại không do phường khóm kiểm-soát không trực tiếp chịu trách-nhiệm trước các viên-chức này, do đó thiếu sự phối hợp để tận dụng khả năng vào việc điều-hành công tác hạ tầng cơ sở.

Do đó, vấn đề là phải tổ-chức cho các phường khóm một

(1) Kế hoạch phát-triển Đô-thành năm 1970 dự trù cấp ngân-khoản phát triển cho phường, theo thể thức cấp ngân-khoản phát triển tự túc xã. ngân khoản này lên tới 120 triệu.

văn-phòng đương hoàng với một số nhân-viên cán bộ trực tiếp phụ-tá cho phường-trưởng, nhằm phân công phân nhiệm rành mạch và nhất là phải quy-định cho phường khóm trưởng có quyền kiểm-kiểm-soát, phối hợp hoạt động của các ngành trên. Chúng tôi thiết-nghĩ nên mạnh-dạn ủy-quyền nhiều hơn cho phường, nhằm tăng uy-tín của viên phường-trưởng đối với dân-chúng trong phường. Uy-tín này rất cần thiết bởi vì dân chúng Đô-thành bao gồm nhiều giai-tầng khác nhau, nếu phường-trưởng không có uy-quyền tối thiểu, thì việc vận-động nhân-dân sẽ thất bại. Cũng nằm trong việc tăng uy-tín này, chúng tôi đề nghị nên xúi tiến gấp việc bầu cử phường-trưởng và khóm trưởng. Công việc này, Tòa Đô-chánh đã đề cập đến nhưng hiện còn trong vòng chờ đợi quyết-định của thượng-cấp. Nhờ bầu cử, ta sẽ có được những phần tử ưu-tú ra đảm nhiệm công-việc của phường khóm. Thực tế hiện nay chứng minh, đa số viên chức ở các phường khóm không phải là những người có uy-tín trong địa phương, mặc dù họ có thiện-chí. Đảng khác, thường họ đã có tuổi, và đa số thuộc thành-phần cựu-oàng-chức, nên dù sao chỉ có tinh-thần hành-chánh, thay vì tinh-thần cán-bộ. Thế nhưng, vai-trò nguyên-khởi của phường và khóm trưởng là vai-trò cán-bộ, theo nghĩa vận-động nhân-dân tham gia các chương-trình phát-triển cộng-đồng. Thiết nghĩ cần phải có thành-phần trẻ tham gia việc quản-trị phường. Việc bầu cử các phường và khóm trưởng chắc chắn sẽ đưa được những người như thế tham-gia công-việc địa-phương.

Hoặc nếu vì một lẽ gì chưa có thể bầu phường và khóm-trưởng được, thì ít ra cũng phải ban-hành gấp một quy-chế cho phường và khóm, nhằm đưa ra cho các ứng-viên các chức-vụ phường và khóm trưởng những bảo đảm tối thiểu cho tương lai của họ... Tổ chức phường đã có hơn 10 năm nay rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa có được một quy-chế. Chính vì lẽ đó, các phần tử ưu-tú thật sự của Đô-thành chưa tham-gia việc quản-trị công-việc địa phương...

Đảng khác, bên cạnh phường-trưởng, nên lập một hội-đồng phát-triển phường có quyền đề-nghị những chương-trình công-ích tại phường lên thẩm-quyền Đô-thành và tác động tinh-th thần dân chúng trong phường tham dự các chương-trình do Hội-đồng phác họa... Dường như Tòa Đô-chánh đang chú-ý đến hình-thức hội-đồng này, do đó, kế-hoạch phát-triển năm 1970 đã ấn-định sẽ cấp-phát ngân-khoản phát-triển cho phường và

các hội-dồng dân cử sẽ được thiết-lập để điều-khiển công -
việc của phường và sẽ có quyền hạn về các ngân-khoản như
Hội-dồng-xã.

2. BỔ XUNG NHÂN SỰ: Tuy-nhiên, điều cần vẫn là yếu-tố
nhân sự. Yếu tố này tại phường rất nghèo nàn. Nghị định số
504-BNV/HC/NĐ ngày 22-4-1959 chỉ cấp cho phường-trưởng duy-
nhất một viên tùy-phái. Điện-văn số 1760/HC/NV/1 ngày 1-4-
1965 tăng cường cho ông ta một cảnh-sát-viên biệt-phái lo
phần-vụ an-ninh. Cuối cùng, với việc ủy-quyền cho phường
cấp một số giấy tờ hành-chánh, phường được biệt phái thêm 1
viên-thư-ký. Như thế, tại phường có tất cả ba viên chức phụ
tá cho phường trưởng.

Với ba nhân-viên ấy, phải lo công việc cho một số dân
trung bình là 30.000 người thì chúng tôi thấy vẫn còn là ít.
Ấy là chưa kể đến phẩm chất của các nhân-viên ấy. Theo lời
Ông chánh-sở sở Kế-hoạch Đô-thành thì phần lớn những viên
thư ký biệt phái cho phường thực sự chẳng phải là thư-ký.
Do đó, theo thiên-y vì là hạ-tầng cơ-sở, phường phải có ít
nhất hai viên thư-ký tốt, 1 tùy phái tốt và hai cảnh-sát -
viên tốt. Số nhân-viên ấy họa may mới là nổi số công-vụ đã
trở thành nặng nề hiện nay của phường. Vì ngoài những nhiệm
vụ đã có, kể từ tháng 10/1969, các phường còn lo việc cấp
phát tờ khai gia-đình cho đồng bào, công-việc mà trước đây
vốn do các ty cảnh-sát đảm nhận. Cần phải làm sao cho viên
phường-trưởng thoát khỏi chức-vụ thư-ký mà thực tế một số
khả lớn phường-trưởng phải đảm nhiệm, vì thiếu nhân-viên,
để ông còn chú-tâm vào những công-việc khác như giao-dịch
với tham-quyền Đô-thành và quận, vận-động nhân-dân thamgia
công cuộc phát-triển phường khóm...

3. TỔ-CHỨC LÃNH-THỔ: Việc phân-định lại ranh giới
các phường cũng là một điểm nên làm ngay vì như thế, công
việc và trách-nhiệm giữa các phường sẽ đồng đều hơn. Chính
tòa Đô-chánh cũng đã nhìn nhận sự-kiện có những phường hiện
hữu có dân số quá cao và diện-tích rộng lớn nên việc kiểm
soát không được hữu-hiệu. Cụ-thể lấy quận sáu làm tỷ-dụ
(trước khi có quận 10 và 11): quận này có sáu phường thì 4
phường có số dân trung-bình là 60 ngàn, hai phường có số

dân là 25 ngàn và một phường (phường Chợ) chỉ có 7.594 người. Sự quá chênh-lệch như thế là điều vô(lý cần sửa đổi).

Các liên-gia cũng vậy, có những liên-gia phụ-trách đến 100 nóc gia cho nên việc kiểm-soát và tác động trở nên khó khăn. Chúng tôi thiết-nghĩ mỗi liên-gia chỉ nên bao gồm nhiều nhất là 20 nóc gia. Bởi vì tổ chức liên-gia xây dựng trên quan-niệm tương-trợ, đòi một số ít nóc gia để tạo sự thân mật, quen biết, có thể mới tương-trợ được.

X Nói cho cùng, thì nguyên do sự yếu-kém của phường hiện nay chính là cái khung pháp-lý hiện mặc cho phường. Cái khung pháp-lý đó chính vẫn là nghị định đ số 504-BNV/HC/ND ngày 22-4-1959 được bổ-túc bởi nghị-định số 371-BNV/HC/ND ngày 19-6-1961. Từ ngày đó đến nay, biết bao nhiêu thay-đổi đã đến với phường. Với ý-thức bình-định và phát-triển hiện-nay, xã ấp tại tỉnh đã có được một cái khung pháp-lý rất phù hợp cho ba mục tiêu: tự túc, tự quản, tự phòng (xem sắc-lệnh 198-SL/ĐUHC ngày 24-12-1966, bổ-túc bởi Sắc-lệnh số 045-SL/NV ngày 1-4-1969) là ba mục tiêu quan trọng của chương-trình bình-định và phát triển. Thì trong khi đó, Phường Đô-thành vẫn còn vắn-cứ vào cái khung pháp lý đã lỗi thời.

Chúng tôi thiết-nghĩ, cần phải tạo cho Tổ-chức phường 1 cái khung pháp-lý mới phù hợp với những công-việc đa-dân mà hiện phường đang gánh vác. Cái khung pháp-lý đó tất là không thể giống hoàn-toàn cái khung pháp-lý của xã ấp được vì xã có tư-cách pháp-nhân, tự-trị về hành-chánh và tài-chánh còn phường thì không. Tuy vậy, phải quy-định sao cho phường có thể hoàn thành các trách vụ ngày càng lớn của mình, bằng cách tăng quyền-hạn cho phường trưởng ít nhất cũng có quyền kiểm soát nhân-viên, đề nghị trừng phạt và thăng-thưởng họ, có quyền quyết-định rộng-rãi hơn và nhất là có thể sử-dụng một ngân-khoản hàng năm nào đó để thực hiện một vài công-tác địa phương...

Nhất là khóm và liên-gia của Đô-thành: mặc dù hai tổ-chức này cũng ra đời với phường, nhưng hiện không có một văn kiện pháp-lý nào quy-định. Cần thiết phải ban cho chúng một văn-kiện nào đó để hợp-pháp-hóa những tổ-chức thực-tế này.

Chỉ bao giờ có được cái khung pháp-lý mới ấy, thì các kỳ vọng của Tòa Đô-chánh đặt vào phường mới thực-hiện được.

Đ o a n b o n

Nhận xét và đề-nghị
v ề Hội-đồng Đô-thành

X Luật số 02/70 ngày 5-3-1970 đã quy-định đầy đủ việc bầu cử Hội-đồng Đô-thành. Ngày bầu cử đã được sắc-lệnh 031-SL/NV ngày 18-3-1970 ấn-định là ngày 28-6-1970, số nghị-viên thì đã được ấn định do sắc lệnh 032-SL/NV cùng ngày là 36 vị. Tuy-nhiên, xét về nội-dung, tất cả các văn-kiện trên đều không mang lại một cải-tiến nào quan-trọng về tổ-chức và điều-hành của Hội-đồng Đô-thành. Do đó, chúng tôi cũng xin có một vài nhận xét và đề nghị liên quan đến quyền-hạn số nghị-viên, cách tuyển-chọn và nhiệm kỳ của Hội-đồng Đô-thành.

I. Quyền-hạn của Hội-đồng Đô-thành: Quyền hạn này, như ta đã thấy, rất rộng-rãi, rộng rãi hơn cả quyền-hạn của Hội-đồng thành-phố Paris. Đây cũng là đặc-điểm chung của các quốc-gia mới thu-hồi độc-lập, vừa thoát khỏi chế - độ quân-chủ chuyên-chế hay độc-tài. Các quốc-gia này thường đề cao cơ quan quyết-nghị, ban cho nó nhiều quyền hạn trội vượt hơn quyền-hạn của cơ quan chấp-hành. Theo chúng tôi, diễn-trình dân-chủ là phải vậy. Chỉ có điều diễn-trình ấy phải là một diễn-trình tự-nhiên, không cưỡng ép. Đối với dân-trí Đô-thành và với sự phát-triển của nó, chúng tôi có ý-nghĩ rằng việc dành cho các đại-diện dân những quyền-hạn như sắc lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 là một điều hợp lý. Trong tương lai, chắc chắn chúng ta khó loại bỏ dù là một trong 4 quyền; quyết-nghị, kiểm-soát, được tham khảo ý-kiến và đề - đạt thỉnh-nguyện.

Tuy-nhiên cần phải tìm cách cho bốn quyền đó thực-sự có nghĩa. Tỷ-dụ như quyền quyết-nghị. Trên lý-thuyết, quyền đó rất rộng rãi, bao trùm mọi sinh-hoạt của Đô-thành. Nhưng xét kỹ ra, hầu hết các quyết-nghị của Đô-thành hiện nay chỉ được thi hành nếu có sự duyệt-y của thủ-tướng hoặc tổng-bộ trưởng sở quan. Quyền giám-hộ như thế quả là quá chặt chẽ.

Chúng tôi thiết nghĩ nên bắt buộc tổ-chức hành-chánh địa-phương của Hoa-kỳ bằng cách để cho địa-phương tự quyết-định lấy công-việc của họ. Tuy-nhiên, sự quyết-định đó vẫn phải tuân theo những đạo-luật (chứ không phải sắc lệnh) tổng-quat áp-dụng cho các vấn-đề địa-phương như cảnh-sat, y-tê, phòng ngừa hỏa-hoạn, tài chánh, nhân-viên... (1). Cơ-quan giám-hộ không duyệt-y các quyết-nghị của Hội-đồng Đô-thành nữa, như nhưng có quyền theo dõi các quyết-nghị ấy để nếu chúng đi ra ngoài Hiến-pháp hoặc luật-lệ quốc gia thì lập tức đưa vấn đề ra tòa xin tiêu-hủy. Như thế thì vừa giữ được ý-nghĩa trọn vẹn cho quyền quyết-nghị của địa-phương vừa tôn trọng hành-sách quốc-gia, được cụ-thể-hóa qua Hiến-pháp và luật-lệ do những đại diện rộng rãi của dân chúng quy-định và ban bố rõ rệt. Một quốc gia vốn tự hào thượng-tôn luật-pháp như quốc gia chúng ta, thì điều cần thiết là phải ban bố luật-lệ rõ rệt, điều gì cũng phải được cụ-thể-hóa bằng luật lệ để mọi người căn cứ vào luật-lệ để thi hành và cũng căn cứ vào luật-lệ rõ rệt để kiểm soát phán-đoán. Mọi sự mơ-hồ võ-đoán, độc-tải cần được chấm dứt.

Đang khác, chúng tôi thiết nghĩ cũng nên di chuyển cái quyền giám-hộ từ trung-ương tới địa-phương như người Pháp đã làm: Đô-trưởng Paris có quyền xin tiêu-hủy các quyết-nghị của Hội-đồng thành-phố. Nhưng là phải xin tiêu-hủy tại một tòa án tố thẩm-quyền, chứ không phải chỉ ban bố sắc-lệnh đơn phương giải tán Hội-đồng như chế-độ hiện-hành của ta. Đề nghị này càng nên áp-dụng khi Đô-trưởng là dân cử, để tăng uy-tín cho người cầm đầu nền hành-chánh của Đô-thành.

Đây cũng là chỗ nên nhắc lại ý-kiến của chúng tôi đã nói đến sơ qua ở các đoạn trên: Nên dành cho Đô-trưởng một vài thẩm-quyền đối với nghị-viên Hội-đồng Đô-thành, ít là quyền ngang hàng Chủ-tịch Hội-đồng trong việc đề-nghị giải-nhiệm nghị-viên có lỗi. Đang khác nữa, nếu Hội-đồng chệnh-mãng không làm việc phải làm, thì Đô-trưởng phải được quyền thế-quyết, như trường hợp của Đô-trưởng Paris. Đây là vấn-đề cần đặt ra, vì kinh-nghiệm vụ khủng-hoảng ở Hội-đồng Đô-

(1) Xem: Hành-chánh địa-phương Hoa-kỳ, Gs Nguyễn-khắc-Nhan giảng tập cao-học hành-chánh.

thành vừa qua. Những lúc như vậy, nên trao cho Đô-trưởng quyền thế-quyết đối với một số vấn-đề để tránh sáo trộn cho sinh-hoạt của thủ-đô.

Cũng như đối với Đô-trưởng, quyền giám-hộ của trung-ương đối với Hội-đồng Đô-thành nên được nới rộng hơn nữa để thực thi dân-chủ. Nghĩa là Thủ-tướng, trước khi ban bố sắc lệnh giải-tán Hội-đồng, nên áp dụng thủ-tục cho phép Hội-đồng quyền biện-hộ hay ít nhất quyền biện-minh trước các đề-nghị của Tổng-trưởng Nội-vụ và của Đô-trưởng. Việc giải-nhiệm nghị-viên thiết-tương cũng nên áp dụng thủ-tục đó. Hoặc tiến xa hơn nữa, nên chấp-thuận thỉnh-nguyện của Hội-đồng Đô-thành qua văn-thư số 337/HĐ ngày 14-8-1965: Sự giải-tán Hội-đồng Đô-thành đòi phải có phán-quyết của Tham-chánh-viện (bây giờ dĩ nhiên là Tối-cao Pháp-viện).

Chúng tôi vốn nghĩ: chẳng thà là đừng ban cho Hội-đồng những quyền-hạn rộng rãi; nhưng nếu đã ban, thì đừng để xảy ra cảnh cho tay này bắt lại tay kia một cách quá lố liếu. Đối với chánh quyền Đô-thành ở ngay sát vách chánh phủ trung-ương, thì chánh-phủ này không thiếu gì cách có thể kiểm soát khéo léo sự hành xử các quyền luật định của Hội-đồng Đô-thành và việc đem vấn-đề lên Tối-cao Pháp-viện để nhằm giải-tán hoặc tiêu-hủy một quyết-định của Hội-đồng này tưởng là một việc nên làm vậy.

II. Con số nghị-viên: Sắc-lệnh 67-NV ngày 9-4-1965 đã định cho Saigon được bầu 30 nghị-viên. Nhưng rồi hoặc vì vi-luật bầu cử, hoặc vì chạy qua cơ-quan lập-pháp Quốc-gia hoặc vì mệnh-một, số nghị-viên hiện chỉ còn 17 vị. Với một dân số gần 3 triệu người trên thực tế, mà chỉ có 17 nghị-viên, thì quả thực cơ-quan dân-cử này không-thể đại-diện đầy đủ cho dân-chúng Đô-thành được.

Thực ra, chánh-quyền trung ương đã ban hành thông-tư số 2161-B/BNV/15 ngày 28-3-1965 ấn-định bầu lại 10 nghị-viên hội-đồng Đô-thành: 7 vị tại các đơn vị khiếm-khuyết và 3 vị rút thăm trong số 23 vị đương-nhiệm. Nhưng thông-tư trên bị Hội-đồng phản đối về khoản bầu lại 3 nghị-viên rút thăm trong số 23 vị đương-nhiệm; nếu bầu lại như thế, Hội-đồng sẽ không tham-dự và sẽ từ chức. Hội-đồng yêu cầu giữ nguyên 23 vị đương-nhiệm cho đến lúc có quốc-hội dân-

cử, sẽ tùy quốc-hội định-đoạt. Còn việc bầu lại 7 nghị-viên tại các đơn-vị khiếm-khuyết là tùy chánh-phủ.

Chánh-phủ đã nhượng bộ Hội-đồng bằng cách ban-hành sắc - lệnh 173-SL/ĐUHC ngày 22-11-1966 nhằm ấn-định nhiệm-kỳ của tất cả các nghị-viên là 3 năm... Tuy-nhiên, còn việc bầu cử lại 7 nghị-viên tại các đơn vị khiếm-khuyết đã được chánh-phủ bỏ qua luôn. Và đó là sự-kiện không được giải-thích. Theo thiên ý, vì số nghị-viên có liên-hệ đến bộ mặt sinh-hoạt của Hội-đồng, nên cần phải áp-dụng một thể-thức như thế nào để có thể đem lại cho Hội đồng một số tối đa nghị-viên. Để thực hiện điều đó, chúng tôi thiết nghĩ nên áp-dụng thể thức đã được hiến-pháp quy-định tại điều 35 về việc bầu các dân-biểu bổ-túc: "Trong trường hợp không khuyết dân-biểu vì bất cứ nguyên nhân nào, cuộc bầu cử thay thế sẽ được tổ-chức trong hạn 3 tháng, nếu sự không - khuyết xảy ra trên hai năm trước ngày chấm dứt pháp-nhiệm.

Với đà gia tăng dân số hiện nay, sắc lệnh 032-SL/NV ngày 18-3-1970 đã nâng số nghị-viên của Hội-đồng Đô-thành từ 30 lên 36 vị, Tuy-nhiên, theo thiên ý, chỉ trừ vì lý-do tài chánh (1), ta nên tăng số nghị-viên lên hơn nữa. Thành phố Paris có 3 triệu dân mà số nghị-viên là 90, thì Saigon ít lắm số nghị-viên cũng phải bằng con số các phường Đô - thành hiện nay (56 phường). Như thế, mỗi nghị-viên sẽ đại - diện cho chừng 30 ngàn người. Tỷ-lệ ấy mới là tỷ-lệ tạm đủ để đại-diện cho khối dân đông-đảo với rất nhiều thành-phần xã-hội, nghề-nghiệp, quyền-lợi, tôn-giáo khác nhau.

III. Cách tuyển-chọn: Cách tuyển-chọn nghị-viên Hội - đồng Đô-thành, theo luật số 02/70 ngày 5-3-1970 vẫn là ĐƠN DANH HỢP TUYẾN: cử tri bầu nhiều đơn danh cho một đơn vị bầu cử. Thể-thức này, theo thiên ý, chưa phải là thể-thức tối hảo. Chúng tôi đề nghị nên áp-dụng thể-thức liên-danh cho từng quận. Thành-phần nghị-viên Hội-đồng Đô-thành hiện nay càng làm cho người ta nghĩ rằng thể thức sau mới là thể-thức hợp lý và hữu-hiệu. Ai cũng biết đa số các nghị-

(1) Trong tương-lai dường như các nghị-viên sẽ có lương ít nhất cũng 30.000 đồng 1 tháng, và phụ cấp họp sẽ là 1.000 đ.



viên thuộc thành phần thương-gia, chủ xí nghiệp hoặc chủ tiệm (tiệm phở, tiệm bánh mì), một số ít còn lại tạm gọi là giai-cấp trí-thức gồm các bác-sỹ, dược-sỹ và giáo-sư. Nhưng dân chúng Đô-thành không phải chỉ có bấy nhiêu thành-phần. Người dân lao-động đang chiếm một thành-phần quan-trọng tại Sài-gòn, nhưng họ hiện chưa có đại-diện trong Hội-đồng, là một tỷ-dụ cụ-thể. Các tư-chức cũng thế.

Thế-thức liên-danh, theo thiên-y, sẽ đem được số người đó vào Hội-đồng. Vì liên-danh sẽ hội tập đầy đủ các thành-phần ứng cử viên để được nhiều giới ủng hộ, loại trừ được những phần tử bất tài, trục lợi, nhờ mưu-mẹo hoặc tiền bạc mà vào được Hội-đồng. Đàng khác, thế-thức liên danh cũng gián-tiện cho cử-tri chọn lựa khi đầu phiếu. Về phương-diện điều hành, nơi Hội đồng, nhờ thế-thứcliên-danh, khuynh-hướng cùng ý-kiến của các nghị-viên được tập hợp rõ ràng ; các cuộc thảo luận và biểu quyết vì thế sẽ trở nên giản-dị và nhanh-chóng.

Ngoài ra, việc bầu cử cho từng quận còn khuyết-khích các liên danh có những chương-trình hoạt động hữu-ích và tích-cực hơn cho địa phương mình trong các thời-kỳ trước và sau khi được đắc cử.

Tiện đây, chúng tôi nghĩ, nếu không thể quay trở lại với chế độ sắc lệnh 104-NV ngày 27-12-1952 cũng như chế độ của dụ 11 ngày 30-5-1954, tức là chế độ 7 quận với hội nghị hàng quận hoặc với các nghị-viên Đô-thành tại quận bầu trưởng-quận, thì ít ra cũng phải quy-định thêm một điều khoản buộc các nghị-viên phải đặt văn-phòng tại các quận để tiếp-nhận các thỉnh-nguyện của dân chúng. Sự xa cách dân của Hội-đồng Đô-thành hiện nay là một ấn-tượng không mấy tốt-đẹp cho các chương-trình và kế-hoạch xây dựng của Đô-thành.

IV. Nhiệm kỳ của Hội-đồng: Một điều sáng suốt của chánh quyền trung-ương là đã chấp thuận thỉnh-nguyện của Hội-đồng Đô-thành ngày 28-3-1966 nhằm ấn-định nhiệm kỳ của tất cả các nghị-viên đều là 3 năm, thay vì mỗi năm bầu lại 1/3.

Nếu không chấp thuận thỉnh nguyện đó, chắc chắn sự điều-hành của Hội-đồng sẽ gặp trở ngại: 1/3 ông nghị tân cử còn bỡ-ngỡ chưa quen với sinh-hoạt của Hội-đồng, 2/3 còn lại lo vấn đề vận-động tái-cử... Tâm-trí còn đâu để mà lo các vấn-đề cho Đô-thành nữa.

Bởi vậy, nhiệm kỳ của Hội-đồng cũng là điều quan hệ cho sự hữu hiệu của sinh-hoạt dân-chủ. Ý nhà làm luật là muốn có khuynh-hướng mới hội nhập, cho nên đã dự-trù mỗi năm bầu lại 1/3. Nhưng thực tế lại phải nhìn nhận: một nhiệm kỳ quá ngắn sẽ không hữu-hiệu cho sinh-hoạt của Hội-đồng. Cho nên chúng ta phải dung-hòa cả hai khía cạnh ấy, nghĩa là tăng nhiệm-kỳ cho các nghị-viên từ ba năm lên sáu năm chẳng hạn, hay ít nhất cũng từ ba năm lên bốn năm, và cứ 3 hoặc 2 năm bầu lại phân nửa.

Tất cả những nhận xét và đề nghị xuyên qua bốn đoạn của chương thứ ba này chỉ nhằm đem lại một hội-đồng dân cử thực sự dân-chủ và thực sự hữu-hiệu. Hai khía cạnh này không thể nào phân rẽ được. Cùng với một cơ quan chấp-hành được rộng rãi hơn về ủy-quyền và những phụ tá đắc lực, chúng ta có thể hy-vọng chánh-quyền Đô-thành sẽ thực-hiện những sứ-mạng của mình là bảo đảm an-ninh trật tự công cộng, phát-triển sinh-hoạt Đô-thành trong thịnh-vượng, tự-do, dân chủ...

C H Ư O N G B Ồ N

bbbBBBBbbb

MỘT SỐ VẤN-ĐỀ THỰC-TẾ

CỦA ĐÔ-THÀNH SAIGON

Ở các chương trước, chúng tôi đã phân-tách và nhận-xét về tổ-chức hành-chánh của Đô-thành Saigon. Đã đến lúc chúng ta nhìn thẳng vào bộ mặt sinh-hoạt của Tổ-chức đó để thực sự hội-nhập những công-tác cũng như những khó-khăn mà tổ-chức hành-chánh ấy đang thực hiện và đang gặp phải. Với cái nhìn ấy, ta mới thấy bất cứ tổ-chức nào cũng có những giới-hạn không thể vượt qua.

Chương này sẽ được chia thành bốn đoạn:

- Trong đoạn thứ nhất, chúng tôi sẽ trình bày vấn đề giải toả Đô-thành.

- Đoạn sau đó sẽ được dùng để duyệt qua một số công-tác liên quan đến các tiện-ích công-cộng.

- Ở đoạn thứ ba, chúng tôi sẽ duyệt qua một số công tác thuộc lãnh-vực công-chánh và kiến-thiết.

- Cuối cùng, chúng tôi sẽ đề cập đến vấn-đề tài-chánh của Đô-thành.

Đ o a n n h ấ t

Vấn-đề giải-toả Đô-thành Sài-gòn

Đô-thành Sài-gòn cần phải được giải-toả, điều đó thì ai cũng thấy là phải làm ngay. Chúng ta tự hỏi tại sao có vấn đề giải-toả và giải toả ra sao?

I. Dân số: Dân số Đô-thành, qua tờ trình do Sở Hành-chánh và nhân-viên toà Đô-chánh thiết lập vào ngày 31-12-1969, là 1.624.393 người sống trên một diện tích là 61 cây-số vuông 606 (61 km² 606).

Về diện tích thì chắc đó là con số đúng. Còn về dân số, thì chắc chắn là con số đáng hoài nghi. Bởi vì, gần đây, theo cuộc điều-tra của viện thống-kê quốc-gia thực hiện vào năm 1967(1), thì dân số Sài-gòn là 1.736.880. Chính ngay toà Đô-chánh cũng lúc đưa ra con số này lúc đưa ra con số khác. Theo văn-thư số 479/HC/HC ngày 10-3-1969 của Đô-trưởng Sài-gòn gởi chủ-tịch ủy-ban canh-nông Thượng-nghị-viện, thì dân số Sài-gòn là 1.706.869 người...

Những con số trên này chắc chỉ căn cứ vào sự kiểm-tra của Đô-thành dựa vào những người cư-trú hợp pháp. Tuy nhiên trên thực tế, con số này cao hơn nhiều. Trong tập tài-liệu

(1) Điều tra dân số tại Sài-gòn năm 1967, viện quốc-gia thống kê xuất-bản.

"Kế hoạch phát-triển Đô-thành Sài-gòn năm 1970", khi nhận định tổng quát về thịnh-vượng chung, tòa đô-chánh cho biết dân số của Sài-gòn là gần 3 triệu. Tuy nhiên con số do sở tiểu-học ước lượng lại chỉ vào khoảng 2 triệu 3.

Trong cuộc hội-thảo chính-trang Đô-thành ngày 9-1-1968 con số do các đại diện nêu ra về dân số Đô-thành cũng có nhiều sai biệt:

- Hội đồng Đô-thành báo là 2.500.000 người,
- Gia-cả-liêm-giá-cuộc trên 2 triệu người,
- Công quản xe buýt trên 2 triệu rưỡi,
- Bộ quốc-phòng gần 3 triệu
- Bộ y-tế 2.800.000 người
- Tổng nha kiến-thiết 2.400.000 người.

Do đó, con số 2 triệu rưỡi dường như là con số được nhiều người chấp nhận và hợp với thực tế hơn cả.

Nếu thế, thì mật độ của Sài-gòn hiện cao nhất thế-giới: gần 400 người 1 mẫu tây. Trong khi đó, tại Luân-đôn mật độ đó chỉ là 85, tại Balo (Suisse) là 82, tại Đông-kinh là 152 và tại Cựu-kim-Son là 73 (1). Tuy-nhiên còn cần phải nhớ một khía cạnh khác của vấn đề là dân các thành-phố khác một số lớn ở trong các cao ốc, trong khi dân Sài-gòn không có cao ốc, phải tự động dựng "lều" để ở, cho nên cảnh chật chội là một hiện tượng thể-thảm và là nguyên-nhân tạo ra sự thất tộ-đoan xã-hội.

II. Các giải-pháp: giải-pháp đầu tiên cho vấn-đề trên là phải tìm cách tái phân dân số cho đều giữa các quận. Nhìn bảng sau đây, do sở hành-chánh và nhân-viên tòa Đô-chánh cung cấp, người ta sẽ thấy rất rõ sự bất tương-xứng giữa số dân và diện-tích ở một số quận: Quận Ba hiện có số dân đông nhất, nhưng về diện-tích chỉ đứng hàng 6. Quận Năm có số dân đứng hàng nhì, nhưng về diện-tích đứng hàng 8. Ngược lại, quận Bảy đứng hạng nhất về diện tích, nhưng về dân số lại đứng hạng 10; quận Chín đứng hàng nhì về diện-tích nhưng về dân số đứng hàng thứ 11:

(1) Tài liệu của Gs. Nguyễn-quang-Quýnh: Những vấn-đề thị-thôn, giảng tập cao-học hành-chánh

ĐƠN VỊ	DIỆN-TÍCH	THỨ HẠNG	DÂN CƯ	T.Hạng
quận 1	3,773 Km ²	7	81.900	9
quận 2	3,290 -	9	161.052	7
quận 3	4,839 -	6	245.385	I
quận 4	3,084 -	11	174.638	5
quận 5	3,302 -	8	211.862	2
quận 6	6,100 -	4	185.392	4
quận 7	10,601 -	I	37.666	10
quận 8	7,170 -	3	173.711	6
quận 9	10,220 -	2	18.375	11
quận 10	5,890 -	5	197.665	3
- 11	3,247 -	10	136.807	8

Charles A. Joiner trong cuốn PUBLIC ADMINISTRATION IN THE SAIGON METROPOLITAN AREA (1) đã cho thấy: các quận đông dân cư phần lớn là vì có những khu ổ chuột, nhiều người chen chúc sống trên một diện-tích quá nhỏ trong những căn nhà tồi tàn tàn hại (2). Ở quận Hai là khu chợ Cầu Muối và khu Cầu Ông Lãnh. Tại quận Ba là khu Bàn-cờ, khu Nguyễn-Thông ăn qua Trần-quang-Diệu nối dài chạy dọc theo phía sau đường Trương-minh-Giang. Ở quận Tư là khu chạy dọc theo đường Tôn-thất-Thuyết. Ở quận Năm là khu bến Hàn-tử và bến Bình-Đông. Ở quận Sáu là khu chạy dọc theo đường Hậu Giang, đây cũng là quận bắt đầu có những ruộng lúa, vườn - bông (làng Phú-Định cũ). Ở quận Bảy là khu quanh bến Mễ-cốc và bến Nguyễn-Duy: phía ngoài là các nhà máy lúa và kho gạo nhưng phía sau là một khu hết sức đông đảo dân cư và có cả những khu đầm lầy không được sử-dụng cũng như đồng hoang. Tại quận này, cũng có những thửa ruộng trồng rau hoặc lúa ở phía bên kia kinh Đồi và kinh Lò Gốm. Ở quận Tám ít có hoạt động thương mại trừ ngành giết trâu bò heo (lò heo Chánh - Hưng); khu ổ chuột của quận này chạy dọc theo kinh Xóm Củi, và bên kia những khu xây cất là khu ruộng lúa. Còn quận chín, như ta đã thấy, được thiết lập vì lý do an-ninh nhiều

(1) Saigon June 1962

(2) Theo cuộc điều tra vào năm 1962 của viện quốc-gia thống kê, Đô-thành có tới 47.820 căn nhà ổ chuột chiếm khoảng 23 phần trăm tổng số gia cư.

hơn. Tuy quận này đã có nhiều dự án khuếch-trương nhưng vì đòi hỏi một ngân-khoản quá sức chịu đựng của Đô-thành, nên vẫn là quận hoang-vu nhất, gồm những cánh-dòng đất ngập, và mới chỉ có dự án cụ-thể-hóa trên đất hệ-thống tim-lộ... Số dân cư của quận này, vì vậy, hiện còn rất thấp.

Phải làm thế nào để ít nhất tái-phân dân-cư theo diện-tích các quận, đem dân cư tại các khu ổ-chuột của các quận trung tâm ra các quận ven biên, đặc biệt là hai quận bảy và chín. Muốn thế, điều kiện tiên-quyết là phải mở đường, đem điện nước đến những khu đó. Đồng thời khuếch trương kỹ-nghệ, hoặc ít ra, cũng phải khuyến-khích chăn nuôi hoặc là trồng trọt tại những khu-vực đó. Việc khuyến-khích này vừa để thu hút số dân ở trung-tâm tản bột ra, vừa để có đủ thực phẩm cung cấp cho Đô-thành, tránh tình-trạng quá-y-nại vào các tỉnh Hậu-giang như hiện nay. Chúng tôi thiết-nghĩ Kế-hoạch Bình-dịnh và Phát-triển Đô-thành phải ưu-tiên chú-ý đến khía-cạnh này vì hiện nay nhà ổ-chuột tại trung-tâm Sài Gòn đang dật ra cũng như đang đe dọa dật ra thật nhiều vấn-đề phức tạp cho sinh-hoạt Đô-thị.

Tuy-nhiên, nếu phải quy-trách thì không thể quy-trách cho nhà cầm-quyền Đô-thành được. Vì hiện-tượng gia - tăng dân số Đô-thành một cách bất thường, hỗn độn, vô-trật-tự từ 20 năm nay phần trách-nhiệm lớn nhất vẫn là của nhà cầm quyền trung-ương.

Ta biết: đồ án thiết-kế Sài Gòn do Pugnairé Cécrucci lập năm 1944 trừ tính cho số dân tối đa là 500.000 người. Ấy vậy mà ngay năm 1949, 5 năm sau, số cư dân của Đô-thành đã là 1.800.000 người (1). Từ đó suy ra, ngay từ hồi đó, nhà cầm quyền trung-ương đã không có một cái nhìn sâu-xa về tương lai của Đô-thành Sài Gòn, cứ để mặc tình dân tự-nạn chiến-tranh đổ ập vào Sài Gòn mà không hề có một chương trình vừa nhằm tiếp đón họ vừa nhằm định-cư họ ở một khu-vực xa trung tâm thành-phố.

Chưa hết, khi chiến-tranh kết -liệu, dân số Sài Gòn thay

(1) Trần-văn-Đĩnh, Hành-chánh Đô-thành Sài Gòn, Sài Gòn 1959 trang 1, phần chú-thích

vì giảm thì lại tăng lên tới 1.900.000 người vào năm 1954 (1), vì một số lớn dân di-cư Bắc-Việt đến cư ngụ. Sự kiện họ định-cư ở Sài Gòn là một hiện-tượng tự-nhiên vì ai không ưa đời sống Đô-thị, nhất là Đô-thị vốn được mệnh-danh là Hòn Ngọc Viễn-Đông. Đàng khác, nhà cầm quyền lúc ấy cũng khuyến khích họ định-cư ở Sài Gòn vì lý-do chính-trị: để củng cố 1 chế độ lúc đó hết sức lung-lay và dự-phòng cho những cuộc tuyên-cử sắp tới (2).

Số dân của Sài Gòn đã có lúc giảm xuống còn 1.800.000 ng. vào năm 1958 (3) nhờ an-ninh đã được văn hồi, một số lớn dân đã trở lại thôn quê hay đi về các tỉnh bớt. Nhưng, với cuộc chiến-tranh đầy loạn, nông-thôn bị bỏ ngổ, dân lại một lần nữa đổ xô về Sài Gòn, một lần nữa, nhà cầm-quyền trung-ương đã lại không có chương-trình gom dân ngay từ đầu, cứ để họ mặc tình muốn đi đâu thì đi, nên Sài Gòn lại một lần nữa hứng chịu một số dân khác, làm cho diện-tích, một cách chủ-quan, càng ngày càng thấy là nhỏ bé không thể chứa đựng nổi số dân quá lớn.

Sự sai-lầm của nhà cầm quyền trung-ương trong trách-nhiệm làm chặt-chội Sài Gòn còn tìm thấy qua sự hiện-diện đông đảo của các cơ-sở quân-sự ngay trong lòng thành-phố: Có thể nói được: quá nửa quận 10 hiện nay (đọc Trần-quốc-toán qua Nguyễn-vân-Thoại đến Tô-hiến-Thành, Bắc-Hải) và ít nhất một nửa quận 11 là cơ sở quân-sự.

Sự "Mềm lòng" của nhà cầm quyền trung-ương trong sự để cho một số khá lớn cơ sở quân sự của Hoa-kỳ trong lòng thành phố, cũng làm tăng thêm cơn sốt Mật-độ của Đô-thành (3)

Do đó, vấn-đề giải-toả Đô-thành thực sự không nằm trong tay Đô-thành nữa, mà nó đã vượt quá trách-nhiệm và khả năng của nhà cầm quyền địa phương để trở thành trách-nhiệm và tr trọng tâm mức khả năng của nhà cầm quyền trung ương rồi vậy.

Vấn đề giải toả này càng ngày càng tỏ ra cấp bách hơn, cần

(1) Trần-vân-Đỉnh, gịch đã đến, trang 1.

(2) Cuộc tuyên cử với người quốc gia hay với Cộng sản, nếu Tổng-tuyên-cử có xảy ra.

(3) 32.000 người Hoa-kỳ, sau kế-hoạch dời cư xa Đô-thành, (thuyết-trình của Trung-tá Sabalos tại Học-viện Q.G. Hành-chánh).

cứ vào sự-kiện hàng năm, mức độ gia tăng dân số vào khoảng ba phần trăm, và mức độ gia tăng vì lý do an-ninh vào khoản hai phần trăm mỗi năm làm cho dân số Sài Gòn và vùng phụ-cận vào năm 1980 sẽ lên đến bốn triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn người theo sự nhận định của nhóm Doxiadis, nhóm chuyên-viên Hy-lạp ký hợp đồng với cơ-quan viện-trợ Huê-kỳ tại Sài Gòn để nghiên-cứu sự phát-triển nơi đây.

Đứng trước viễn-tượng đó, nhà cầm quyền trung-ương đã có nhiều dự án, vừa nhằm giải-toả dân sự vừa nhằm chỉnh-trang thành phố như:

a./ Dự án của bộ Kiến-thiết năm 1958 nhằm giải-toả các khu gia-cư lụp xụp bằng cách xây dựng khu gia-cư cho giới lao-dộng nằm trong xã Thạnh-Mỹ-Lợi, quận Thủ-Đức, đồng thời tân-thiết khu Thủ-Thiên nhằm đưa các cơ sở ngoại-giao, chánh-trị, văn-hoá qua đó để tạo điều-kiện thuận-tiện cho việc chỉnh-trang các khu vực còn lại và làm dễ dàng cho việc lưu-thông...

b./ Dự án của Kiến-trúc-sư Ngô-việt-Thụ năm 1960, nhằm tạo một khu hành-chánh và thương-mại gồm nhiều cao ốc chạy dọc theo đại-lộ Lý-thái-Tổ và Cộng-Hòa để ngăn cách Sài Gòn cùng Chợ-lớn. Nhờ việc tập-trung này, sẽ có điều-kiện thuận lợi cho việc chỉnh-trang các khu vực còn lại nhờ phần đất trống trải vừa được tập-trung hay giải-toả.

c./ Dự án Thủ-thiên năm 1964 của nhóm chuyên-viên Doxiadis nhằm trưng dụng hay mua lại tất cả các sản-nghiệp của dân-chúng trong vùng (vì dân chúng thiếu khả năng xây cất theo đồ án) sau đó bồi đắp quy-mô vì vùng này đất thấp để rồi tạo thành một khu hành-chánh, văn-hoá, kỹ-nghệ và cả gia-cư nữa.

d./ Các dự án khác: Ngoài ra, theo đại-hội chỉnh-trang Đô-thành tháng 1/1968, ta thấy có một vài dự án nhằm giải-toả các phụ gia-cư ổ-chuột mà trên kia chúng ta đã thấy qua dành các khu vực do các cơ sở quân sự tạm chiếm (khu Trần-quốc-Toản) cho khu hành-chánh và khu các cơ sở công-lập; tập-trung các cơ sở quân sự vào ba khu chính là Bạch-Đằng, Phú-thọ và Tân-sơn-Nhất, dời nhà ga Trung-ương Sài Gòn về khu Chí Hòa để biến nơi đây thành khu thương-mại quốc-tế; tân lập các khu gia-cư Phú-thọ-Hòa, Phú-lâm và Tân-quý-đông.

Tất cả các dự án trên hiện đang nằm trong các ngăn tủ ,

phần lớn chỉ vì tài chính eo hẹp. Trong bối cảnh cuộc-chiến hiện nay, những chương-trình chính-trang rộng lớn như các chương-trình trên không thể nào thực hiện được, vì hầu hết tài nguyên nhân vật lực của Quốc-gia đều đổ dồn vào chiến-tranh cả. Do đó, Sài-gòn còn phải chờ đợi lâu mới mong thực sự được giải-toả chính-trang để xứng-đáng trở lại khuôn mặt Hòn-Ngọc Viên-Đông năm nào.

Đ o a n h a i

Các công-tác liên-quan đến tiện-ích công-cộng

Không dám hiểu nghĩa rộng như các đô-thị khác, ở đây, ở chúng tôi chỉ xin giới hạn chữ tiện ích công cộng qua các lãnh-vực: Vệ-sinh, y-tế và giáo-dục.

I. Vệ-sinh: Công tác vệ-sinh chính-yếu của Đô-thành là dọn rác, đồng thời kiểm soát vệ-sinh và thực phẩm.

Ba công tác ấy, xem ra có vẻ nhẹ nhàng. Nhưng thực ra, chúng đã vượt quá khả năng của Đô-thành Sài-gòn. Do đó, rất nhiều kinh-phí Đô-thành phải nhờ đến Viện-trợ Mỹ. Nhìn vào bảng Công-tác sẽ thực hiện năm 1970, ta thấy Đô-thành:

- Sẽ lập thêm 4 lộ-trình xe lấy rác thùng tại các quận 6, 7, 8 và 11 : Ngân sách Đô-thành.
- Xây thêm 10 bộ rác và đặt thêm 18 xường tại những nơi nhiều rác đọng: Ngân sách ngoại viện.
- Dọn quang các bờ lề nhiều đất trống và chướng ngại-vật: Ngân sách ngoại-viện.
- Tiếp tục cho đấu thầu chở rác tại các bộ chợ (21 bộ) Ngân sách Đô-thành.
- Đặt thêm 10 máy bơm rửa chệ: Ngân sách Đô-thành.
- Tuyển thêm 10 tài xế, 12 thợ đủ loại và 150 lao-công: Ngân sách Đô-thành.
- Tuyển dụng thêm 10 cán bộ vệ-sinh: Ngân sách Đô-thành.
- Xây cất thêm 4 cầu tiêu công cộng: Ngân sách Đô-thành.
- Huấn luyện cán bộ vệ sinh tại ngoại quốc: ngân sách ngoại viện...

Kết các công tác trên, ta thấy việc yểm trợ cho công tác Vệ sinh một phần còn nhờ ngoại-viện. Do đó, tổng số ngân

khoản dự trữ cho công tác vệ-sinh Đô-thành năm 1970 là 352.130.000 đồng thì Đô-thành chỉ tài trợ được 308.422.000 đ. còn lại 43.708.000 đ. phải nhờ đến viện-trợ Mỹ.

Thực ra, chúng tôi mới chỉ đề cập đến phần-vụ vệ-sinh do Sở vệ-sinh Đô-thành phụ-trách. Một khía cạnh khác của Vệ-sinh là tổng khứ các chất dư thừa qua hệ-thống cống rãnh sẽ là phần-vụ của Sở Công-chánh mà chúng tôi sẽ nói đến ở đoạn sau.

II. Y-tế: Vấn đề y-tế dĩ nhiên liên-quan trực tiếp đến Vệ-sinh. Theo thống-kê 1970, sở y-tế tòa Đô-chánh trong có 11 y-viện, 19 chấn-y-viện, 2 trạm y-tế và ba bảo sanh viện(1)

Với một dân số trôn thực tế gần 3 triệu người, thì những con số các cơ sở y-tế như trên quả thực là khiêm-tốn, nên cần phải thiết-lập thêm một số cơ sở y-tế để có phương-tiện tiếp xúc với dân chúng hầu thực hiện những chương-trình thuộc phạm vi y-tế công cộng.

Hiện nay, sở y-tế phụ-trách nhiều công-việc: khám sức khoẻ định-kỳ cho 8.061 công chức tòa Đô-chánh; giáo dục y-tế bằng Vô-tuyến truyền hình, bích chương, truyền đơn, nói chuyện, vắng gia; bài lao cho các trẻ sơ sinh tại các bảo sanh viện công tư, các học-sinh các trường tiểu-học Đô-thành (cùng E.C.G.) ; bài trừ hoa liễu tại y-viện Chợ-lớn và Tân Định; bài củi tại trại Thanh-Bình (Thủ-thiên); đào tạo nhân-viên chuyên môn (tá viên điều dưỡng); y-khoa phòng ngừa; giáo dục y-tế học-đường; bảo trợ mẫu nhi...

Với một chương-trình rộng lớn như thế mà ngân khoản dành cho sở trong niên-khoá 1969 chỉ là 73.899.000 đồng với tổng-số 563 nhân-viên. Trong niên-khoá 1970, sở dự-trữ xây cất các cơ sở mới như sau:

- Khu y-tế quận Tân Xóm cũ: 6.000.000 đồng
- Bảo sanh-viện và chấn-y-viện Hồng-Thái, quận Bảy: 8.000.000 đồng
- Chấn-y-viện An-Khánh q. chín: 3.000.000 đồng
- xây thêm phòng ốc cho y-viện Trưng-miền-Giảng: 3.000.000 đồng

Tất cả đều do ngân sách Đô-thành đài thọ. Căn cứ vào đó, ta thấy Đô-thành chỉ dám có những dự án hết sức khiêm tốn như thế thôi.

II. Giáo-dục: Công-việc giáo dục ngành tiểu học ở Đô-thành là trách-nhiệm của sở Tiểu-học. Còn ngành trung và đại

học là trách-nhiệm của nhà cầm quyền trung ương. Tuy-nhiên, với việc cải tổ học-trình trung-học mới đây, trong-niên-khóa 1969-1970, sở tiểu-học cũng lo mở 8 trường trung-tiểu-học.

Theo sự ước-lượng của Sở, cuối năm 1969 số trẻ em đúng tuổi đến trường tiểu-học là 370.5000 em (1). Do đó, mục-tiêu của sở trong năm 1970 gồm:

1./ đáp ứng 70 phần trăm sĩ chủng vào các trường tiểu-học công lập, trong số này, thu nhận 100 phần 100 các em đúng tuổi vào lớp Năm.

2./ Mở tại mỗi phường tối thiểu một trường sơ cấp có 3 phòng và tại mỗi quận một trung-học Đô-thị.

3./ Phát triển các trường trung-tiểu-học: mở thêm 42 lớp đệ lục và 84 lớp đệ thất tại các trường trung-tiểu-học cũ và mới để nâng tỷ-lệ học sinh ở tiểu-học công-lập vào trung-học lên 20 phần trăm...

Các mục-tiêu trên được cụ-thể-hóa bằng những công-tác-sau:

A. Phát-triển bậc tiểu-học:

a./ Sĩ số lớp năm: sẽ tăng 6074 trẻ (tăng 15 phần trăm) như thế phải thêm: $6074 : 60 = 100$ lớp.

b./ Số lớp dự trữ tăng: 50 lớp nhất & 28 l. nhì & 49 lớp ba & 117 lớp tư & 100 l. năm = 344 lớp.

c./ Số phòng học cần xây thêm: $344 : 2 = 172$ phòng.

d./ Nhân sự phải thêm: 344 giáo chức (Đô-thành dự tuyển 200 giáo chức công nhật, 144 người còn lại xin bộ giáo dục); đồng thời tuyển thêm 15 lao công.

B. Tu nghiệp và hội-thuyết giáo-khoa:

a./ dự liệu tổ-chức 32 buổi hội-thuyết giáo-khoa

b./ tu-nghiệp:

-2 khóa tu-nghiệp hệ: tòa Đô-chánh tài trợ

-4 khóa tu-nghiệp về giáo dục cộng đồng, hoạt động thanh-niên: cơ quan viện trợ Hoa-kỳ viện trợ 280.000 đồng.

C. Xây cất phòng học và trang bị:

a./ hoàn tất các chương-trình xây cất năm 1969:

(1) Kế hoạch Phát-triển Đô-thành Sài-gòn năm 1970, trang 223.

- Do ngân sách Đô-thành : 24 phòng lầu tại trường Vĩnh-hội và khu tái thiết Nguyễn-thiện-Thuật: 25.500.000đ.
- Do ngân sách Đô-thành và trợ cấp của Bộ - giáo dục: 18 phòng lầu tại khu tái thiết An-Quang: 21.500.000đ.
- Do ngân sách Đô-thành và vật-liệu USAID: 37 phòng lầu tại khu tái thiết Trần-quốc-Toàn, trường Trần-khánh-Giư, tr. Khánh-hội, tr. Đoàn-thị-Điêm; trị giá vật liệu: 9.292.300đ.
- Do trợ cấp Đô-thành và vật-liệu USAID: 9 phòng trệt tại trường Lý-thái-Tổ và Phú-lâm: 3.998.000đ.
- Do viện-trợ- hoàng-gia Anh: 39 phòng lầu tại 2 khu tái thiết Minh-mạng 1 Minh-Mạng 2.
- Do trợ cấp của chương-trình viện trợ Mỹ số 690-319 và nhân công của Seabees gồm 15 phòng trệt tại trường Phạm-thế Hiên, Nguyễn-Khoái, An-Khánh trị giá: 15.000.000đ.

b./ thực hiện chương-trình xây cất năm 1970 (ngân sách Đô thành): 24 phòng tại các trường An-Phong, Phú-Thọ, Bình-Thới và Chánh-Hưng trị giá: 27.000.000đ.

c./ hoàn tất công tác trang bị phòng ốc: 11.500.000đ.

d./ -Dự liệu xây tại mỗi phường một trường sơ cấp

-Dự liệu xây tại mỗi quận 1 trường trung-học Đô-thị.

Để tài trợ những công tác trên, ta thấy có tất cả ba lo, loại ngân khoản khác nhau :

- Ngân khoản ngoại viện : 70.572.300 đồng chưa kể dự án xây cất trường sơ cấp phường và trường đô-thị quận.

-Ngân khoản tòa Đô-chánh : 38.900.000 đồng không kể hơn 3 trăm triệu trả lương nhân viên.

Như thế, xét chung, ở ngành nào, Đô-thành Sài-gòn cũng không thể tự mình gánh vác lấy phần vụ mà phải nhờ đến sự giúp đỡ hoặc của ngân sách quốc gia hoặc của cơ quan viện - trợ Hoa-kỳ.

Tuy vậy, lĩnh vực của tiện-ích công cộng còn nhiều. Cụ thể nhất là vấn đề khoảng xanh lá cây (espace vert) tức là các vườn trẻ, vườn hoa, vườn thể-thao, vườn cắm trại... Các nhà hoạch-định chính-trang thành-phố thường lấy con số 10 m² làm nhu cầu trung bình về khoảng xanh lá cây cho 1 người (1) Trong khi đó, Sài-gòn chỉ có 1 m² khoảng xanh lá cây cho mỗi thị dân mà thôi... Nếu ta biết rằng khoảng xanh lá cây là

(1) Lê-văn-Lâm, Les grands problèmes d'urbanisme de Paris, 7,2.1963.

buồng phổi, là chỗ thoáng hơi, là yếu tố tăng thêm về thẩm mỹ và thăng bằng sinh-hoạt thiên-nhiên và nhân tạo, thì 1m² kia cho mỗi thị-dân quả thực là thiếu sót; không lạ gì, Sài Gòn là thành-phố có không khí ngột thở, bực bội. Khách nhân du chiều thứ bảy chủ nhật chỉ còn biết chúi vào các rạp chớp bóng. Tuy-nhiên, vấn đề khoảng xanh lá cây này kể ra hoàn-toàn lệ-thuộc kế-hoạch chính-trang toàn diện. Mà Kế-hoạch chính-trang này, như ta đã thấy, lệ thuộc thẩm quyền chánh-phủ trung-ương nhiều hơn.

Vấn đề khác có liên hệ trực tiếp đến sinh-hoạt thị-dân là vấn đề điện nước và phương-tiện di chuyển:

Trong cuộc điều-trần ngày 3-7-1969 trước khoáng đại Hạ nghị-viện, Tổng-trưởng Công-chánh và Giao-thông vận-tải đã cho ta một con số ý-nghĩa: Tại Sài Gòn, tính đến cuối năm 1968, tổng số đồng hồ nước gắn được là 52.000 cái và tổng số đồng hồ điện 101.000 cái, nghĩa là trong tổng số nhà tại Sài Gòn đã có lối 13 phần trăm nhà có đồng hồ nước và 25 phần trăm nhà có đồng hồ điện. Trong năm 1969, sẽ gắn thêm 12.000 đồng hồ nước và lối 20.000 đồng hồ điện (gia-tăng 20 phần trăm đối với tổng số hiện có (1)). Ai cũng thấy những con số ấy thật là khiêm tốn.

Vấn đề phương-tiện di chuyển công cộng, tình trạng lại còn bi đát hơn:

Năm 1961, Công quản xe buýt cung cấp dịch vụ cho hơn 5.700.000 người một tháng với 102 xe buýt, 12 lộ-trình dài 84,8 km. Năm 1966, số xe tuy tăng: 281 chiếc nhưng chỉ có 40 chiếc ở trong tình-trạng hoạt động được, lộ trình rút xuống còn 4 dài 31km, hành-khách chỉ còn 1.680.476 người 1 tháng, lỗ hàng triệu đồng mỗi tháng. Ngày nay, vì quá lỗ lẽ nên công quản đã được dẹp bỏ để nhường cho tư-nhân thầu. Việc lập điều-kiện-sách chưa có điều-kiện hoàn thành, nên cho đến nay, việc đấu thầu chưa được mở. Trong lúc chờ đợi mạnh ai nấy tự sắm cho mình một xe gắn máy làm cho số xe tăng lên đến 880.861 xe đủ loại. Cứ tưởng tượng chiều dài trung bình của mỗi xe là 3 mét, thì nếu đem xếp đuôi số xe trên ta sẽ có một dòng sông xe dài đến 2.660 Km, trong khi chiều dài của mọi con đường của Sài Gòn không quá 400 Km.

(1) Biên bản số 49/69/H/BB ngày 3-7-1969 của Hạ-viện.

Nạn kẹt xe và tai nạn lưu-thông do đó tất nhiên là phải trầm trọng, không kể số khói do số xe kia phun ra, đủ gây độc như thế nào cho bầu không khí của Sài Gòn.

Nhưng cũng như vấn đề chỉnh-trang, các vấn đề điện nước và phương-tiện di chuyển hiện vượt quá khả năng và thẩm quyền của Đô-thành Sài Gòn: chúng do các công-ty quốc-doanh khai thác, chứ không còn thuộc trách-nhiệm trực tiếp của cơ quan hành-chánh Đô-thành nữa. Mặc dù vậy, xét một cách tận tình tận lý, chúng phải là phận-vụ của Đô-thành. Nhưng ngày chúng trở về thuộc thẩm quyền trực tiếp của Hành-chánh Đô-thành dĩ nhiên là một ngày bất định.

Đ o a n b a

Những công-tác liên-quan đến công-chánh và kiến-thiết

Những công-tác chánh của Công-chánh là đường xá và cống rãnh, còn công tác chánh của kiến-thiết là xây cất các công sở, công ốc cho Đô-thành, đồng thời cũng cộng tác với gia-cư liên-giá-cuộc (1) trong việc xây cất nhà cho dân-chúng.

I. Công-chánh: (2) chúng tôi mượn ngay lời của Ông Tổng trưởng Công-chánh và Giao-thông vận-tải (3) để diễn tả về loại công-tác này:

Tại Sài Gòn, tổng-nhà Kiều-Lộ và viện-trợ Mỹ hiện đang tiếp-tục công tác canh tân được 63 Km đại lộ chính-yếu (với ngân-khoản trên 1 tỷ). Như thế đã giúp Đô-thành Sài Gòn canh tân được trên 20 phần trăm hệ thống đường phố.

Về vấn-đề cống rãnh, trong hai năm 1968 và 1969, Trung

(1) Một trong hai cơ quan tự-trị của Đô-thành, cơ quan kia là Kho Tiết-kiệm. Cả hai trực thuộc Đô-trưởng.

(2) Đô-thành có 320 Km đường; 266 Km cống. Trong số đó, khoảng 100 Km đường ở vào tình-trạng tốt, số còn lại phải tu bổ thường xuyên (Kế-hoạch phát triển năm 1970, trang 196)

(3) Bài điều trần đã dẫn.

Ưng đã yểm trợ Sài Gòn Gia-định 197 triệu trong tổng số 224 triệu cho tất cả các tỉnh và thị xã. Riêng tại Sài Gòn Gia-Định, trong năm 1968, đã xây cất thêm 11,6 Km đường cống ; năm 1969 dự trù xây cất thêm 12,5 km tổng cộng là 25 Km đường cống nghĩa là gia tăng 10 phần trăm hệ thống hiện có. Ngoài ra trong năm 1969, đã tiến hành công tác vét lại các rạch Nhiêu Lộc và mương Ông Tiêu ở Gia-Định.

Hằng năm, theo ngân-sách các tỉnh và Đô-thành, các công tác công-chánh chỉ được cấp trung-bình từ 100 đến 150 triệu đồng nghĩa là không đến 6 phần trăm tổng số ngân sách các tỉnh. Trong lúc ấy, Bộ Công-chánh đã yểm trợ trung-bình 250 triệu nghĩa là gần 15 phần trăm ngân sách tán công-tác của Tổng nha Kiêu Lộ.

Ngoài ra, kể từ năm 1967, trong ngân sách viện-trợ Mỹ, một ngân khoản trên 1 tỷ rưỡi đã được cấp cho chương trình canh-tân các đại lộ. Sự kiện trên đây chứng tỏ rằng địa-phương không quan tâm đến vấn đề mà trái lại chỉ trông-cậy vào trung-ương. Vấn đề được đặt ra là địa phương phải đặt vấn đề cho đúng tầm quan-trọng và các ngân sách Đô-thành và tỉnh phải dành ra một ngân khoản nhiều hơn cho đường xá và cống rãnh, ít nhất cũng bằng hai lần ngân-khoản hiện thời, ít lắm là 15 phần trăm ngân sách tỉnh mỗi năm...

Vấn đề cống rãnh đã trở nên trầm trọng tại Sài Gòn Gia-định... Vì mật độ cao, dân đã xây cất nhà tại những vùng âm thấp mà trước đây là những ao vũng thiên-nhiên để rút nước mưa ở các vùng lân cận. Thêm vào đó, địa thế hiện tại vừa rất thấp vừa không dốc, lại bị ảnh-hưởng thủy-triều nên sự rút nước rất yếu trong những mùa mưa ròng (Sài Gòn hằng năm có 159 ngày mưa, có những ngày mưa giống với cường độ tối đa gần 100 ly). Vậy mà để rút nước, ta lại chỉ biết trông cậy vào những cống rãnh thiên-nhiên và một hệ thống ống cống thô sơ. Nhưng các rạch phần lớn đã bị lấp đi, thậm chí dân chúng đã xây cất lấp nghẽn các rạch chánh như rạch Ông Bương trong Chợ-Lớn, rạch Phú-lâm, mương Ông Tiêu ở Gia-định. Chính kinh Bao-Ngạn trước kia đã được đào để thoát nước, nay đã bị lấp hoàn toàn. Còn hệ-thống cống ở thị không được gia tăng theo đủ diện tích và hiện nay Sài Gòn chỉ có khoảng 275 Km đường cống và Gia-Định chỉ có 15 Km đường cống. Nếu so sánh diện-tích, thì tại Sài Gòn, mỗi cây-số đường cống phải thoát nước cho 14 mẫu tây và tại Gia-Định một cây số đường cống phải thoát nước cho 70 mẫu tây. Bởi

vậy mà ngập lụt là lẽ đương nhiên.

Theo kinh-nghiệm, 1 Km đường cống chỉ có thể thoát nước cho dưới 10 mậu tây và như vậy, phải xây thêm cho Sài Gòn ít nhất 150 Km đường cống và cho Gia-định ít nhất 80 Km đường cống, kinh phí sẽ lên đến 2 tỷ bạc.

Tuy-nhiên, vẫn còn khó khăn vì đây là vấn đề rút nước với một địa thế tổng quát đã không dốc, lại còn bị ảnh-hưởng của thủy-triều ở hạ-lưu. Do đó, cống cống không cũng chưa đủ mà phải có ống cống lớn... Đây là một khó khăn khó vượt qua. Vì tại Sài Gòn trong tổng số 275 km đường cống, chỉ có lối 14 km có thiết-diện trên 1 thước rưỡi, còn tại Gia-Định không có một đường cống nào có thiết diện trên 1 thước rưỡi. Do đó, khi có mưa giông, ngay trung tâm Sài Gòn cũng không thoát nước kịp... Cần phải nghiên-cứu một kế-hoạch toàn bộ. Kế-hoạch này đang được nghiên cứu và sẽ hoàn tất năm 1970. Ngân khoản cần thiết cho việc nghiên cứu đã tốn 100 triệu và hệ-thống tạm-thời tại Sài Gòn Gia-Định cần 5 tỷ bạc theo sự ước lượng sơ khởi.

.... Việc khẩn cấp là phải tu bổ hệ thống v cống rãnh hiện-hữu. Việc tu-bổ này hiện không được đúng mức: Mỗi năm Đô-thành chỉ cấp từ 10 đến 20 triệu trong khi cần đến 100 tr.

Kết-luận: trách-nhiệm của chánh-quyền địa-phương là không v cố gắng tu-bổ.

Như thế, lập đi lập lại, ông Tổng-trưởng đã quy-trách cho nhà cầm quyền Đô-thành hai lần trong bài điều trần trên. Không nhằm bảo chữa cho Đô-thành, nhưng chúng tôi cũng xin mở lại ngân sách Đô-thành để xem thực sự Đô-thành đã đóng góp như thế nào vào công tác công-chánh này.

Ngân sách Đô-thành niên-khoá 1969, chương 702, điều 36, khoản 361 cho ta thấy kinh-phí duy-trì và tu-bổ đường xá, cầu cống là 50.400.000 đồng, cũng chương trên, điều 72 khoản 722 cho ta thấy kinh-phí tân công tác và đại tu-bổ đường xá cầu cống là 43.500.000 đồng. Tổng cộng là 93.900.000 đồng trên tổng số 256.240.000 đồng kinh-phí của sở công chánh (chiếm 1/3). Nếu đem kinh-phí trên sánh với toàn diện ngân sách Đô-thành, ta sẽ thấy tỷ-lệ sau đây:

$$93.900.000 : 1.460.000.000 = 6,4 \text{ phần trăm.}$$

Như thế, quả như lời Ông Tổng-trưởng nói, ngân sách Đô-thành

chỉ dành ra khoảng 6 phần trăm tổng số cho các công tác thuộc đường xá công rãnh. Tuy-nhiên, nếu ta để ý: Đô-thành có đến 60 dịch vụ khác nhau, mà nguyên dịch vụ đường xá và cầu cống đã chiếm tới 6,4 phần trăm ngân sách, thì tỷ-lệ ấy cũng đã là nhiều rồi.

Niên-khoá 1970, ngân sách Đô-thành dành 109.500.000 đồng cho các công tác đường xá cầu cống. Kinh-phí này dĩ nhiên là không đủ. Do đó, ngân sách viện-trợ đã dành cho Đô-thành 24 triệu để thực hiện 30 Km đường khóm, 1 triệu Mỹ-kim để tráng nhựa nóng 15 con đường và cung cấp 20.000 tấn nhựa nóng để tu bổ các đường khác trị giá 250.000 mỹ-kim. Ngoài ra, còn có sự đóng góp của Tổng-nhà Kiều-lộ nữa, mức đóng góp này chưa được xác định (1).

II. Kiến-thiết: tại tòa Đô-chánh, hai cơ quan phụ trách các công-tác xây cất là sở thiết-kế và Gia-cư liên-gia-cuộc. Cơ quan thứ nhất đặt trọng tâm xây cất các công sở công ốc và cơ quan thứ hai lo việc xây gia-cư cho công-tư-chức và dân nghèo.

A. SỞ THIẾT KẾ: Ngân sách Đô-thành niên-khoá 1969 cho ta thấy tại chương 704:

- điều 35, khoản 351, kinh phí về công tác tu-bổ thường-xuyên các công-thự là 5.000.000 đồng.

- điều 72, khoản 720 về tài công tác được dự trù 174 tr.

Năm 1970, còn rất nhiều công tác khác thuộc cơ sở hành-chánh (16 triệu), cơ sở tiểu-học (27 triệu), cơ sở y-tế vệ-sinh (27 triệu), đại tu bổ (17 triệu)... Và như ta đã thấy ở trên, cơ quan viện trợ mỹ đóng góp khá nhiều trong công tác xây trư ơng tiểu-học qua sự đóng góp bằng vật liệu hoặc tiền (2).

B. GIA-CƯ LIÊN-GIA-CUỘC: Nhu cầu nhà ở của dân chúng Thủ đô rất cấp bách. Năm 1962, Đô-thành có 230.460 gia đình sống trong 209.940 căn nhà. Như thế thiếu 20.520 căn. Ngoài ra, do việc gia tăng dân số, nhu cầu nhà mới hằng năm là 19 ngàn căn. Ấy vậy mà từ ngày thành lập đến năm 1966, hai cơ quan Doanh-lý kiến-thiết (thuộc tổng-cục gia cư) và Gia-cư

(1) Kế hoạch phát triển Sài Gòn năm 1970, tr. 199-201.

(2) cũng tài liệu trên, trang 202-209.

Liên-gia-cuộc (cơ quan tự-trị của Đô-thành) mới chỉ xây được khoảng 20.000 đơn vị gia cư.

Phần lớn số đơn vị gia cư trên bán cho công-chức theo lệ trả góp (trả trước 1/2, số còn lại trả trong 10 hoặc 5 năm). Dân nghèo do đó, vẫn chưa có nhà ở. Chính vì vậy, năm 1970, Tòa Đô-chánh đã thỏa hiệp với phái-bộ viện-trợ Dân sự vụ Hoa Kỳ (SCAG) đặt kế-hoạch lâu dài và rộng lớn để xây cất nhà bình-dân để bán trả góp cho đồng-bào nghèo (rẻ, vì trả góp trong vòng 10 năm khỏi trả trước 1/2). Kế-hoạch này được chấp-thuận chót năm 1969. Theo đó, Phái-bộ thỏa-thuận tài trợ chi phí xây cất 600 căn nhà, mỗi căn trị giá 50.000 đ. trả dài hạn trong 10 năm không tính tiền lời. Số tài trợ cho tất cả 600 căn là 30 triệu đồng. Số tiền này có thể tháo-khoán cho Gia-cư Liên-gia-cuộc lãnh trọn một lần để thực hiện công-tác.

Ngoài chương-trình xây cất nhà cửa nói trên, Đại-diện SCAG/Đôthành còn trợ giúp chương-trình tự-túc xây cất nhà cửa như sau: Tổng số gia-đình trong năm 1970 dự trù được trợ cấp là 1500 gia-đình, mỗi gia-đình được trợ cấp 10 tấn tôn, 30 bao xi-năng, 250 kilô sắt (1).

Một lần nữa, ta lại thấy khả năng giới hạn của Đô-thành trong việc tự lo liệu lấy công-việc của mình, nhằm tìm ra các phương-tiện để thực-hiện các công-tác thuộc phần-vụ mình. Muốn hiểu tại-sao có cái giới hạn đó, ta hãy coi đoạn sau.

Đ o a n b o n

Vấn-đề tài- chánh của Đô-thành Sài-gòn

Tất cả các dữ- kiện chúng tôi vừa trình-bày ở các đoạn trên cho thấy phần nào khuôn mặt thực của sinh-hoạt hành-chính Đô-thành. Khuôn mặt đó xem ra còn gầy gò thiếu nỡ, mặc

(1) Xem Kế-hoạch phát-triển Đô-thành Sài-gòn năm 1970, tr. 175

dù Saigon là thủ-đô của Việt-Nam Cộng-hòa, nơi được dành cho nhiều ưu-tiên phát-triển. Hầu như bất cứ ở ngành nào, nhất là ở những ngành liên-quan trực-tiếp đến các dịch-vụ có tính-cách tiện-ích công-cộng, Hành-chánh Đô-thành đều cảm thấy mình bất lực, không thể tự mình lo-liệu lấy một mình được, mà cần phải nhờ đến người ngoài. Chẳng còn gì đáng buồn cho bằng thủ-đô một quốc-gia độc-lập mà vẫn còn phải sống nhờ kẻ khác.

I. Những con số về ngân-sách: Nhưng quy-trách cho nhà cầm quyền Đô-thành không ý-thức được vấn đề, không cố gắng trong các công-tác thuộc trách-nhiệm mình, thực ra là một quy-trách quá dễ dãi. Bởi vì "lực bất tòng tâm", không tiên thì làm sao mua được tiên nghĩa là mua được vẻ đẹp cho mọi sinh-hoạt của Đô-thị.

Lần rở lại tình-hình tài chánh mấy năm gần đây ta thấy Đô-thành phải gánh một gánh khá nặng về ngân-sách:

	1966	1967	1968	1969
Thu	896.740.000	1.238.587.000	1.350 triệu	1.460 tr.
Chi	613.111.000	1.211.083.000	1.350 tr.	1.460 tr.

Niên khóa 1970, dự-trù ngân-sách Đô-thành lên tới 1 tỷ 800 triệu đồng. Con số ấy lớn gần bằng tổng đ số tất cả các ngân sách tỉnh gộp lại (1). Một điều cũng nên để ý: Kể từ năm 1965, ngân sách Đô-thành không còn được ngân sách quốc gia trợ cấp nữa. Trong khi đó, tại các tỉnh, số trợ cấp này lên đến trên 50 phần trăm tổng số ngân sách hằng năm. Đã vậy, hằng năm Đô-thành còn phải dự kinh-phí đảm phụ vào ngân sách quốc-gia về chi-phí cảnh-sát là 100 tr. đồng tại chương 901, điều 54, khoản 541.

Như thế, sự đóng góp về tài chánh của Đô-thành phải được kể là lớn lao.

(1) Các tỉnh trên toàn quốc thực chi niên-khoá 1966 tổng-cộng là 1.178.762.000 đồng. Cùng niên-khoá đó, một mình Đô thành tiêu 896.740.000 đồng.

II. Sự thiếu-thốn về ngân-sách: Tuy-nhiên, ngân-khoản lớn lao ấy so với các công-tác của Đô-thành lại trở nên thiếu-thốn, như ta đã thấy. Vì Đô-thành là một trung-tâm dân-cư đông đảo với trên dưới 60 dịch vụ khác nhau (1) cần thoả mãn, qua một hệ thống tổ-chức nặng về nhân sự: 8873 nhân-viên !

Bởi vậy, nguyên về chi phí điều hành niên-khoá 1969 đã chiếm 1.211.260.000 đồng nghĩa là trên 80 phần trăm tổng số ngân sách, mặc dù tòa Đô-chánh đã tiết-giảm phần chi phí này đến mức tối thiểu. Với tình-trạng ấy, "chương-trình tân công-tác công-chánh, thiết-kế và việc mua sắm mới, một phần lớn đều gác lại" (2).

Sự thiếu thốn về ngân sách này tất nhiên có nhiều lý-do. Nhưng những lý-do này phần-nhiều không do ý muốn của hành-chánh Đô-thành. Vì trong khi ở các tỉnh, số thực thu bao giờ cũng nhỏ hơn số dự thâu, thì trái lại ở Đô-thành, số thực thu trong mấy năm gần đây có phần trội hơn số dự thâu. Tỷ-dự niên-khoá 1969, số dự thâu là 1.460 triệu, vậy mà tính đến ngày 30-11-1969 số thực thu đã lên đến 1.775 triệu (3). Số thu do đó, thường thường là khả quan, cho nên không thể quy-trách cho hành-chánh Đô-thành về sự hụt thiếu ngân sách được. Lý do của sự thiếu-thốn này phải đi tìm ở chỗ khác.

Theo thiên ý, lý do thứ nhất chính là vì nhà cầm quyền trung-ương đã không tìm cách gia - tăng số thu cho Đô-thành. Cụ thể nhất, niên-khoá 1969, vì kinh-phí do các sở đưa ra quá hai tỷ đồng bạc, trong khi số thu của Đô-thành không thể thoả mãn nổi, nên Tòa Đô-chánh đã xin nhà cầm quyền trung-ương tài trợ 400 triệu để quân-bính ngân-sách. thỉnh cầu này đã bị Tổng-Nha Ngân-sách và Ngoại-viện bác bỏ (4). Tuy-nhiên xét về ảnh-hưởng chánh-trị, người ta không mong cho Đô-thành được hưởng sự tài trợ đó. Vì đã

(1) nếu ta coi 1 phòng của tòa Đô-chánh là một dịch vụ.

(2) Ngân sách Đô-thành Sài Gòn năm 1969, trang XII.

(3) tài-liệu: Sở Tài-chánh Đô-thành.

(4) Ngân sách Đô-thành Sài Gòn niên-khoá 1969, trang III.

sao Đô-thành cũng cần chứng tỏ sự tự-túc của mình.

Nhưng muốn cho Đô-thành có thể tự-túc được, thì phải lo hết cách cho số thu của Đô-thành tăng lên. Chúng tôi muốn đề cập đến khoản thuế môn bài. Chúng ta biết: chính Tổng-Nha Ngân sách và Ngoại-viện đã đề nghị cho địa-phương đ ư ợ c hưởng trọn hai thứ thuế môn bài và thổ-trạch. Nhưng sắc-lệnh số 041/67 ngày 18-10-1967 chỉ chấp thuận cho địa phương đư được hưởng trọn thuế điền thổ, còn thuế môn bài, địa-phương chỉ được hưởng bách-phần phụ-thu mà thôi, vì sợ rằng cho hưởng cả phần chánh-cung thuế môn bài thì chỉ những thành-phố có mức thương-mại cao như Đô-thành Sài-gòn là có lợi, và sẽ quá giàu... Lập luận này thực là ngây thơ bởi vì ngay chính ngân sách Đô-thành, mang tiếng là tự-trị tự-túc, nhưng chẳng năm nào không phải nhờ đến ngân-khoản viện-trợ cũng như ngân sách quốc-gia trong các công tác mở lớp học, mở đường xá cầu cống, hoặc xây dựng gia-cư... Với tình-trạng như vậy này, chúng ta ngại rằng dù có trao cho Đô-thành hưởng trọn khoản thuế môn bài, cũng chưa chắc Đô-thành đã có đủ ngân-khoản để tài trợ các công tác thuộc phần vụ mình, chứ đừng nói đến chuyện giàu ! vậy thì, thực ra, nhà cầm quyền trung-ương chưa ý-thức vấn đề chứ không phải là nhà cầm quyền Đô-thành như lời kết tội của Ông Tổng-trưởng Công-Chánh và Giao-thông vận-tải.

Lý-do thứ hai là sự luán-quán của Hội-Đồng Đô-thành. Như bất cứ cơ quan dân cử nào khác, Hội-đồng Đô-thành tất nhiên phải bênh-vực quyền lợi của dân. Điều đó là chánh đáng. Tuy nhiên, thế nào mới là quyền lợi của người dân?

Quyền lợi của người dân là đóng thuế càng nhẹ càng tốt, hay quyền-lợi của người dân là nhu cầu về nhà ở, đường xá, cầu cống, điện nước, rác rưởi, nhà thương, trường học... cần được thỏa mãn? Hỏi tức là đã trả lời rồi vậy. Cho nên Hội-đồng Đô-thành cần phải dứt khoát thái-độ: lấy lòng dân bằng những chương-trình công-tác cụ-thể, chứ không bằng cách mị-dân giảm thuế khiến người dân Đô-thành vẫn còn cứ tiếp-tục phải sống trong những điều-kiện vệ-sinh, y-tế, giáo-dục, công-chánh, gia cư thấp kém. Chúng tôi muốn nói đến trách-nhiệm của Hội đồng Đô-thành qua việc duyệt-lại các sắc thuế hiện hành.

Tổng-Nha Ngân-sách và Ngoại-viện đã không chấp thuận

đề-nghị tài trợ cho Đô-thành 400 triệu về niên-khoá 1969, chính là đã vin vào lý-do: Tại Đô-thành có nhiều khoản thuế và lệ-phí mà giá-biểu hiện đang áp-dụng xét ra còn quá thấp cần tu-chỉnh cho thích hợp với hiện-tình (1).

Thực vậy, nhiều sắc thuế, hoa lợi và lệ-phí tại Đô-Thành vẫn còn áp dụng giá-biểu có từ 10 hoặc 20 năm nay. Tỷ dụ như:

a./ Bách phân phụ-thu thuế môn bài hiện vẫn dựa vào sắc luật 009-SL ngày 15-7-1956.

b./ Tất cả các thứ thuế đồng hóa trực thu đều căn cứ vào các văn-kiện có trước thập-niên 1960 hoặc xa hơn. Chỉ duy có thuế bao lơn là dựa vào nghị-định Đô-thành số 312-TC/2 ngày 9-1-1962.

c./ Tất cả các thứ thuế choán công-sản, cũng vậy, đều căn cứ vào những văn-kiện có trước năm 1957, duy có thuế bến xe là được thay đổi do quyết-nghị số 781-TC/TN/TX ngày 18-10-1968.

d./ Các hoa-lợi trung thầu và quan quản dựa vào các văn-kiện có trước 1954.

e./ tiền thầu có tính cách hành-chánh phần lớn cũng căn cứ vào các văn-kiện có trước năm 1957, trừ các lệ-phí trích-lục hộ-tịch, giấy phép hí-cuộc, bệnh-viện-phí là có thay đổi theo các quyết-định mới vào những năm 1967 và 1968.

f./ Hoa lợi tư sản: dựa vào văn kiện có trước 1953 trừ tiền cho mượn đất căn cứ vào nghị-định Đô-thành số 311-TC/2 ngày 9-4-1962.

g./ Các hoa lợi khác thuộc chương bảy điều bốn dựa vào các văn-kiện có trước năm 1952 (2)...

Đã nhiều lần toà Đô-chánh trình Hội-đồng xét lại các thứ thuế đó, nhưng không được Hội-đồng chấp-thuận.

Với tình trạng ấy, làm sao Đô-thành có đủ ngân-khoản để tài trợ các công tác của mình được? Thành thử ra, nói 1 cách tổng quát, các thẩm quyền chưa thực sự lo lắng đủ cho Đô-thành Sài Gòn, chưa muốn cho Đô-thành tìm lại khuôn mặt HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG xa xưa của thời bị trị.

(1) Ngân sách Đô-thành 1969, trang III

PHẦN KẾT - LUẬN

Nền hành-chánh Đô-thành Sài-gòn, hơn bất cứ nền hành-chánh địa-ương nào khác, đã có một lịch sử lâu dài. Nó luôn luôn được biến đổi tùy theo chánh sách của nhà lãnh đạo quốc-gia. Nhưng tựu-trung, hướng tiến dân-chủ của nó mỗi ngày càng rõ-rệt thêm lên, mặc dù có nhiều thăng trầm chìm nổi.

I. MỘT QUY CHẾ CHO ĐÔ-THÀNH: Tuy-nhiên, phải thành-thực nhận rằng chánh-quyền trung-ương vẫn chưa ý-thức đúng-dắn vai trò của Đô-thành Sài-gòn. Mặc dù trên danh-nghĩa, các văn kiện pháp lý bao giờ cũng dành một địa vị quan-trọng cho cho Đô-thành. Bằng chứng cụ thể là nhà cầm quyền trung-ương có thói quen tách ra một văn-kiện riêng áp dụng cho việc quản-trị Đô-thành Sài-gòn. Điều đó chứng tỏ Sài-gòn là một thành-phố quan-trọng. Mà nó quan-trọng thực vì đó là thủ-đô lịch-sử, chánh-trị, văn-hóa, kinh-tế, thương-mãi của cả quốc-gia

Nhưng sự quan-trọng trên chỉ có về hình-thức. Bởi vì nếu xét đến nội dung, ta thấy sự tổ-chức và điều-hành việc quản-trị Đô-thành Sài-gòn, trên phương-diện pháp-lý, chẳng khác gì sự tổ-chức và điều-hành việc quản-trị h một thị-xã hay một tỉnh (1). V ChỈ khác một điều là ở Đô-thành, Đô-trưởng có nhiều phụ-tá, nhiều cơ quan hơn một thị-trưởng hoặc 1 tỉnh-trưởng. Thành-thủ trên phương-diện tổ-chức pháp-lý, hể một tỉnh nhỏ như Quảng Đức (34.000 dân) có cái gì thì Đô-thành Sài-gòn (trên 2 triệu dân) cũng có cái đó. Thẩm quyền của ông tỉnh-trưởng và của hội-đồng tỉnh Quảng-Đức ra sao thì thẩm-quyền của ông Đô-trưởng và Hội-đồng Đô-thành Sài-gòn cũng là vậy.

Hiện-tượng ấy, xét cho cận kỹ, là một hiện-tượng nghịch-

(1) Xem lại nội dung Dự 57^a ngày 24-10-1956, sắc lệnh 74-TTP ngày 23-3-1959, các sắc lệnh 67,68,69-NV ngày 9-4-1965

thường. Cần phải quan-niệm lại một cách đúng đắn vị-trí quan-trọng của Đô-thành Sài-gòn về phương-diện địa-lý nhân-văn, kinh-tế xã-hội, chánh-trị văn-hóa để đặt nó vào một quy-chế riêng-rẻ, phần nào khác với quy-chế của thị-xã và các tỉnh. Ta không thể nào nhầm mất đồng-hóa nó với tổ-chức tỉnh và thị-xã. Vì từ cơ cấu xã-hội đến kinh-tế văn-hóa, cái gì Sài-gòn cũng mang một bộ mặt đặc biệt không giống bất cứ một thị-xã, một tỉnh-lỵ nào. Muốn giải quyết một cách ôn hòa tất cả những vấn đề đa-loại và phức-tạp ấy, một quy-chế áp-dụng riêng cho Sài-gòn là một việc phải làm. Như thế, bắt buộc phải phân-loại các tỉnh, thị-xã và Đô-thành căn cứ vào nội dung của chúng nhằm đưa lại cho chúng những chương-tiện khác nhau, phù hợp với từng nội dung, để cho từng loại tập-thể trên có thể hoàn thành đúng sứ-mệnh của mình.

Trong dĩ-vãng, tại Việt-Nam, từng đã có sự phân-loại ấy: sắc lệnh ngày 11-7-1908 đã ấn định Sài-gòn, Hà-Nội và Hải-Phòng là các thành-phố hạng nhất, còn Chợ-lớn, Tou-rane... là những thành-phố hạng nhì. Tại Mỹ, nền hành-chánh địa phương cũng được tổ chức thành nhiều loại thành-phố khác nhau, mỗi loại có một loại ước chương khác nhau quy-định sự tổ-chức và điều-hành. Người ta đếm được ít là năm loại ước chương:

a./ ƯỚC CHƯƠNG RIÊNG (Special charter): do dân địa-phương và cơ quan có quyền ban bố (quốc-hội tiểu-bang) cùng nhau thảo luận để tạo nên. Nhờ thế, ước-chương sẽ thích-hợp hoàn cảnh và tập quán địa phương mà không xâm-phạm quyền lợi của tiểu-bang. Tuy-nhiên vì sự tạo lập ước chương loại này phiền toái, đòi hỏi nhiều thì giờ, nên một số tiểu-bang đã ngăn cấm.

b./ ƯỚC CHƯƠNG CHUNG (General charter) là loại ước-chương áp dụng cho mọi thành-phố không kể lớn nhỏ. Hình-thức này không được ưa chuộng vì không chú trọng hoàn cảnh và nhu-cầu địa phương. Do đó, đối với một số đơn vị, có nhiều điều khoản dư thừa, trong khi thiếu đối với các đơn vị khác.

c./ ƯỚC CHƯƠNG XẾP HẠNG (classified charter). Theo đó, những đơn vị có cùng một dân số, sẽ có một ước-chương như

nhau. Các ước-chương được xếp loại sẵn và do cơ quan lập-pháp ban hành. Loại ước chương này giảm tính cách độc-đoán của cơ quan lập-pháp. Tuy nhiên cũng có cái bất lợi vì có thể các đơn vị có dân số như nhau, nhưng nếp sống và nhu cầu hay điều-kiện sinh-hoạt khác nhau, nên không-thể tiên thiên áp-dụng một ước-chương như nhau.

d./ ƯỚC CHƯƠNG NHIỆM Ý (Optional charter): Chính quyền tiểu-bang đặt ra một số ước chương và dân chúng qua cuộc trưng cầu dân ý sẽ k lựa chọn.

e./ ƯỚC CHƯƠNG TỰ THẢO (Home rule charter): Tiểu bang cho phép các địa phương tự thảo lấy ước chương cho mình. Loại này theo lẽ thường phải được hãm mộ, nhưng thực ra, trong số 6.400 thành phố được hưởng quyền tự-thảo ước chương, chỉ có 1.400 đã thực-hành quyền đó (1)

Theo thiên-ý, tại Việt-Nam, không thể nào cho phép ban hành những ước-chương loại a, b, d và e được mà chỉ nên áp-dụng ước chương loại c tức ước chương xếp hạng. Nhà cầm quyền (hiểu cả về Hành-pháp lẫn lập-pháp) xếp hạng sẵn các thành-phố rồi soạn cho mỗi loại thành phố một ước-chương phù hợp với những điều-kiện sinh-hoạt của thành-phố ấy. Trong việc soạn-thảo, sự đóng góp ý-kiến của Hội đồng Đô-thành, thị-xã hay tỉnh là điều-kiện sinequanon (i.e. không có không được) tuy không có tính cách biểu quyết.

Cần phải thực hiện đề-nghị trên, bởi vì Đô-thành Sài-Gòn có một bộ mặt khác hẳn tỉnh và thị xã. Đô-thành có quận, nhưng quận Đô-thành rõ rệt không giống quận ở tỉnh. Đô-thành không có xã ấp nhưng có phường-khóm, nhưng phường khóm Đô-thành cũng lại không giống xã ấp chút nào. Do đó, bất cứ một mẫu mực tổ-chức nào ở tỉnh đem áp dụng nguyên-ý cho Đô-thành cũng là điều không thích hợp. Cần phải có một quy-chế riêng cho việc quản-trị Đô-thành Sài-gòn.

II. CUNG CẤP PHƯƠNG-TIỆN THỰC-THI NGUYÊN TẮC PHÂN-QUYỀN

Ngoài ra, ta phải nhìn-nhận các cố gắng liên-tục của nhà cầm quyền nhằm dân chủ hóa nền hành-chánh địa-phương,

(1)Gs. Nguyễn-khắc-Nhân, Hành-chánh địa-phương Hoa-kỳ, giảng tập cao-học hành-chánh.

đặc biệt là nền hành-chánh Đô-thành. Từ một đơn vị chỉ hoàn toàn có tính cách "con cái" của chánh-phủ trung ương, chịu sự kiểm-soát hoàn-toàn của trung-ương (thời đệ I Cộng-hòa), ngày nay, Đô-thành Sài-gòn đã dần dần trở thành một đơn vị phân-quyền đúng nghĩa qua việc phục hồi và tăng tiến các quyền-hạn thực sự cho Hội-đồng Đô-thành. Sự phân-quyền sẽ lên đến tột đỉnh với định-chế Đô-trưởng dân cử đã do điều 71 Hiến-pháp quy-định. Việc bầu cử này nếu không có gì thay đổi vào phút chót, sẽ được tổ-chức vào nhiệm kỳ hai của tổng-thống đệ nhị cộng hòa. Như thế, quyền lợi địa-phương sẽ do cả hai cơ quan dân cử của địa-phương quản-trị trực tiếp.

Tuy-nhiên, ở cả hai lãnh-vực này, ta thấy chánh-quyền trung-ương dường như chỉ chú-ý đến cái bề ngoài, cái hình-thức mà quên đi cái bề trong, cái nội-dung.

Thực vậy, muốn cho sự phân-quyền thực sự có ý-nghĩa về nội dung, ta phải làm sao cho địa phương tự mình đứng vững được đã, nghĩa là có thể tự túc tự lập được, mà khỏi cần phải nhờ đến trung-ương. Sự nhờ vả về tiền-bạc bao giờ cũng kèm theo một mức độ lệ thuộc nào đó. Bởi vì rõ ràng là ai nắm được hầu bao là nắm được uy-quyền. Người ta sợ rằng một mai đô-trưởng dân-cử cũng sẽ chẳng làm được gì cho quyền lợi địa-phương, một khi ông phải ngửa tay đi xin sự tài trợ của trung-ương hoặc tệ hơn nữa của ngoại quốc. Sự phân-quyền thực là một trò hề trong trạng huống đó. Vì nếu Đô-trưởng không chịu tuântheo những điều kiện do người có tiền đặt ra, ông sẽ không nhận được sự tài trợ cần-thiết cho các công-tác lớn lao của địa-phương; trong trường hợp này, rất có thể ông mất chức vì bị kết tội là không thực-hiện được những công-tác cho dân nhờ ! Nhưng nếu tuân theo các điều-kiện ấy - những điều kiện không luôn luôn phù-hợp với nguyện vọng của địa-phương - là đem quyền-hạn của địa-phương đặt dưới chân kẻ có tiền rồi vậy.

Bởi thế, Vấn đề chưa hẳn là bầu cử cho thật nhiều cơ quan dân cử cho địa-phương, mà vấn đề là làm sao cho địa-phương có thể tự sống đã. Trong chiều hướng này, ngay từ bây giờ, cần phải sửa đổi các luật lệ thuế khóa như thế nào đủ giúp cho địa phương dồi dào về ngân sách. Nhiên-hậu mới nên bầu bán tỉnh, thị, đô-trưởng.

Tại Mỹ (quốc gia mà chúng ta đang chịu đậm ảnh hưởng), nhiều khi người ta chú-ý đến các công việc của địa-phương hơn là quy-chế tổ-chức. Bởi vậy, không những các địa-phương do nhà hữu-trách địa-phương quản-trị không có sự kiện-diện bên cạnh của các viên-chức tiểu hoặc liên-bang đã dành, mà họ còn được quản-trị rất nhiều công việc riêng của địa-phương đến nỗi công việc của trung-ương tại địa-phương rất ít. Bảng thống-kê sau đây, trích trong giảng-tập của Giáo-sư Nguyễn-khắc-Nhan, về các chi tiết kinh-phí không quân sự năm 1960 tính theo triệu mỹ-kim:

Các loại kinh-phí	của mọi cấp	L. bang	t. bang	đ. phương
tài nguyên, c. nông	8.414	7.225	842	347
Bưu điện	3.730	3.730	-	-
ytế B.viện	5.245	1.450	1896	1.899
đường xá	9.565	135	6070	3.358
tiện ích c. cộng	4.462	58	2231	2.183
giáo dục	19.404	685	3557	15.162
cảnh sát cứu hỏa	3.025	173	245	2.607
công trình vệ sinh	1.727	-	-	1.727
các món nợ	5.332	3.662	536	1.134
k. soát tổng quát	2.859	746	654	1.459
các loại khác	9.572	3.705	1924	4.055
tổng kết	73.935	21.571	17.945	33.931

Sự kiện đó cho thấy đa số các dịch-vụ công là do địa-phương lo lấy hết. Chúng tôi tưởng ở Việt-Nam ta cũng nên vậy. Ta đã mô-phỏng hình-thức dân-chủ của người, thì cũng phải mô-phỏng cả nội dung dân-chủ của họ nữa, bằng cách tráo hầu hết mọi công-việc cho địa phương tự lo-liệu lấy. Điều này hiện chưa được áp-dụng, vì so sánh với chi phí của trung-ương, ta thấy kinh-phí của địa-phương chỉ chiếm 2,5 phần trăm (niên-khoá 1966), 2,7 phần trăm (niên-khoá 1967), 2,1 phần trăm (niên-khoá 1968) (1). Đã đành mức chi

(1) Niên-giám thống kê 1967-1968.

tiêu ở Hoa-kỳ mà chúng tôi nêu ra trên không gồm sự chi-tiêu về quân sự, còn mức chi tiêu ở Việt-Nam bao gồm cả chi tiêu về quân sự. Nhưng tỷ-lệ kia dù sao vẫn còn là quá nhỏ.

Tuy-nhiên, điều cần chú-ý là tại Hoa-kỳ, địa-phương thu nhiều sắc thuế và dùng tiền đó để đài-thọ lương bổng cho các viên chức do chính địa phương tuyển-lựa, cũng như tài-trợ các dự-án do chính địa phương hoạch định. Tài-liệu sau đây trích trong giảng-tập đã trích của Giáo-sư Nguyễn-khắc Nhân sẽ cho thấy điều trên:

Năm	tổng số thuế (triệu mỹkim)	Liên-bang	tiểu bang	địa phương
1952	84.801	64.036	11.295	9.470
1959	110.209	76.176	17.161	16.536
1960	126.600	88.400	20.200	18.000

Tỷ-lệ thu thuế trên thật khác tỷ lệ ở ta. Không lạ gì nền hành chính địa phương của ta chưa thực sự phục vụ quân chúng. Điều này cũng đúng cho cả Đô-thành nữa.

Tóm lại, muốn cho nền hành-chính Đô-thành đóng đúng vai trò của nó, bắt buộc ta phải tìm cách cung cấp cho nó đầy đủ phương tiện: phương tiện ấy phải lồng trong một khung pháp-lý mới mới phù hợp cho các điều-kiện sinh-hoạt của Đô-thành về mọi mặt. Trong cuộc chiến đa-diện hiện nay, công cuộc xây dựng phải nhằm và đặc biệt phải nhằm vào Sài-gòn, vì Sài-gòn hiện được coi như đồng-nghĩa với chế-độ, sự vinh-nhục của nó cũng chính là sự vinh-nhục của chế-độ. Nhà cầm quyền trung-ương nên can-đảm dứt khoát thái độ trong chiều hướng những đề-nghị trên nhằm phụ-hồi và tăng tiến bộ mặt sinh-hoạt của Thủ-Đô, giúp nó xứng đáng tìm lại ngôi-vị ĐÀM NGỌC VIÊN-ĐÔNG đạo nào./.

????????

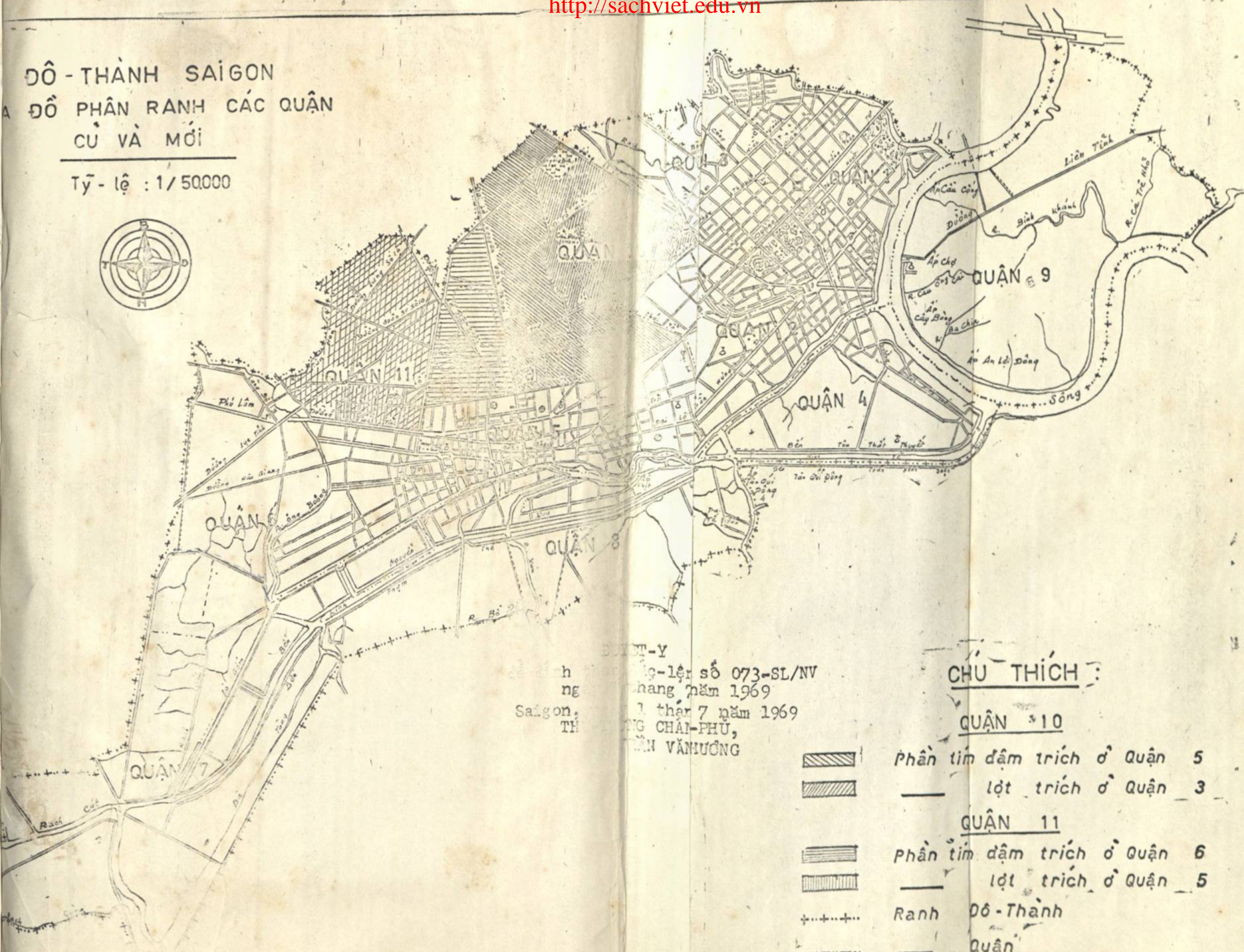
TÀI - LIỆU THAM - KHẢO

1. Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 1.4.1967.
2. Công-báo Việt-Nam Cộng-Hòa các năm từ 1954-1970.
3. VIỆN THỐNG-KÊ QUỐC-GIA:
 - Điều tra dân số tại Sài Gòn năm 1967
 - Niên giám thống-kê 1967-1968
4. QUÁCH-TÔNG-ĐỨC, Vấn đề địa-phương phân-quyền trong tổ chức hành-chánh các đô-thị tại Việt-Nam, Nghiên-cứu Hành-chánh, số 7/1960.
5. NGUYỄN-THÀNH-CUNG và NGUYỄN-DUY-XUÂN, Sinh-hoạt của một đơn-vị hành chánh Đô-thành: Quận Ba, Nghiên-cứu Hành-chánh, số 7/1962, 2/1963, 5/1963.
6. TRẦN-VAN-ĐÌNH. Hành-chánh Đô-thành Sài Gòn, Sài Gòn, 1959.
7. BUI-QUANG-KHÁNH, Hành-chánh địa phương chỉ nam, Sài Gòn 1961
8. LÊ-văn-AN, TỔCHỨC hành-chánh Việt-Nam, Sài Gòn 1963.
9. NGUYỄN-QUANG-QUỶNH,
Các vấn-đề thị thôn, giảng tập Cao-học hành-chánh.
10. NGUYỄN-KHẮC-NHÂN,
Hành-chánh địa-phương tại Hoa-kỳ, giảng tập ban cao-học Hành-chánh.
11. LƯƠNG-THỌ-PHÁT, Tôn-lý hành-chánh, giảng tập cao-học hành-chánh.
12. TÀI-LIỆU TÒA ĐÔ-CHÁNH:
 - Kế-hoạch phát-triển đô-thành Sài Gòn năm 1970,

ĐÔ - THÀNH SAIGON



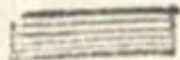
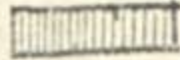
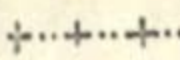
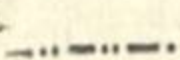
A ĐỒ PHÂN RANH CÁC QUẬN CŨ VÀ MỚI

Tỷ - lệ : 1/50.000



ĐIỀU - Y
Tỷ - lệ số 073-SL/NV
tháng năm 1969
1 tháng 7 năm 1969
NG CHÂU - PHÚ,
PHẦN VĂN MƯƠNG

CHÚ THÍCH :

-  Phần tìm dặm trích ở Quận 5
-  —— lợt trích ở Quận 3
-  Phần tìm dặm trích ở Quận 6
-  —— lợt trích ở Quận 5
-  Ranh Đô - Thành
-  —— Quận

QUẬN 10

QUẬN 11

- Ngân-sách Đô-thành niên-khoá 1968 và niên-khoá 1969.
- Sở hành-chánh và nhân viên.
- Sở kế-hoạch
- Sở tài-chánh

13. TÀI LIỆU THANH-KHOÁ RIÊNG,

ĐỊA PHƯƠNG CHỈ CÁC QUẬN IV, V, VI và VIII ĐÔ-THÀNH, do các nhóm sinh-viên cao-học hành-chánh thực-hiện năm 1968

14. CHARLES A. JOINER, Public administration in the Saigon metropolitan area, Saigon June 1962.
15. LLOYD W. WOODRUFF, Local administration in Vietnam: its future development, Saigon 1961.
16. UNION INTERNATIONALE DES VILLES ET POUVOIRS LOCAUX, Les problèmes des municipalités dans pays en développement Afrique-Asie, La Haye 1960
17. INSTITUT TECHNIQUE DES ADMINISTRATIONS PUBLIQUES, La mairie au service du public, Paris 1955.
18. ROGER GARREAU, Le LOCAL GOVERNMENT en Grande-Bretagne Paris 1959.
19. DCXLADIS ASSOCIÉS, Saigon, région métropolitaine, développement urbain, Programme et Plan
20. ROBINSON, WILLIAM-ALLEN and UNWIN, Great cities of world
21. GENERAL AFFAIRS, BUREAU METROPOLIS OF TOKYO, Tokyo 1954.

XXXXXXXXXX